

**TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG  
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**BÀI TẬP CUỐI KỲ  
MÔN PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ YÊU CẦU**

# **PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHUỖI CỬA HÀNG BÁN HOA**

*Người hướng dẫn:* **Th.S. NGUYỄN TRỌNG NHÂN**

*Người thực hiện:* **TỪ HUY VẠN – 51800263**

**LÊ NGUYỄN MINH TUẤN - 51800950**

**NGUYỄN ĐOÀN CÔNG CẦN - 51800844**

**VÕ QUỐC SƠN - 51800922**

**LÂM THẾ HUÂN - 51800548**

**Lớp : 18050301**

**Khoá : 22**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2020**

**TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG  
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**BÀI TẬP CUỐI KỲ  
MÔN PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ YÊU CẦU**

**PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG  
QUẢN LÝ CHUỖI CỬA HÀNG BÁN HOA**

*Người hướng dẫn:* **Th.S.NGUYỄN TRỌNG NHÂN**

*Người thực hiện:* **TỪ HUY VẠN – 51800263**

**LÊ NGUYỄN MINH TUẤN - 51800950**

**NGUYỄN ĐOÀN CÔNG CẦN - 51800844**

**VÕ QUỐC SƠN - 51800922**

**LÂM THẾ HUÂN - 51800548**

**Lớp : 18050301**

**Khoá : 22**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2020**

## LỜI CẢM ƠN

Môn Phân tích và thiết kế yêu cầu là một môn học rất hay, cung cấp những kiến thức về cách thức xây dựng và phát triển một phần mềm, từ những bước ban đầu như phân tích yêu cầu của khách hàng, các qui trình phát triển cho từng loại yêu cầu và cũng như là quá trình phát triển của từng quy trình. Cảm ơn thầy Nguyễn Trọng Nhân đã có những bài giảng bổ ích và những hướng dẫn để chúng em có thể hoàn thành đồ án của môn Phân tích và thiết kế yêu cầu với đề tài quản lý chuỗi cửa hàng bán hoa.

Mặc dù đồ án đã được hoàn thiện nhưng nhóm chúng em vẫn có thể không tránh khỏi những sai sót, kính mong thầy có thể góp ý và giúp đỡ nhóm em. Nhóm em xin chân thành cảm ơn thầy.

## **ĐỒ ÁN ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

Tôi xin cam đoan đây là sản phẩm đồ án của riêng tôi và được sự hướng dẫn của GV Nguyễn Trọng Nhân;. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi rõ trong phần tài liệu tham khảo.

Ngoài ra, trong đồ án còn sử dụng một số nhận xét, đánh giá cũng như số liệu của các tác giả khác, cơ quan tổ chức khác đều có trích dẫn và chú thích nguồn gốc.

**Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung đồ án của mình.** Trường đại học Tôn Đức Thắng không liên quan đến những vi phạm tác quyền, bản quyền do tôi gây ra trong quá trình thực hiện (nếu có).

*TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020*

*Tác giả*

*(ký tên và ghi rõ họ tên)*

*Từ Huy Vạn*

## PHẦN XÁC NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN

### Phần xác nhận của GV hướng dẫn

---

---

---

---

---

---

---

---

Tp. Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm  
(kí và ghi họ tên)

### Phần đánh giá của GV chấm bài

---

---

---

---

---

---

---

---

Tp. Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm  
(kí và ghi họ tên)

## TÓM TẮT

Ngày nay, khi chất lượng cuộc sống ngày càng tăng cao thì nhu cầu sử dụng hoa để trang trí cũng như làm quà tặng ngày càng tăng. Vì thế hiện nay có rất nhiều cửa hàng bán hoa để phục vụ nhu cầu cho mọi người. Tuy nhiên, việc gia tăng các cửa hàng, hay tạo thành các chuỗi cửa hàng lớn lại cần có sự quản lý rất nhiều về mặt sản xuất, nhập/xuất hàng, phân phối, .... Cần rất nhiều công đoạn để quản lý và quản lý thủ công không phải là cách tối ưu nhất.

Với sự phát triển của công nghệ thông tin, việc đưa công nghệ thông tin vào quản lý chuỗi cửa hàng bán hoa giúp việc buôn bán, quản lý diễn ra một cách hiệu quả.

## MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	i
PHẦN XÁC NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN.....	iii
TÓM TẮT.....	iv
MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ.....	5
CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG.....	1
1.1 Giới thiệu về hệ thống quản lý chuỗi cửa hàng bán hoa.....	1
1.2 Các vấn đề cần giải quyết.....	1
1.3 Các quy trình nghiệp vụ.....	1
1.3.1 Các nghiệp vụ cơ bản.....	1
1.3.2 Các quy trình nghiệp vụ.....	2
1.4 Đặc tả hệ thống.....	2
CHƯƠNG II: PHÂN TÍCH YÊU CẦU.....	4
2.1 Đặc tả yêu cầu.....	4
2.1.1 Các yêu cầu chức năng:.....	4
2.1.2 Các yêu cầu phi chức năng:.....	5
2.2 Các tác nhân trong hệ thống.....	5
2.3 Các Use case trong hệ thống.....	6
CHƯƠNG III: THIẾT KẾ YÊU CẦU.....	8
3.1 Sơ đồ Use Case.....	8
3.2 Đặc tả Use Case.....	9
3.2.1 Use case Đăng nhập.....	9
3.2.2 Use case Đăng xuất.....	11
3.2.3 Use case Xem tình trạng đơn hàng.....	12
3.2.4 Use case Lập hóa đơn bán hàng.....	14
3.2.5 Use case Lập báo cáo tổng kết.....	15

3.2.6 Use case Thống kê doanh thu.....	16
3.2.7 Use case Thêm khách hàng.....	18
3.2.8 Use case Xóa khách hàng.....	19
3.2.9 Use case Cập nhật thông tin khách hàng.....	21
3.2.10 Use case Thêm sản phẩm.....	22
3.2.11 Use case Xem thông tin/ tình trạng sản phẩm.....	24
3.2.12 Use case Xóa sản phẩm.....	25
3.2.13 Use case Cập nhật thông tin/ tình trạng sản phẩm.....	27
3.2.14 Use case Xem địa chỉ giao hàng.....	28
3.2.15 Use case Kiểm tra kho hàng.....	30
3.2.16 Use case Nhập kho hàng.....	31
3.2.17 Use case Xuất kho hàng.....	32
3.2.18 Use case Cập nhật thông tin nhân viên.....	34
3.2.19 Use case Thêm nhân viên.....	35
3.2.20 Use case Xóa nhân viên.....	37
3.2.21 Use case Quản lý chuỗi cửa hàng.....	38
3.2.22 Use case Đặt hàng.....	40
3.2.23 Use case Thêm sản phẩm vào giỏ hàng.....	42
3.2.24 Use case Xem giỏ hàng.....	43
3.2.25 Use case Xem các chương trình khuyến mãi.....	44
3.2.26 Use case Chọn địa chỉ giao hàng.....	45
3.2.27 Use case Chọn phương thức thanh toán.....	46
3.3 Sơ Đồ Class (Class Diagram).....	48
3.4 Sơ Đồ Trình tự ( Sequence Diagram).....	48
3.4.1 Đăng nhập.....	49
3.4.2 Đăng xuất.....	49
3.4.3 Xem tình trạng đơn hàng.....	50



3.4.4	Lập hóa đơn bán hàng.....	50
3.4.5	Lập báo cáo tổng kết.....	51
3.4.6	Kiểm tra kho hàng.....	51
3.4.7	Đặt hàng.....	52
3.4.8	Quản lý nhân viên.....	52
3.4.9	Xem chương trình khuyến mãi.....	52
3.5	Sơ Đồ Hoạt động (Activity Diagram).....	53
3.5.1	Đăng nhập.....	53
3.5.2	Đăng xuất.....	54
3.5.3	Xem tình trạng đơn hàng.....	55
3.5.4	Lập hóa đơn bán hàng.....	56
3.5.5	Lập báo cáo tổng kết.....	57
3.5.6	Thống kê doanh thu.....	58
3.5.7	Thêm sản phẩm.....	59
3.5.8	Xem thông tin/ tình trạng sản phẩm.....	60
3.5.9	Xóa sản phẩm.....	61
3.5.10	Cập nhật thông tin/ tình trạng sản phẩm.....	62
3.5.11	Xem địa chỉ giao hàng.....	63
3.5.12	Kiểm tra kho hàng.....	64
3.5.13	Nhập kho hàng.....	65
3.5.14	Xuất kho hàng.....	66
3.5.15	Cập nhật thông tin nhân viên.....	67
3.5.16	Thêm nhân viên.....	68
3.5.17	Xóa nhân viên.....	69
3.5.18	Quản lý chuỗi cửa hàng.....	70
3.5.19	Đặt hàng.....	71
3.5.20	Thêm sản phẩm vào giỏ hàng.....	72

3.5.21 Xem giỏ hàng.....	73
3.5.22 Xem các chương trình khuyến mãi.....	74
3.5.23 Chọn địa chỉ giao hàng.....	75
3.6 Sơ Đồ ERD.....	76
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	77

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ

### DANH MỤC HÌNH

Hình 3.1: Sơ đồ use case.....	9
Hình 3.2 Use case Đăng nhập.....	10
Hình 3.3 Use case Đăng xuất.....	11
Hình 3.4 Use case Xem tình trạng đơn hàng.....	13
Hình 3.5 Use case Lập hóa đơn bán hàng.....	14
Hình 3.6 Use case Lập báo cáo tổng kết.....	15
Hình 3.7 Use case Thống kê doanh thu.....	17
Hình 3.8 Use case Thêm khách hàng.....	18
Hình 3.9 Use case Xóa khách hàng.....	20
Hình 3.10 Use case Cập nhật thông tin khách hàng.....	21
Hình 3.11 Use case Thêm sản phẩm.....	23
Hình 3.12 Use case Xem thông tin/ tình trạng sản phẩm.....	24
Hình 3.13 Use case Xóa sản phẩm.....	26
Hình 3.14 Use case Cập nhật thông tin/ tình trạng sản phẩm.....	27
Hình 3.15 Use case Xem địa chỉ giao hàng.....	29
Hình 3.16 Use case Kiểm tra kho hàng.....	30
Hình 3.17 Use case Nhập kho hàng.....	31
Hình 3.18 Use case Xuất kho hàng.....	33
Hình 3.19 Use case Cập nhật thông tin nhân viên.....	34
Hình 3.20 Use case Thêm nhân viên.....	36
Hình 3.21 Use case Xóa nhân viên.....	37
Hình 3.22 Use case Quản lý chuỗi cửa hàng.....	39
Hình 3.23 Use case Đặt hàng.....	41
Hình 3.24 Use case Thêm sản phẩm vào giỏ hàng.....	42

Hình 3.25 Use case Xem giỏ hàng.....	43
Hình 3.26 Use case Xem các chương trình khuyến mãi.....	44
Hình 3.27 Use case Chọn địa chỉ giao hàng.....	45
Hình 3.28 Use case Chọn phương thức thanh toán.....	46
Hình 3.29 Sơ đồ Class.....	48
Hình 3.30 sequence Đăng nhập.....	49
Hình 3.31 sequence Đăng xuất.....	49
Hình 3.32 sequence Xem tình trạng đơn hàng.....	50
Hình 3.33 sequence Lập hóa đơn bán hàng.....	50
Hình 3.34 sequence Lập báo cáo tổng kết.....	51
Hình 3.35 sequence Kiểm tra kho hàng.....	51
Hình 3.36 sequence Đặt hàng.....	52
Hình 3.37sequence Quản lý nhân viên.....	52
Hình 3.38 sequence Xem chương trình khuyến mãi.....	53
Hình 3.39 Đăng nhập.....	53
Hình 3.40 Đăng xuất.....	54
Hình 3.41 Xem tình trạng đơn hàng.....	55
Hình 3.42 Lập hóa đơn bán hàng.....	56
Hình 3.43 Lập báo cáo tổng kết.....	57
Hình 3.44 Thống kê doanh thu.....	58
Hình 3.45 Thêm sản phẩm.....	59
Hình 3.46 Xem thông tin/ tình trạng sản phẩm.....	60
Hình 3.47 Xóa sản phẩm.....	61
Hình 3.48 Cập nhật thông tin/ tình trạng sản phẩm.....	62
Hình 3.49 Xem địa chỉ giao hàng.....	63
Hình 3.50 Kiểm tra kho hàng.....	64
Hình 3.51 Nhập kho hàng.....	65

Hình 3.52	Xuất kho hàng.....	66
Hình 3.53	Cập nhật thông tin nhân viên.....	67
Hình 3.54	Thêm nhân viên.....	68
Hình 3.55	Xóa nhân viên.....	69
Hình 3.56	Quản lý chuỗi cửa hàng.....	70
Hình 3.57	Đặt hàng.....	71
Hình 3.58	Thêm sản phẩm vào giỏ hàng.....	72
Hình 3.59	Xem giỏ hàng.....	73
Hình 3.60	Xem các chương trình khuyến mãi.....	74
Hình 3.61	Chọn địa chỉ giao hàng.....	75
Hình 3.62	Sơ đồ ERD.....	76

## **DANH MỤC BẢNG**

Bảng 3.1	Đặc tả use case Đăng nhập.....	11
Bảng 3.2	Đặc tả use case Đăng xuất.....	12
Bảng 3.3	Đặc tả use case Xem tình trạng đơn hàng.....	14
Bảng 3.4	Đặc tả use case Lập hóa đơn bán hàng.....	15
Bảng 3.5	Đặc tả use case Lập báo cáo tổng kết.....	16
Bảng 3.6	Đặc tả use case Thống kê doanh thu.....	18
Bảng 3.7	Đặc tả use case Thêm khách hàng.....	19
Bảng 3.8	Đặc tả use case Xóa khách hàng.....	21
Bảng 3.9	Đặc tả use case Cập nhật thông tin khách hàng.....	22
Bảng 3.10	Đặc tả use case Thêm sản phẩm.....	24
Bảng 3.11	Đặc tả use case Xem thông tin/ tình trạng sản phẩm.....	25
Bảng 3.12	Đặc tả use case Xóa sản phẩm.....	27
Bảng 3.13	Đặc tả use case Cập nhật thông tin/ tình trạng sản phẩm.....	28
Bảng 3.14	Đặc tả use case Xem địa chỉ giao hàng.....	30
Bảng 3.15	Đặc tả use case Kiểm tra kho hàng.....	31

Bảng 3.16 Đặc tả use case Nhập kho hàng.....	32
Bảng 3.17 Đặc tả use case Xuất kho hàng.....	34
Bảng 3.18 Đặc tả use case Cập nhật thông tin nhân viên.....	35
Bảng 3.19 Đặc tả use case Thêm nhân viên.....	37
Bảng 3.20 Đặc tả use case Xóa nhân viên.....	38
Bảng 3.21 Đặc tả use case Quản lý chuỗi cửa hàng.....	40
Bảng 3.22 Đặc tả use case Đặt hàng.....	42
Bảng 3.23 Đặc tả use case Thêm sản phẩm vào giỏ hàng.....	43
Bảng 3.24 Đặc tả use case Xem giỏ hàng.....	44
Bảng 3.25 Đặc tả use case Xem các chương trình khuyến mãi.....	45
Bảng 3.26 Đặc tả use case Chọn địa chỉ giao hàng.....	46
Bảng 3.27 Đặc tả use case Chọn phương thức thanh toán.....	48

## CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG

### 1.1 Giới thiệu về hệ thống quản lý chuỗi cửa hàng bán hoa

Một chuỗi cửa hàng bán hoa cung cấp các sản phẩm đa dạng về các loại hoa tươi, hoa giả (hoa vải), hoa khô và các sản phẩm liên quan.

### 1.2 Các vấn đề cần giải quyết

Những vấn đề cần giải quyết bao gồm:

- Vấn đề về dữ liệu bán hoa, các dữ liệu này sẽ được chuyển từ lưu trữ trên sổ sách sang máy tính. Việc nhập dữ liệu trên máy tính giúp giảm thời gian nhập liệu, giúp tăng tốc việc tìm kiếm dữ liệu khi cần cũng như dễ quản lý hơn.
- Vấn đề về quản lý nhân viên, vì là chuỗi cửa hàng nên cần quản lý nhiều nhân viên, việc đưa dữ liệu nhân viên lên máy tính giúp dễ dàng quản lý hơn khi có sự thay đổi về nhân sự hay cập nhật các thông tin của nhân viên.
- Vấn đề về quản lý kho hàng, số lượng hàng hóa nhập và xuất được quản lý trên máy tính, dễ dàng theo dõi được số liệu của hàng hóa.

### 1.3 Các quy trình nghiệp vụ

#### 1.3.1 Các nghiệp vụ cơ bản

Quản lý tài khoản khách hàng (tạo tài khoản, cập nhật tài khoản và xóa tài khoản).

Quản lý việc mua hàng, đặt hàng (tại cửa hàng hoặc online), lập hóa đơn cho đơn hàng.

Quản lý các đơn hàng

Giao hàng cho những đơn hàng đặt hàng

Quản lý các sản phẩm của chuỗi cửa hàng (thêm sản phẩm mới, xóa sản phẩm và cập nhật thông tin, giá bán của sản phẩm).

Quản lý việc thanh toán đơn hàng : thanh toán trực tuyến hoặc thanh toán trực tiếp.

Tạo báo cáo doanh thu để thống kê lại doanh thu theo tuần, tháng, quý và hóa đơn chưa thanh toán từ khách hàng. Tạo báo cáo tổng hợp để thống kê thu chi, thống kê lượng nhập/xuất hàng hóa, thống kê khách hàng thường xuyên, ....

Quản lý nhập/xuất kho : cập nhật số liệu mỗi khi nhập/xuất kho.

Chủ một chuỗi cửa hàng cần có các nghiệp vụ để quản lý:

Quản lý nhân viên : thêm, xóa hoặc cập nhật thông tin nhân viên.

Quản lý chuỗi cửa hàng: thêm, xóa hoặc cập nhật thông tin, giá trị của hàng hóa, đưa ra các chính sách khuyến mãi cho chuỗi cửa hàng.

### 1.3.2 Các quy trình nghiệp vụ

#### 1. Tạo tài khoản cho khách hàng

Khách hàng có thể tạo tài khoản bằng hai cách:

- Tạo tài khoản trực tiếp tại cửa hàng, khách hàng sẽ liên hệ nhân viên để tạo tài khoản, khi tạo cần các thông tin như tên, số cmnd, ngày sinh, số điện thoại, giới tính, địa chỉ. Tài khoản được khởi tạo với mật khẩu là số CMND của khách hàng. Tên tài khoản là số điện thoại của khách hàng. Khách hàng có thể thay đổi khi đăng nhập trên trang web của cửa hàng.
- Tạo tài khoản tại trang web của cửa hàng, khách hàng sẽ phải điền các thông tin như tên, CMND, ngày sinh, số điện thoại, giới tính, địa chỉ. Tên tài khoản là số điện thoại của khách hàng. Mật khẩu được khách hàng tự đặt.

#### 2. Đặt hàng tại cửa hàng:

Khách hàng đặt hàng tại cửa hàng gặp nhân viên để yêu cầu đặt hàng.

Khách hàng sẽ đưa những thông tin của người nhận, thông tin về các mặt hàng cho nhân viên để nhân viên lập đơn đặt hàng.

Khách hàng có thể thanh toán trực tiếp tại quầy bằng tiền mặt hoặc thẻ ngân hàng ATM/Visa.

Sau đó nhân viên sẽ xác nhận đơn hàng và gửi cho các hàng mã đơn hàng để khách hàng có thể theo dõi đơn hàng.

#### 3. Đặt hàng trên trang web cửa hàng:

Khách hàng đăng nhập vào trang web và chọn các loại hoa và sản phẩm mình cần.

Sau đó khách hàng chọn đặt hàng, trang web sẽ hiện thị danh sách hoa và sản phẩm khách hàng đã đặt, cùng với số lượng và đơn giá để khách hàng có thể xác nhận. Sau khi xác nhận, một form đặt hàng sẽ hiện lên để khách hàng có thể điền các loại thông tin của người nhận hàng bao gồm: tên, số điện thoại, địa chỉ nhận hàng.

Khách hàng có thể thanh toán dưới hai hình thức: thanh toán trực tiếp hoặc thanh toán trực tuyến bằng thẻ ATM/Visa hoặc các ví điện tử.

Khách hàng chọn xác nhận và đơn hàng được gửi cho cửa hàng để xác nhận lại từ nhân viên. Sau đó sẽ gửi lại thông báo đã xác nhận cho khách và gửi mã đơn hàng để khách hàng có thể theo dõi.

## 1.4 Đặc tả hệ thống

Phần mềm hệ thống quản lý chuỗi cửa hàng bán hoa có hai chức năng chính: bán hàng và quản lý. Nhóm chức năng trong việc bán hàng bao gồm: lập hóa đơn, xem



tình trạng đơn hàng,.... Nhóm chức năng trong việc quản lý bao gồm: quản lý sản phẩm, quản lý nhân viên, quản lý khách hàng, quản lý kho hàng.

Các tác nhân tham gia vào hệ thống sẽ được cấp các tài khoản đã được phân quyền truy cập khác nhau. Tài khoản của khách hàng là tài khoản có cấp độ thấp nhất chỉ được dùng để xem sản phẩm, đặt hàng, thanh toán, theo dõi đơn hàng.... Tài khoản của các nhân viên thuộc các bộ phận khác nhau sẽ có các chức năng khác nhau, nhân viên bán hàng sẽ được phép dùng các chức năng lập hóa đơn, thống kê doanh thu, quản lý sản phẩm, quản lý khách hàng. Nhân viên kho sẽ được phép dùng các chức năng quản lý kho hàng. Tài khoản có cấp độ cao nhất là tài khoản của Quản lý cửa hàng ngoài việc có thể dùng các chức năng tương tự như nhân viên thì chỉ có Quản lý cửa hàng mới sử dụng được chức năng quản lý nhân viên, quản lý chuỗi cửa hàng.

Trong quá trình mua hàng khách hàng có thể xem sản phẩm trong cửa hàng, xem các chương trình khuyến mãi, thêm vào giỏ hàng rồi bắt đầu đặt hàng. Khách hàng sẽ chọn địa chỉ giao hàng và có hai phương thức thanh toán cho khách hàng lựa chọn đó là thanh toán trực tuyến (sử dụng thẻ ngân hàng, ví điện tử) hoặc thanh toán trực tiếp khi sản phẩm được giao tới nơi (COD). Sau khi khách hàng đặt hàng hệ thống sẽ lưu trữ đơn hàng vào cơ sở dữ liệu, thông tin của một đơn hàng sẽ bao gồm mã đơn hàng, sản phẩm, mã sản phẩm, số lượng sản phẩm, đơn giá. Trạng thái của một đơn hàng sẽ bao gồm các trạng thái chờ xác nhận, đang xử lý, chưa thanh toán, đã thanh toán, đang giao hàng, đã giao hàng, đã nhận và thanh toán đơn hàng. Khách hàng có thể xem tình trạng đơn hàng của mình bất cứ lúc nào thông qua mã đơn hàng của bản thân. Nếu khách hàng có nhu cầu in hóa đơn nhân viên bán hàng sẽ in hóa đơn cho khách hàng và gửi kèm sản phẩm.

Các chức năng cơ bản của nhóm quản lý bao gồm: quản lý sản phẩm, quản lý khách hàng, quản lý kho, quản lý nhân viên.

Quản lý sản phẩm sẽ bao gồm thêm, xóa, sửa sản phẩm. Thông tin của một sản phẩm sẽ bao gồm mã sản phẩm, tên sản phẩm, nguồn gốc, loài hoa, màu hoa, số lượng trong kho, giá tiền, tình trạng. Nhân viên nhập vào hệ thống nếu trong kho vừa nhập thêm những mẫu hoa mới, thay đổi tình trạng là không còn nếu trong kho không còn và xóa mẫu hoa đó nếu như không thể nhập về được.

Quản lý khách hàng sẽ bao gồm thêm, xóa, sửa khách hàng. Thông tin của một khách hàng sẽ bao gồm tên, địa chỉ, ngày sinh, giới tính, số điện thoại, lịch sử mua hàng. Hệ thống sẽ tự động thêm các thông tin này vào cơ sở dữ liệu khi có khách hàng mới tạo tài khoản.

Quản lý kho sẽ bao gồm các công việc quản lý kho hàng do nhân viên kho đảm nhận. Khi có một mặt hàng mới thì nhân viên kho sẽ tiến hành nhập kho và nhập các thông tin về sản phẩm đó vào cơ sở dữ liệu của hệ thống. Khi có sản phẩm được đặt thì nhân viên kho sẽ chiếu theo các thông tin về sản phẩm để tìm kiếm và đóng gói sản phẩm đó theo các yêu cầu để chuẩn bị xuất kho và giao đi. Định kỳ nhân viên kho sẽ thực hiện kiểm tra kho xem lại các sản phẩm nếu có sản phẩm nào đạt mốc số lượng

quá ít thì sẽ nhập sản phẩm đó về kho và nếu có sản phẩm nào tồn kho quá lâu thì sẽ báo với quản lý để xem xét về sản phẩm đó.

Quản lý nhân viên chỉ có quản lý cửa hàng được phép truy cập. Các thông tin về nhân viên sẽ bao gồm họ tên, địa chỉ, chứng minh nhân dân, ngày sinh, giới tính, số điện thoại, chức vụ, lương, số ngày nghỉ. Khi có nhân viên mới vào làm quản lý sẽ thêm các thông tin trên vào cơ sở dữ liệu của hệ thống và khi có nhân viên nghỉ làm quản lý sẽ xóa các thông tin về nhân viên đó khỏi cơ sở dữ liệu.

Việc thống kê doanh thu, lập báo cáo tổng kết sẽ do nhân viên bán hàng phụ trách. Trong báo cáo sẽ bao gồm: hóa đơn bán lẻ, bán sỉ, chi phí vận hành, chi phí phát sinh, lợi nhuận, số lượng sản phẩm bán ra. Nhân viên bán hàng sẽ phải lập báo cáo, thống kê định kỳ theo từng tháng, từng quý và năm, sau đó gửi cho quản lý cửa hàng để giúp quản lý có cái nhìn toàn diện về hoạt động của cửa hàng theo từng giai đoạn thời gian và từ đó lập kế hoạch chi tiêu, lương thưởng.

## CHƯƠNG II: PHÂN TÍCH YÊU CẦU

### 2.1 Đặc tả yêu cầu

#### 2.1.1 Các yêu cầu chức năng:

- \_ Hệ thống chạy được trên tất cả các trình duyệt
- \_ Quản lý khách hàng:
  - Gồm các chức năng thêm, xóa, cập nhật thông tin khách hàng. Chức năng được dùng để dễ dàng các khách hàng của tiệm. Thông tin về khách hàng sẽ gồm có họ tên, địa chỉ, chứng minh nhân dân, ngày sinh, giới tính, các thông tin này của khách hàng sẽ được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu của hệ thống.
- \_ Quản lý sản phẩm:
  - Gồm các chức năng thêm, xóa, cập nhật sản phẩm, xem thông tin sản phẩm. Chức năng được dùng để dễ dàng các sản phẩm của tiệm. Thông tin về sản phẩm sẽ gồm có mã sản phẩm, tên sản phẩm, nguồn gốc, màu sắc, giá tiền, số lượng, tình trạng. Các thông tin này sẽ được tham chiếu đến kho hàng để quản lý và được lưu trữ ở cơ sở dữ liệu của hệ thống.
- \_ Quản lý kho hàng:
  - Gồm các chức năng nhập kho, xuất kho, kiểm tra kho. Sử dụng các thông tin từ phần quản lý sản phẩm. Chức năng quản lý kho hàng sẽ kiểm tra tình trạng các sản phẩm trong kho các thông tin kiểm tra sẽ bao gồm ngày nhập kho, số lượng tồn kho.
- \_ Quản lý nhân viên:

- Gồm các chức năng thêm, xóa, cập nhật thông tin nhân viên. Quản lý sẽ sử dụng chức năng này để quản lý các thông tin về nhân viên bao gồm họ tên, địa chỉ, chứng minh nhân dân, ngày sinh, giới tính, chức vụ, lương thưởng, số ngày nghỉ, ngày vào làm. Quản lý sẽ thêm xóa hoặc cập nhật các thông tin này khi có nhân viên mới vào làm hoặc xin nghỉ. Các thông tin về nhân viên được lưu trữ ở cơ sở dữ liệu của hệ thống chỉ có quản lý mới được phép truy cập các thông tin này.

### 2.1.2 Các yêu cầu phi chức năng:

- + Hệ thống có thể dễ dàng mở rộng cũng như bảo trì lâu dài.
- + Hệ thống chịu tải được số lượng lớn người truy cập, đảm bảo không sập hệ thống vào các dịp lễ khi số lượng người truy cập tăng cao.
- + Hệ thống đảm bảo được tính bảo mật thông tin của khách hàng.
- + Giao diện hệ thống được thiết kế thân thiện, không gây khó khăn trong quá trình sử dụng đối với người dùng và nhân viên cửa hàng.
- + Hệ thống chạy nhanh không gặp hiện tượng load lâu.
- + Hệ thống truy xuất thông tin không sai sót.
- + Hệ thống có khả năng lưu trữ lại các tác vụ được thực hiện để phục vụ việc kiểm tra định kỳ.

## 2.2 Các tác nhân trong hệ thống

TÁC NHÂN	MÔ TẢ
Khách hàng	<p>Khách hàng bao gồm cả khách vãng lai và khách hàng thân thiết.</p> <p>Là những người thông qua hệ thống để đặt, mua hoa trực tuyến.</p> <p>Danh mục khách hàng thân thiết có thể sử dụng các dịch vụ cao cấp hơn như thẻ thành viên, tích điểm thành viên và các chương trình dành riêng cho khách hàng thân thiết, có thể phân chia theo cấp bậc của thẻ.</p>
Nhân viên	<p>Nhân viên gồm có nhân viên kho và nhân viên bán hàng.</p> <p>Nhân viên kho có nhiệm vụ quản lý hàng trong kho, kiểm kê hàng tồn tại một cửa hàng.</p> <p>Nhân viên bán hàng có nhiệm vụ tư vấn cho khách hàng, thông qua hệ thống để bán hoa tại cửa hàng và xuất hóa đơn cho khách hàng.</p>
Quản lý	<p>Quản lý cửa hàng sẽ bao gồm quản lý nhân viên và quản lý chuỗi cửa hàng.</p>

	Quản lý chuỗi cửa hàng có nhiệm vụ quản lý tất cả những công việc trong chuỗi, từ nhân viên, thu chi, lương thưởng, tổng kết báo cáo.
Admin	Đảm nhận nhiệm vụ quản lý, bảo trì và nâng cấp hệ thống theo thời gian. Có khả năng phân quyền, cấp quyền cho các tài khoản trong hệ thống. Admin có thể là công ty bên thứ ba tạo ra hệ thống đảm nhận hoặc cũng có thể là chủ cửa hàng.
Cơ sở dữ liệu	Là máy chủ phía sau website, tương tác với website bán hàng và cả hệ thống quản lý bán hàng, nhân viên, khách hàng, ....

### 2.3 Các Use case trong hệ thống

ID	Tên USECASE	MÔ TẢ	TÁC NHÂN TƯƠNG ỨNG
KH01	Đăng nhập	Khách hàng có thể sử dụng username và password đã tạo trước để đăng nhập vào website.	Khách hàng, nhân viên.
KH02	Đăng xuất	Khách hàng thông qua nút đăng xuất để đăng xuất khỏi website/hệ thống.	Khách hàng, nhân viên.
KH03	Xem tình trạng đơn hàng.	Khách hàng có thể xem tình trạng đơn hàng (trạng thái hiện tại của đơn hàng)	Khách hàng, nhân viên.
KH04	Thêm sản phẩm vào giỏ hàng	Sau khi chọn lựa sản phẩm vừa ý và muốn lưu lại thông tin sản phẩm để thanh toán khách hàng có thể ấn vào thêm sản phẩm vào giỏ hàng.	Khách hàng
KH05	Xem giỏ hàng	Sau khi xem hàng và chọn thêm vào giỏ hàng, khách hàng có thể chọn xem giỏ hàng, một danh sách các mặt hàng đã được chọn sẽ hiện lên để khách hàng có thể thêm, sửa, xóa bớt số lượng mua hàng.	Khách hàng
KH06	Xem các chương	Khách hàng có thể xem	Khách

	trình khuyến mãi	các chương trình khuyến mãi đang diễn ra tại chuỗi cửa hàng.	hàng
KH07	Đặt hàng	Sau khi kiểm tra lại hàng trong giỏ và quyết định sẽ mua hàng khách hàng có thể chọn vào đặt hàng.	Khách hàng
KH08	Xem thông tin/tình trạng sản phẩm	Khách hàng có thể tra cứu thông tin sản phẩm và xem chi tiết thông số sản phẩm.	Khách hàng, nhân viên.
KH09	Chọn địa chỉ giao hàng	Trong trường hợp có nhiều địa chỉ giao hàng, khách hàng có thể chọn một trong các địa chỉ giao hàng đó.	Khách hàng.
KH10	Chọn phương thức thanh toán	Khách hàng có thể chọn phương thức thanh toán như trực tuyến hoặc trực tiếp.	Khách hàng.
NV01	Tạo hóa đơn bán hàng	Sau khi chọn hàng, khách hàng sẽ thanh toán trực tiếp tại quầy thu ngân, nhân viên cửa hàng sẽ tạo hóa đơn mới và quét mã vạch của sản phẩm, kiểm tra lại số lượng của sản phẩm. Hóa đơn khi in ra sẽ được lưu lại trong cơ sở dữ liệu.	Nhân viên
NV02	Lập báo cáo tổng kết	Sau một ngày làm việc thì công việc cuối ngày sẽ là báo cáo tổng kết số lượng hàng hóa, các loại mặt hàng đã bán trong một ngày, tương tự với một tháng, một quý và một năm.	Nhân viên
NV03	Thống kê doanh thu	Bên cạnh việc thống kê hàng hóa thì việc thống kê doanh thu cũng là việc phải làm cuối ngày, tháng, quý, năm.	Nhân viên
NV04	Quản lý khách hàng	Nhân viên được cấp quyền để quản lý danh sách khách hàng đã từng đến sử dụng dịch vụ ở cửa hàng. Nhân viên có thể thêm khách hàng (trường	Nhân viên

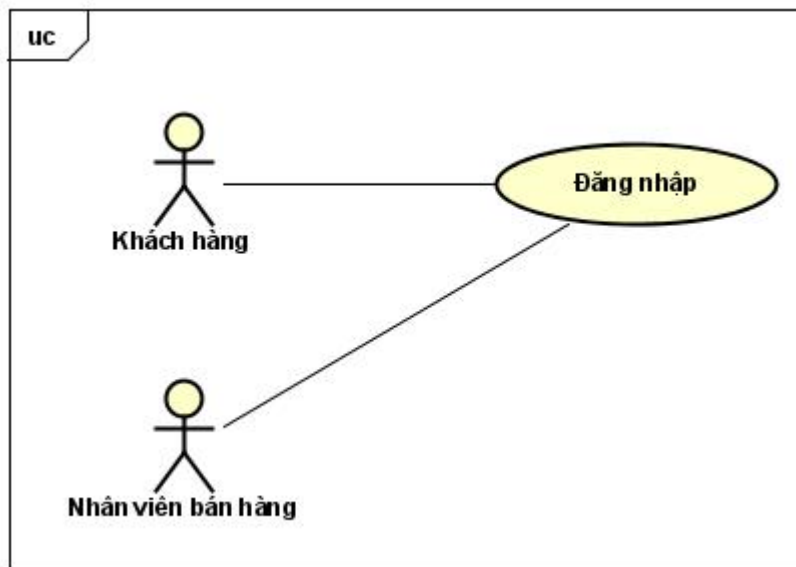
		hợp khách hàng không biết tạo account), xóa khách hàng(một khoảng thời gian quá lâu khách hàng không sử dụng lại dịch vụ), cập nhật thông tin khách hàng.	
NV05	Quản lí sản phẩm	Nhân viên có thể xem tình trạng sản phẩm, thông tin và thông số chi tiết sản phẩm. Đồng thời cũng có thể xem, xóa, sửa thông tin sản phẩm nếu cần thiết.	Nhân viên
NV06	Xem địa chỉ giao hàng	Nhân viên có thể xem địa chỉ giao hàng để giao hàng đến đúng nơi, hoặc tính phí ship, ...	Nhân viên
NV07	Kiểm tra kho hàng	Nhân viên có thể kiểm tra kho hàng để xem số lượng hàng còn trong kho, tình trạng hàng hóa, hạn sử dụng, ...	Nhân viên
NV08	Nhập kho hàng	Khi có hàng nhập về kho, nhân viên có thể chỉnh sửa lại số hàng trong kho để đúng với thực tế.	Nhân viên
NV09	Xuất kho hàng	Trường hợp hàng xuất kho (chi nhánh khác mượn hàng, bán hàng, trả hàng).	
QL01	Quản lí nhân viên	Quản lí cửa hàng có quyền xem thông tin chi tiết, chỉnh sửa thông tin nhân viên hoặc xóa thông tin nhân viên đã không còn làm tại cửa hàng.	
QL02	Quản lý chuỗi cửa hàng.	Quản lý chuỗi cửa hàng có quyền xem thông tin của tất cả các cửa hàng có trong chuỗi	

## CHƯƠNG III: THIẾT KẾ YÊU CẦU

### 3.1 Sơ đồ Use Case

### 3.2 Đặc tả Use Case

### 3.2.1 Use case Đăng nhập



Hình 3.2 Use case Đăng nhập

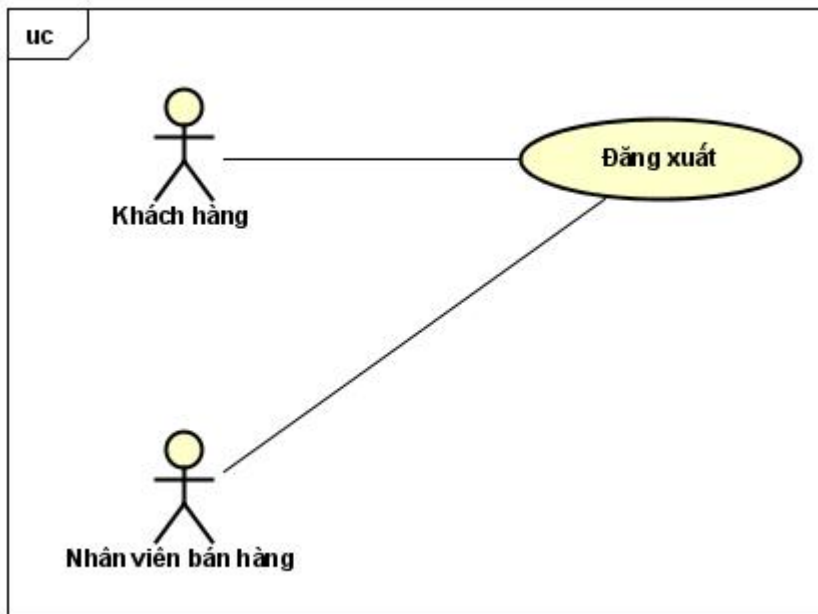
<b>Tên usecase</b>	Đăng nhập	
<b>Ngữ cảnh</b>	Người dùng đăng nhập	
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Người dùng nhấn vào nút đăng nhập	
<b>Mô tả</b>	Người dùng trong hệ thống đăng nhập để thực hiện các chức năng được phân quyền	
<b>Tác nhân</b>	Người dùng hệ thống	
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Không có	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu use case thành công, đưa người dùng vào màn hình chính. Nếu không thông báo đăng nhập thất bại.	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1.Nhập tên tài khoản và mật khẩu	1.1 Kiểm chứng tên tài khoản và mật khẩu được nhập



	2.1 Thông báo thành công và cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống, hệ thống phân quyền người dùng theo từng loại nhân viên.
<b>Ngoại lệ</b>	Không nhập tên tài khoản hoặc mật khẩu. Thông báo nhập lại.
<b>Kết quả</b>	Đăng nhập thành công

Bảng 3.1 Đặc tả use case Đăng nhập

### 3.2.2 Use case Đăng xuất

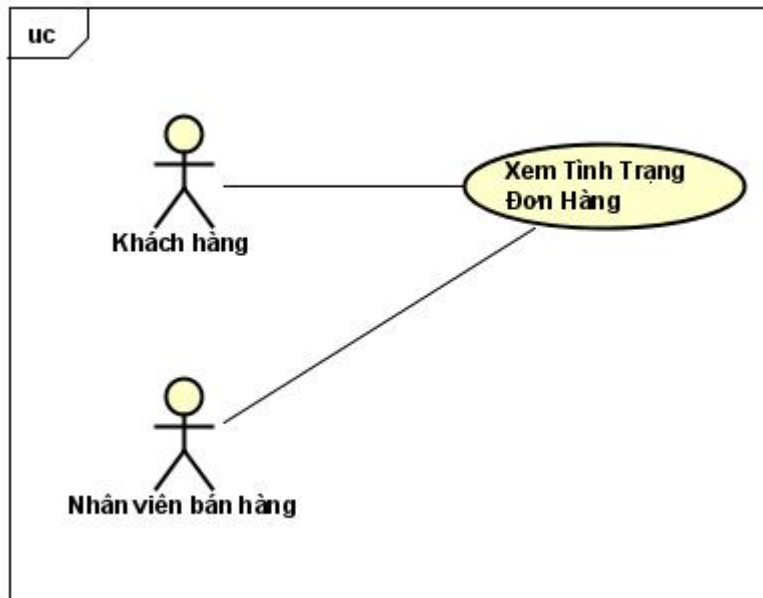


Hình 3.3 Use case Đăng xuất

Tên usecase	Đăng xuất					
Ngữ cảnh	Người dùng muốn đăng xuất					
Sự kiện kích hoạt	Người dùng nhấn vào nút đăng xuất					
Mô tả	Người dùng trong hệ thống đăng xuất sau khi hết ca hoặc khi xong việc để bảo mật					
Tác nhân	Nhân viên, khách hàng					
Điều kiện tiên quyết	Người dùng đang đăng nhập trong hệ thống					
Điều kiện sau	Nếu use case thành công, người dùng đăng xuất thành công					
Luồng sự kiện	<table><tr><th>Tác nhân</th><th>Hệ thống</th></tr><tr><td>1. Người dùng nhấn vào nút đăng xuất trên màn hình chính</td><td>1.1 Hệ thống đăng xuất người dùng.</td></tr></table>		Tác nhân	Hệ thống	1. Người dùng nhấn vào nút đăng xuất trên màn hình chính	1.1 Hệ thống đăng xuất người dùng.
Tác nhân	Hệ thống					
1. Người dùng nhấn vào nút đăng xuất trên màn hình chính	1.1 Hệ thống đăng xuất người dùng.					
Ngoại lệ	Không có					
Kết quả	Đăng xuất thành công					

Bảng 3.2 Đặc tả use case Đăng xuất

**3.2.3 Use case Xem tình trạng đơn hàng**



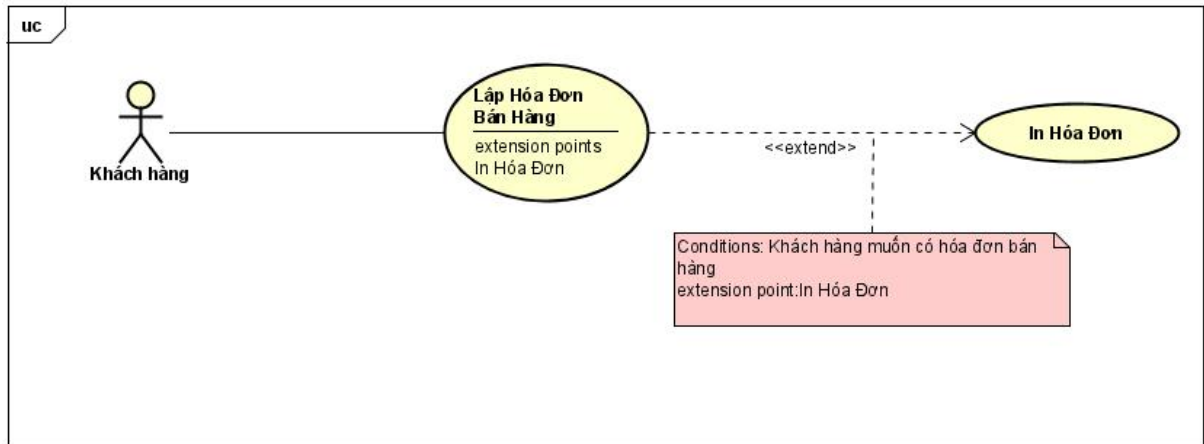
Hình 3.4 Use case Xem tình trạng đơn hàng

<b>Tên usecase</b>	Xem tình trạng đơn hàng	
<b>Ngữ cảnh</b>	Nhân viên bán hàng hoặc khách hàng muốn xem tình trạng của đơn hàng.	
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Nhân viên bán hàng hoặc khách hàng chọn xem tình trạng đơn hàng trên hệ thống.	
<b>Mô tả</b>	Xem tình trạng đơn hàng như: giao hàng hay chưa, thời gian giao hàng, ...	
<b>Tác nhân</b>	Nhân viên bán hàng hoặc khách hàng	
<b>UC liên quan</b>		
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Nhân viên hoặc khách hàng đã đăng nhập vào hệ thống.	
<b>Điều kiện sau</b>		
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Chọn “Xem tình trạng đơn hàng” trên hệ thống.  2. Nhập mã đơn hàng vào ô trống và chọn “Xác nhận”.	1. Hệ thống trả lại giao diện xem tình trạng đơn hàng và hiển thị ô “Nhập mã đơn hàng” và tùy chọn “Xác nhận”. 2. Trả lại các thông tin và tình trạng của đơn hàng ứng với mã đơn hàng được nhập.
<b>Ngoại lệ</b>	Nhập thiếu hoặc nhập sai mã đơn hàng: Hệ thống thông báo yêu	

	cầu nhập lại trước khi chọn “Xác nhận”.
<b>Kết quả</b>	Xem tình trạng đơn hàng thành công.

Bảng 3.3 Đặc tả use case Xem tình trạng đơn hàng

### 3.2.4 Use case Lập hóa đơn bán hàng



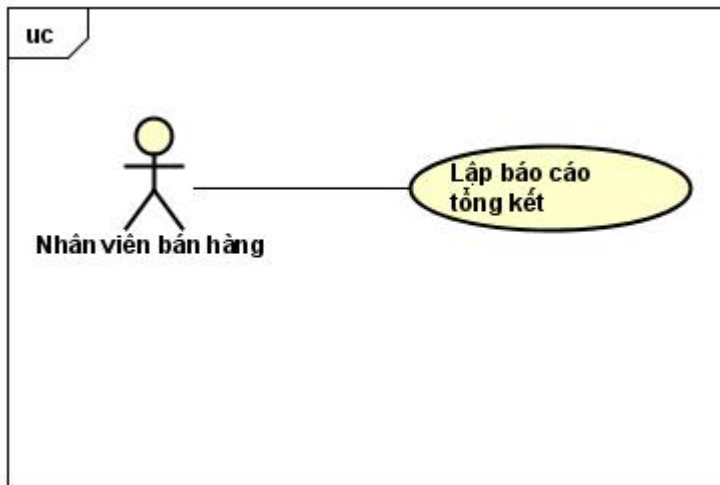
Hình 3.5 Use case Lập hóa đơn bán hàng

<b>Tên usecase</b>	Lập hóa đơn bán hàng.	
<b>Ngữ cảnh</b>	Nhân viên hoặc chủ cửa hàng muốn lập hóa đơn bán hàng để thanh toán cho khách hàng.	
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Nhân viên hoặc chủ cửa hàng chọn lập hóa đơn bán hàng trên hệ thống.	
<b>Mô tả</b>	Lập hóa đơn chi tiết bán hàng để thanh toán cho khách hàng.	
<b>Tác nhân</b>	Chủ cửa hàng hoặc nhân viên cửa hàng.	
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập	
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Nhân viên cửa hàng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng.	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu usecase thành công, in ra hóa đơn thanh toán/bán hàng. Nếu không, hệ thống sẽ thông báo lỗi.	
<b>Luồng sự kiện</b>	Tác nhân	Hệ thống

	1. Đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn “Lập hóa đơn thanh toán”.  3. Chọn “Lưu ”  4. Chọn “In hóa đơn” nếu khách có nhu cầu xuất hóa đơn	1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản 1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công. 2.1 Hiện thị form điền thông tin khách hàng, danh sách hàng hóa cần thanh toán, tổng giá tiền. 3. Hệ thống lưu thông tin hóa đơn bán hàng vào hệ thống.  4. In hóa đơn cho khách hàng
<b>Ngoại lệ</b>	Không.	
<b>Kết quả</b>	Lập hóa đơn bán hàng thành công, in ra hóa đơn bán hàng và lưu thông tin hóa đơn vào hệ thống.	

Bảng 3.4 Đặc tả use case Lập hóa đơn bán hàng

### 3.2.5 Use case *Lập báo cáo tổng kết*



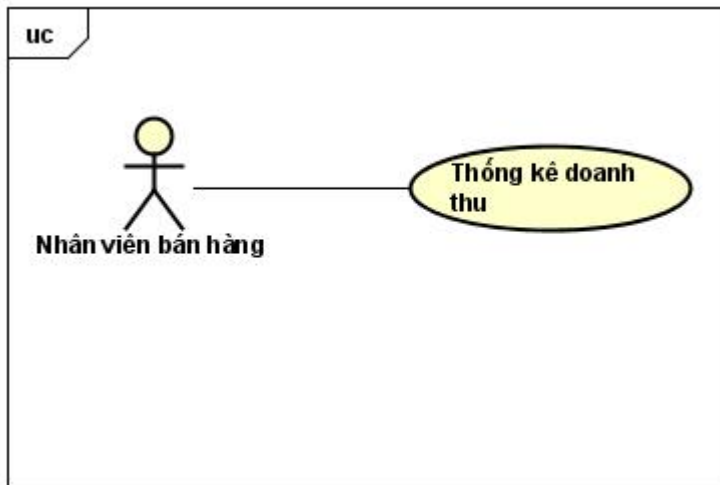
Hình 3.6 Use case Lập báo cáo tổng kết

<b>Tên usecase</b>	Lập báo cáo tổng kết
<b>Ngữ cảnh</b>	Nhân viên bán hàng chọn lập báo cáo tổng kết trên hệ thống.
<b>Sự kiện kích</b>	Nhân viên bán hàng nhấn vào nút lập báo cáo tổng kết trên hệ

<b>hoạt</b>	thống.	
<b>Mô tả</b>	Xem lại tổng doanh thu ngày, tháng, năm. Lập báo cáo tổng kết ngày, tháng, năm.	
<b>Tác nhân</b>	Nhân viên bán hàng.	
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập	
<b>Bên liên quan</b>	Không	
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Nhân viên bán hàng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng.	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu usecase thành công, in ra báo cáo tổng kết. Nếu không, hệ thống thông báo lỗi.	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Đăng nhập vào hệ thống.	1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản 1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.
	2. Chọn “Lập báo cáo tổng kết”.	2.1 Hiện thị bảng tổng kết và các nút chọn kiểu hiển thị theo ngày/tháng/năm.
	3. Chọn kiểu tổng kết muốn in	3.1 Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thời gian đã chọn 3.2 Hệ thống hiển thị thông tin tổng kết theo nút đã chọn.
	4. Chọn “In báo cáo”.	4.1 Hệ thống kiểm tra thông tin và thêm vào CSDL. 4.2 Hiện thị thống kê và thông báo in thành công
<b>Ngoại lệ</b>	Chọn ngày/tuần/tháng/năm không có sẵn. Chọn lại.	
<b>Kết quả</b>	In ra được báo cáo tổng kết theo ngày/tháng/năm.	

Bảng 3.5 Đặc tả use case Lập báo cáo tổng kết

### 3.2.6 Use case Thống kê doanh thu



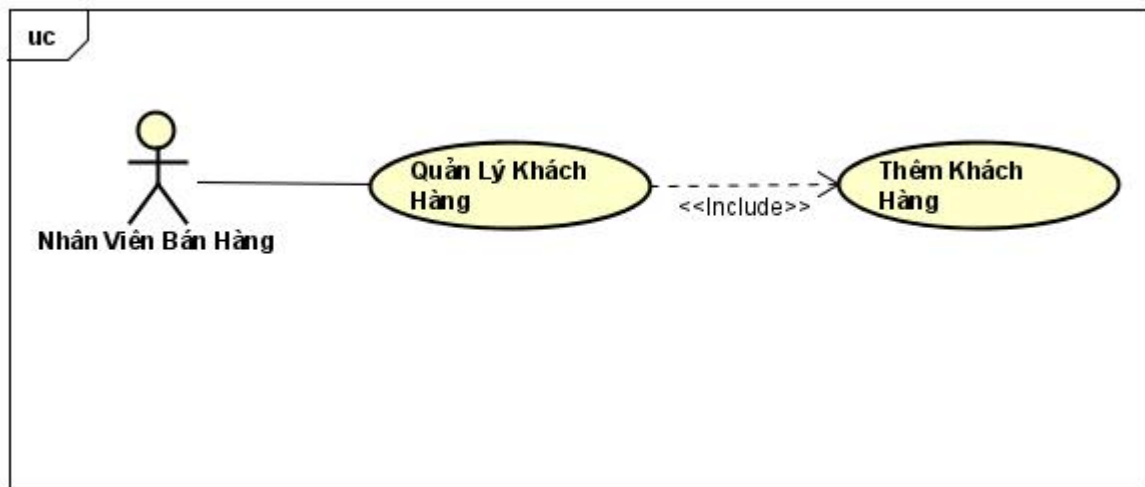
Hình 3.7 Use case Thống kê doanh thu

<b>Tên usecase</b>	Thống kê doanh thu	
<b>Ngữ cảnh</b>	Nhân viên bán hàng chọn thống kê doanh thu trên hệ thống	
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Nhân viên bán hàng nhấn vào nút thống kê doanh thu trên hệ thống.	
<b>Mô tả</b>	Thống kê doanh thu của cửa hàng theo ngày/tuần/tháng/năm	
<b>Tác nhân</b>	Nhân viên bán hàng	
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập	
<b>Bên liên quan</b>	Không	
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Nhân viên bán hàng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu usecase thành công, báo cáo thống kê sẽ được lưu xuống database. Nếu không trạng thái hệ thống vẫn giữ nguyên không đổi	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn “Thống kê doanh thu”.  3. Chọn kiểu tổng kết muốn in	1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản 1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công. 2.1 Hiện thị các tùy chọn: “Chọn ngày/tuần/tháng/năm”  3.1 Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thời gian đã chọn 3.2 Hệ thống hiển thị thông tin tổng kết theo nút đã chọn.

	4. Nhấp vào nút “Xác nhận”	4.1 Hệ thống kiểm tra thông tin và thêm vào CSDL. 4.2 Hiển thị thống kê và thông báo in thành công
<b>Ngoại lệ</b>	Chọn ngày/tuần/tháng/năm không có sẵn. Chọn lại.	
<b>Kết quả</b>	In thống kê thành công.	

Bảng 3.6 Đặc tả use case Thống kê doanh thu

### 3.2.7 Use case Thêm khách hàng



Hình 3.8 Use case Thêm khách hàng

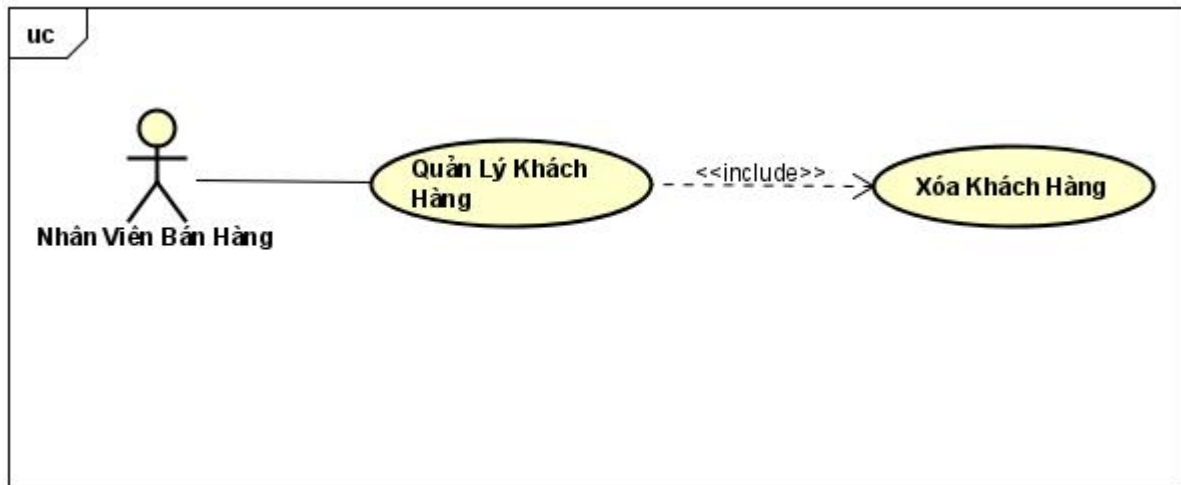
<b>Tên usecase</b>	Thêm khách hàng
<b>Ngữ cảnh</b>	Nhân viên bán hàng muốn thêm khách hàng mới.
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Nhân viên nhấn nút “Thêm khách hàng” trong Quản lý khách hàng
<b>Mô tả</b>	Thêm khách hàng mới vào danh sách khách hàng
<b>Tác nhân</b>	Nhân viên bán hàng
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập
<b>Bên liên quan</b>	
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Nhân viên bán hàng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng.
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu usecase thành công, thông tin khách hàng mới được thêm



	vào Database. Ngược lại, trạng thái của hệ thống không đổi	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	Đăng nhập vào hệ thống	1.1 Hệ thống kiểm duyệt sự tồn tại trong hệ thống. 1.2 Trả về kết quả và chức vụ nhân viên.
	2. Chọn “Quản lý khách hàng”	2.1 Hiện thị danh sách nhân viên và các tùy chọn: “Thêm khách hàng”, “Xóa khách hàng”, “Cập nhật thông tin khách hàng”
	3. Chọn “Thêm khách hàng”	3.1 Hiện thị giao diện điền thông tin khách hàng bao gồm: Họ tên, CMND, Giới tính, Địa chỉ, Điện thoại, Email
	4. Nhập thông tin của khách hàng 5. Nhấn nút “Thêm khách hàng”.	5.1 Hệ thống kiểm tra thông tin và thêm vào CSDL. 5.2 Hiện thị danh sách các khách hàng và thông báo thêm thành công.
<b>Ngoại lệ</b>	Nhập thiếu hoặc sai thông tin: Hệ thống thông báo yêu cầu nhập lại trước khi nhấn “Thêm khách hàng”.	
<b>Kết quả</b>	Thêm khách hàng mới thành công.	

Bảng 3.7 Đặc tả use case Thêm khách hàng

### 3.2.8 Use case Xóa khách hàng



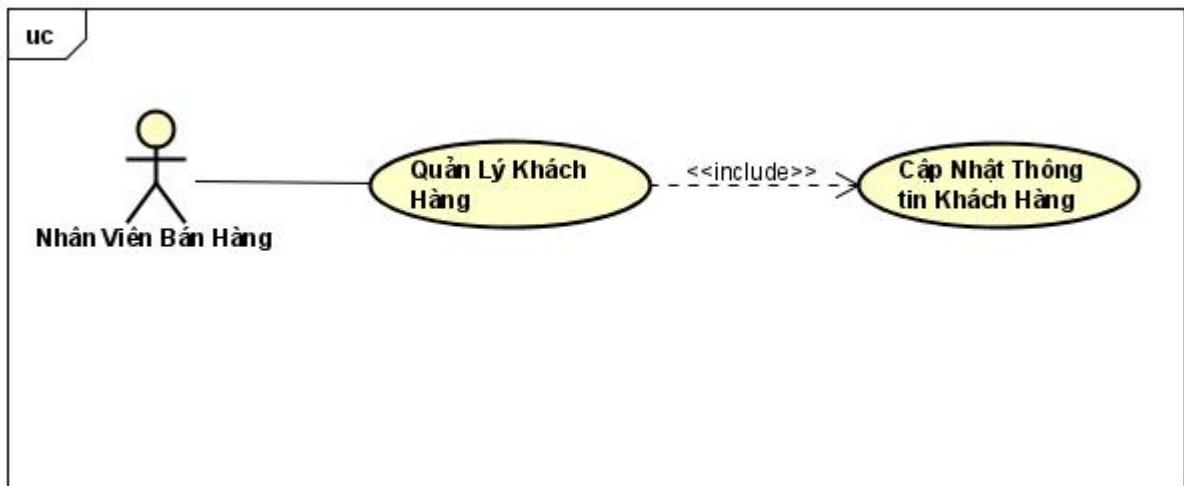
Hình 3.9 Use case Xóa khách hàng

<b>Tên usecase</b>	Xóa khách hàng	
<b>Ngữ cảnh</b>	Nhân viên bán hàng muốn xóa khách hàng.	
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Nhân viên bán hàng nhấn nút “Xóa khách hàng” trong Quản lý khách hàng	
<b>Mô tả</b>	Xóa thông tin khách hàng khỏi hệ thống cửa hàng	
<b>Tác nhân</b>	Nhân viên bán hàng	
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập	
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Nhân viên bán hàng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu use case thành công, khách hàng được xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, trạng thái của hệ thống không thay đổi.	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Đăng nhập vào hệ thống	1.1 Hệ thống kiểm duyệt sự tồn tại trong hệ thống. 1.2 Trả về kết quả và phân quyền đăng nhập.
	2. Chọn “Quản lý khách hàng”	2.1 Hiện thị danh sách nhân viên và các tùy chọn: : “Thêm khách hàng”, “Xóa khách hàng”, “Cập nhật thông tin khách hàng”
	3. Chọn “Xóa khách hàng”	3.1 Hiện danh sách khách hàng 3.2 Hiện thị thông tin khách hàng vừa được chọn

	4. Nhấn “Xác nhận”  5. Nhấn nút ‘Đồng ý xóa’	3.3 Hiện thị 2 nút “Xác nhận” và “Hủy” 4.1. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận  5.1 Hệ thống cập nhật lại CSDL 5.2 Thông báo xóa thành công
<b>Ngoại lệ</b>	Không có	
<b>Kết quả</b>	Xóa khách hàng thành công.	

Bảng 3.8 Đặc tả use case Xóa khách hàng

### 3.2.9 Use case Cập nhật thông tin khách hàng



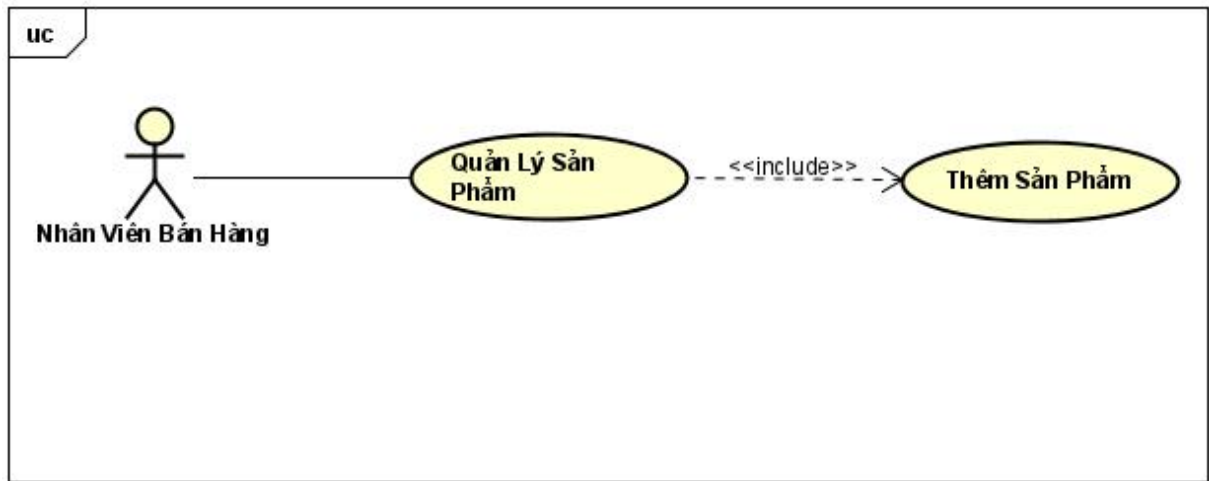
Hình 3.10 Use case Cập nhật thông tin khách hàng

<b>Tên usecase</b>	Cập nhật thông tin khách hàng
<b>Ngữ cảnh</b>	Nhân viên bán hàng muốn cập nhật thông tin khách hàng.
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Quản lý cửa hàng nhấn nút “Cập nhật thông tin khách hàng” trong Quản lý khách hàng
<b>Mô tả</b>	Cập nhật thông tin khách hàng
<b>Tác nhân</b>	Nhân viên bán hàng
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập
<b>Bên liên quan</b>	
<b>Điều kiện tiên</b>	Nhân viên cửa hàng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử

<b>quyết</b>	dụng chức năng	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu use case thành công, thông tin khách hàng được cập nhật vào hệ thống. Ngược lại, trạng thái của hệ thống không thay đổi.	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Đăng nhập vào hệ thống  2. Chọn “Quản lý khách hàng”  3. Nhấn “Cập nhật thông tin”  4. Nhấn “Xác nhận”  5. Chỉnh sửa thông tin cần thiết 6. Nhấn “Lưu”	1.1 Hệ thống kiểm duyệt sự tồn tại trong hệ thống. 1.2 Trả về kết quả và phân quyền đăng nhập. 2.1 Hiện thị danh sách nhân viên và các tùy chọn: “Thêm khách hàng”, “Xóa khách hàng”, “Cập nhật thông tin khách hàng” 3.1 Hiện thị thông tin khách hàng vừa được chọn. 3.2 Hiện thị 2 nút “Xác nhận” và “Hủy” 4.1 Hiện thị bảng để sửa thông tin bao gồm: Tên khách hàng, Đơn giá, số lượng, xuất xứ, nhà cung cấp.  6.1 Hệ thống kiểm tra thông tin và thêm vào CSDL. 6.2 Hiện thị danh sách các khách hàng và thông báo sửa thành công.
<b>Ngoại lệ</b>	Nhập thiếu hoặc sai thông tin: Hệ thống thông báo yêu cầu nhập lại trước khi nhấn “Lưu”.	
<b>Kết quả</b>	Sửa thông tin khách hàng thành công.	

Bảng 3.9 Đặc tả use case Cập nhật thông tin khách hàng

### 3.2.10 Use case Thêm sản phẩm



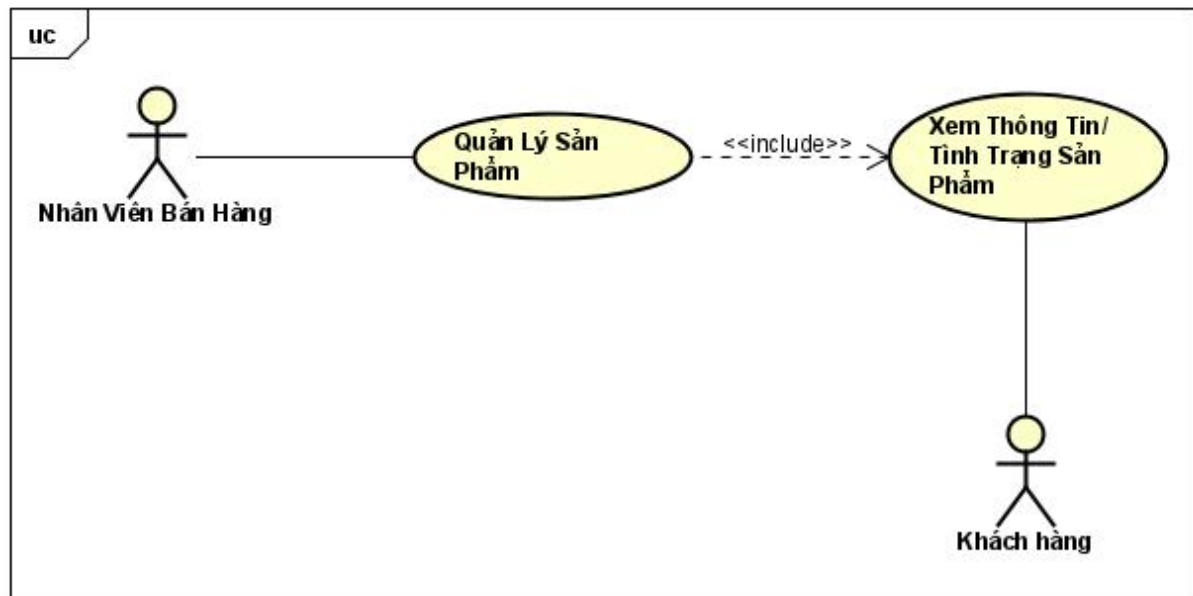
Hình 3.11 Use case Thêm sản phẩm

<b>Tên usecase</b>	Thêm sản phẩm	
<b>Ngữ cảnh</b>	Nhân viên bán hàng muốn thêm sản phẩm mới.	
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Nhân viên nhấn nút “Thêm sản phẩm” trong Quản lý sản phẩm	
<b>Mô tả</b>	Thêm sản phẩm mới vào danh sách sản phẩm	
<b>Tác nhân</b>	Nhân viên bán hàng	
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập	
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng.	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu usecase thành công, thông tin sản phẩm mới được thêm vào Database. Ngược lại, trạng thái của hệ thống không đổi	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	Đăng nhập vào hệ thống	1.1 Hệ thống kiểm duyệt sự tồn tại trong hệ thống. 1.2 Trả về kết quả và chức vụ nhân viên.
	2. Chọn “Quản lý nhân viên”	2.1 Hiện thị danh sách nhân viên và các tùy chọn: “Thêm sản phẩm”, “Xóa sản phẩm”, “Cập nhật thông tin sản phẩm”
	3. Chọn “Thêm sản phẩm”	3.1 Hiện thị giao diện điền thông tin sản phẩm bao gồm:

	4. Nhập thông tin của sản phẩm 5. Nhấn nút “Thêm sản phẩm”.	Tên sản phẩm, Đơn giá, số lượng, xuất xứ, nhà cung cấp.  5.1 Hệ thống kiểm tra thông tin và thêm vào CSDL. 5.2 Hiển thị danh sách các sản phẩm và thông báo thêm thành công.
<b>Ngoại lệ</b>	Nhập thiếu hoặc sai thông tin: Hệ thống thông báo yêu cầu nhập lại trước khi nhấn “Thêm sản phẩm”.	
<b>Kết quả</b>	Thêm sản phẩm mới thành công.	

Bảng 3.10 Đặc tả use case Thêm sản phẩm

### 3.2.11 Use case Xem thông tin/ tình trạng sản phẩm



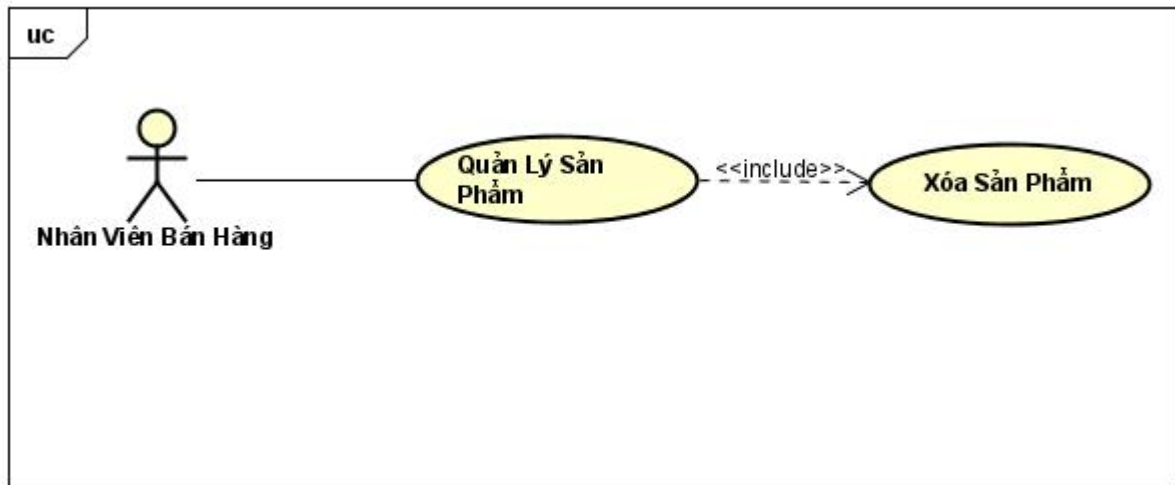
Hình 3.12 Use case Xem thông tin/ tình trạng sản phẩm

<b>Tên usecase</b>	Xem thông tin/ tình trạng sản phẩm
<b>Ngữ cảnh</b>	Nhân viên bán hàng và khách hàng muốn xem thông tin/ tình

	trạng sản phẩm trên hệ thống.	
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Nhân viên bán hàng và khách hàng chọn xem thông tin/ tình trạng sản phẩm trên hệ thống.	
<b>Mô tả</b>	Xem thông tin của sản phẩm, giá sản phẩm trên hệ thống so với giá niêm yết, tình trạng thực tế của sản phẩm (tính nguyên vẹn, bao bì sạch, vỏ không móp méo,...).	
<b>Tác nhân</b>	Nhân viên bán hàng và khách hàng.	
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập	
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Nhân viên bán hàng phải đăng nhập vào hệ thống.	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu usecase thành công, dữ liệu trên hệ thống sẽ hiển thị đúng. Nếu không, hệ thống sẽ thông báo lỗi hoặc hiển thị dữ liệu sai.	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn “Xem thông tin/ tình trạng sản phẩm”.  3. Chọn “Xong”	1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản 1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công. 2.1 Hiển thị danh sách sản phẩm cùng với số lượng sản phẩm còn trong hệ thống và kèm theo tình trạng, hình ảnh thực của sản phẩm. 3.1 Hệ thống đóng màn hình xem thông tin sản phẩm.
<b>Ngoại lệ</b>	Không.	
<b>Kết quả</b>	Xem được thông tin, số lượng, hình ảnh thực của sản phẩm.	

Bảng 3.11 Đặc tả use case Xem thông tin/ tình trạng sản phẩm

### 3.2.12 Use case Xóa sản phẩm



Hình 3.13 Use case Xóa sản phẩm

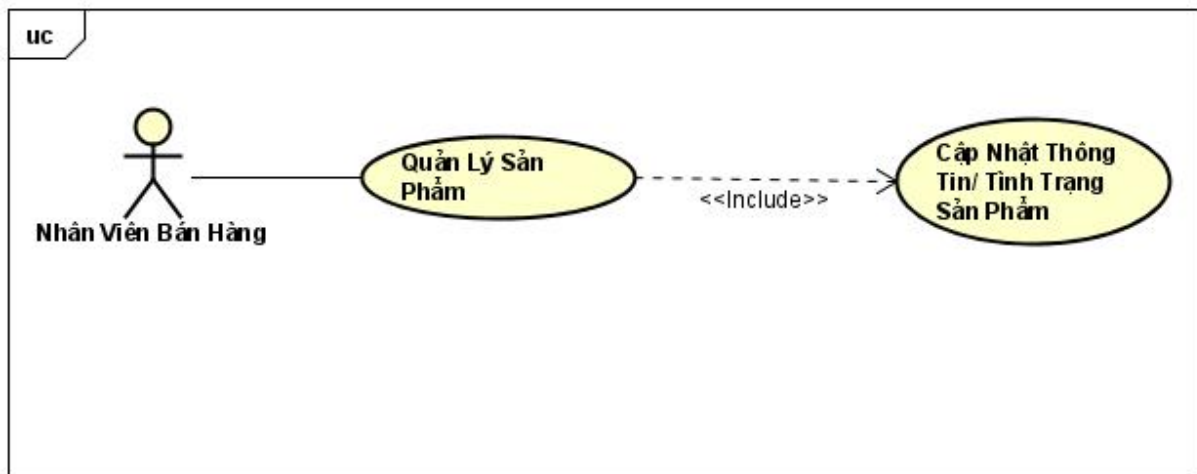
<b>Tên usecase</b>	Xóa sản phẩm	
<b>Ngữ cảnh</b>	Nhân viên bán hàng muốn xóa sản phẩm	
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Nhân viên bán hàng nhấn nút “Xóa sản phẩm” trong Quản lý sản phẩm	
<b>Mô tả</b>	Xóa thông tin sản phẩm khỏi hệ thống cửa hàng	
<b>Tác nhân</b>	Nhân viên bán hàng	
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập	
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Nhân viên bán hàng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu use case thành công, sản phẩm được xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, trạng thái của hệ thống không thay đổi.	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Đăng nhập vào hệ thống	1.1 Hệ thống kiểm duyệt sự tồn tại trong hệ thống. 1.2 Trả về kết quả và phân quyền đăng nhập.
	2. Chọn “Quản lý sản phẩm”	2.1 Hiện thị danh sách nhân viên và các tùy chọn: : “Thêm sản phẩm”, “Xóa sản phẩm”, “Cập nhật thông tin sản phẩm”
	3. Chọn “Xóa sản phẩm”	3.1 Hiện danh sách sản phẩm 3.2 Hiện thị thông tin sản phẩm vừa được chọn 3.3 Hiện thị 2 nút “Xác nhận”



	4. Nhấn “Xác nhận”  5. Nhấn nút ‘Đồng ý xóa’	và “Hủy” 4.1. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận  5.1 Hệ thống cập nhật lại CSDL 5.2 Thông báo xóa thành công
<b>Ngoại lệ</b>	Không có	
<b>Kết quả</b>	Xóa sản phẩm thành công.	

Bảng 3.12 Đặc tả use case Xóa sản phẩm

### 3.2.13 Use case Cập nhật thông tin/ tình trạng sản phẩm



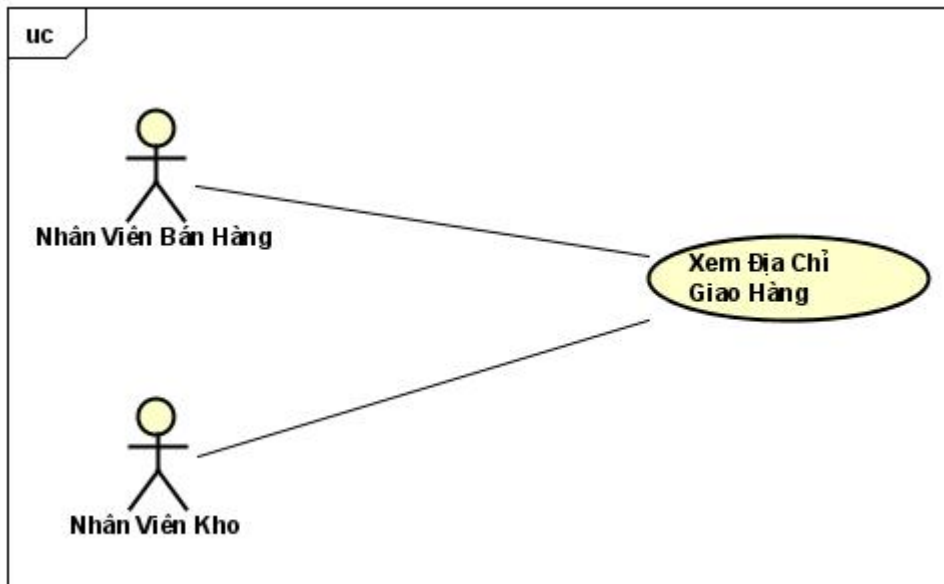
Hình 3.14 Use case Cập nhật thông tin/ tình trạng sản phẩm

<b>Tên usecase</b>	Cập nhật thông tin/ tình trạng sản phẩm
<b>Ngữ cảnh</b>	Nhân viên bán hàng muốn cập nhật thông tin/ tình trạng sản phẩm.
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Quản lý cửa hàng nhấn nút “Cập nhật thông tin/ tình trạng sản phẩm” trong Quản lý sản phẩm
<b>Mô tả</b>	Cập nhật thông tin/ tình trạng sản phẩm
<b>Tác nhân</b>	Nhân viên bán hàng
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập
<b>Bên liên quan</b>	
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Nhân viên cửa hàng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng

<b>Điều kiện sau</b>	Nếu use case thành công, thông tin sản phẩm được cập nhật vào hệ thống. Ngược lại, trạng thái của hệ thống không thay đổi.	
<b>Luồng sự kiện</b>	Tác nhân	Hệ thống
	1. Đăng nhập vào hệ thống  2. Chọn “Quản lý sản phẩm”  3. Nhấn “Cập nhật thông tin/ tình trạng sản phẩm”  4. Nhấn “Xác nhận”  5. Chỉnh sửa thông tin cần thiết 6. Nhấn “Lưu”	1.1 Hệ thống kiểm duyệt sự tồn tại trong hệ thống. 1.2 Trả về kết quả và phân quyền đăng nhập. 2.1 Hiện thị danh sách nhân viên và các tùy chọn: “Thêm sản phẩm”, “Xóa sản phẩm”, “Cập nhật thông tin/ tình trạng sản phẩm” 3.1 Hiện thị thông tin sản phẩm vừa được chọn. 3.2 Hiện thị 2 nút “Xác nhận” và “Hủy” 4.1 Hiện thị bảng để sửa thông tin bao gồm: Tên sản phẩm, Đơn giá, số lượng, xuất xứ, nhà cung cấp.  6.1 Hệ thống kiểm tra thông tin và thêm vào CSDL. 6.2 Hiện thị danh sách các sản phẩm và thông báo sửa thành công.
<b>Ngoại lệ</b>	Nhập thiếu hoặc sai thông tin: Hệ thống thông báo yêu cầu nhập lại trước khi nhấn “Lưu”.	
<b>Kết quả</b>	Cập nhật thông tin sản phẩm thành công.	

Bảng 3.13 Đặc tả use case Cập nhật thông tin/ tình trạng sản phẩm

### 3.2.14 Use case Xem địa chỉ giao hàng



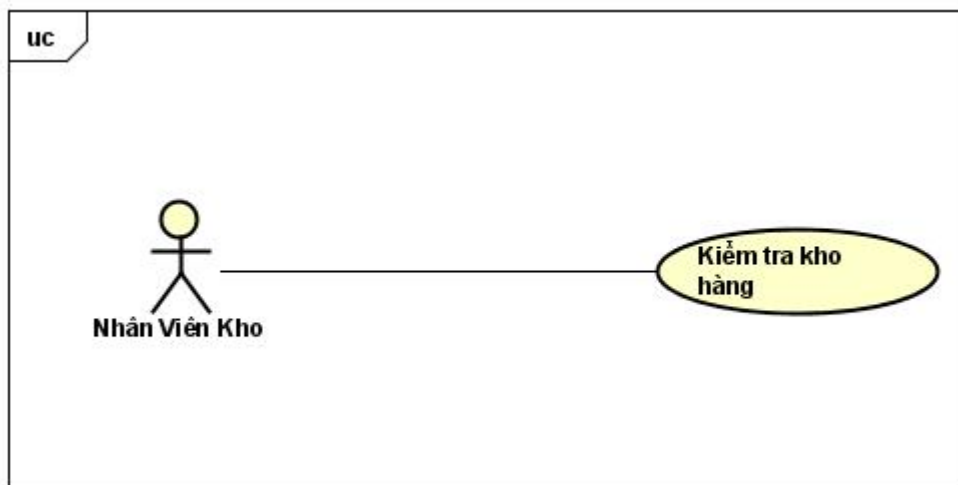
Hình 3.15 Use case Xem địa chỉ giao hàng

<b>Tên usecase</b>	Xem địa chỉ giao hàng	
<b>Ngữ cảnh</b>	Nhân viên bán hàng hoặc nhân viên kho chọn muốn kiểm tra kho hàng trên hệ thống.	
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Nhân viên bán hàng hoặc nhân viên kho chọn chức năng kiểm tra kho hàng trên hệ thống.	
<b>Mô tả</b>	Xem thông tin về địa chỉ giao hàng	
<b>Tác nhân</b>	Nhân viên kho, nhân viên bán hàng.	
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập	
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Nhân viên bán hàng hoặc nhân viên kho phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng.	
<b>Điều kiện sau</b>	Hệ thống hiển thị thông báo thành công và hiển thị thông tin địa chỉ giao hàng.	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Đăng nhập vào hệ thống.	1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản 1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.
	2. Chọn chức năng “Xem địa chỉ giao hàng”.	2.1 Hiển thị form điền mã đơn.
	3. Nhập mã đơn để xem địa chỉ	3.1 Hiển thị địa chỉ giao hàng theo mã đơn

	4. Kết thúc.	
<b>Ngoại lệ</b>	Nhập thiếu hoặc sai mã đơn: Hệ thống thông báo nhập lại mã đơn.	
<b>Kết quả</b>	Hiển thị địa chỉ giao hàng	

Bảng 3.14 Đặc tả use case Xem địa chỉ giao hàng

### 3.2.15 Use case Kiểm tra kho hàng



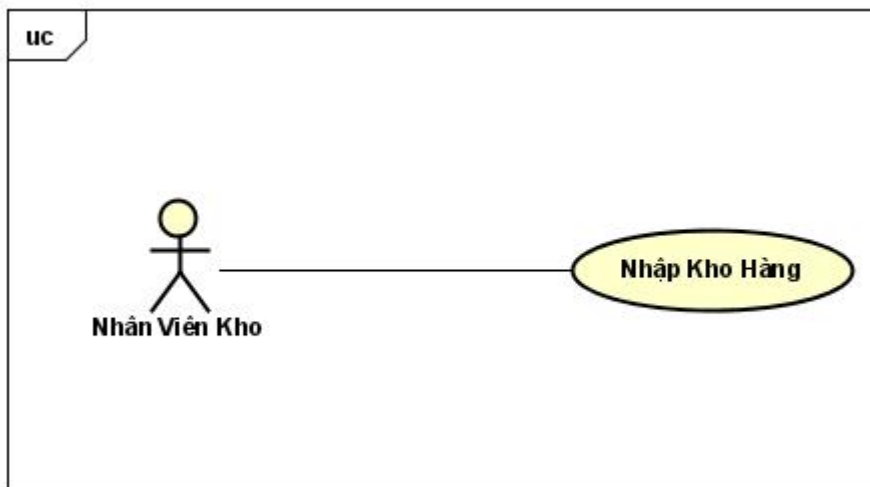
Hình 3.16 Use case Kiểm tra kho hàng

<b>Tên usecase</b>	Kiểm tra kho hàng.
<b>Ngữ cảnh</b>	Quản lý cửa hàng hoặc nhân viên kho chọn chức năng kiểm tra kho hàng trên hệ thống.
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Quản lý cửa hàng hoặc nhân viên kho chọn chức năng kiểm tra kho hàng trên hệ thống.
<b>Mô tả</b>	Xem thông tin về các sản phẩm còn trong kho hàng ( tình trạng, số lượng, mã sản phẩm, tên sản phẩm, ngày nhập kho).
<b>Tác nhân</b>	Nhân viên kho, quản lý cửa hàng.
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập
<b>Bên liên quan</b>	

<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Quản lý cửa hàng hoặc nhân viên kho phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng.	
<b>Điều kiện sau</b>	Hệ thống hiển thị thông báo thành công và hiển thị thông tin về tất cả sản phẩm trong kho. .	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn “Kiểm tra kho hàng”.  3. Chọn “Lưu” và kết thúc.	1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản 1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công. 2.1 Hiển thị danh sách về thông tin của sản phẩm.  3.1 Hệ thống thông báo thành công hoặc lỗi.
<b>Ngoại lệ</b>	Nhập thiếu hoặc sai thông tin: Hệ thống thông báo nhập lại thông tin.	
<b>Kết quả</b>	Hiển thị thông tin của tất cả sản phẩm	

Bảng 3.15 Đặc tả use case Kiểm tra kho hàng

### 3.2.16 Use case Nhập kho hàng



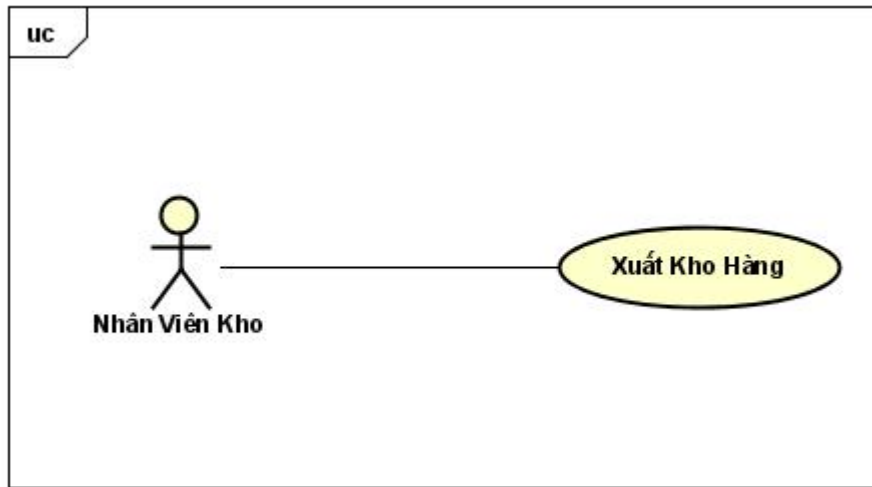
Hình 3.17 Use case Nhập kho hàng

<b>Tên usecase</b>	Nhập kho hàng
<b>Ngữ cảnh</b>	Quản lý cửa hàng hoặc nhân viên kho chọn chức năng nhập kho hàng trên hệ thống.
<b>Sự kiện kích</b>	Quản lý cửa hàng hoặc nhân viên kho chọn chức năng nhập kho

<b>hoạt</b>	hàng trên hệ thống.	
<b>Mô tả</b>	Xem hàng đã đặt từ trước, cập nhật thông tin hàng đã nhập, chưa nhập, hàng tồn, hàng trả lại cho nhà sản xuất, nguyên nhân trả lại hàng.	
<b>Tác nhân</b>	Nhân viên kho, quản lý cửa hàng	
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập	
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Nhân viên kho phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng.	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu usecase thành công, hệ thống hiển thị thông báo thành công và cập nhật lại hàng. Nếu không, hệ thống thông báo lỗi và dữ liệu của hệ thống không thay đổi.	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Đăng nhập vào hệ thống.	1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản 1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công.
	2. Chọn “Nhập kho hàng”.	2.1 Hiển thị danh sách hàng đã đặt, hàng đã về, hàng chưa về, số lượng hàng đã về, tên và số lượng của hàng trả lại, nguyên nhân trả lại.
	3. Chọn “Lưu” và kết thúc.	3.1 Hệ thống thông báo thành công hoặc lỗi.
<b>Ngoại lệ</b>	Nhập thiếu hoặc sai thông tin: Hệ thống thông báo nhập lại thông tin.	
<b>Kết quả</b>	Cập nhật hàng trong cơ sở dữ liệu thành công.	

Bảng 3.16 Đặc tả use case Nhập kho hàng

### 3.2.17 Use case Xuất kho hàng



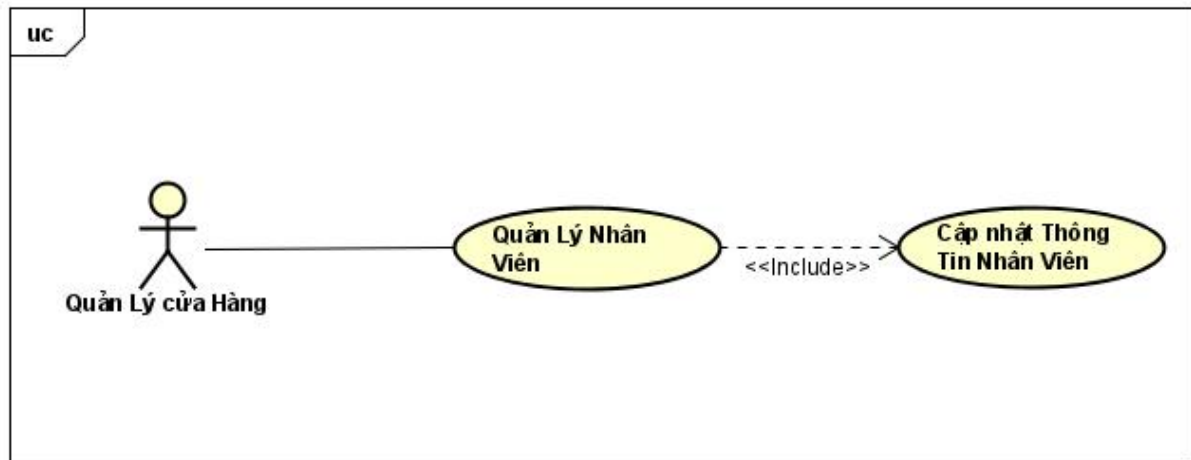
Hình 3.18 Use case Xuất kho hàng

<b>Tên usecase</b>	Xuất kho hàng	
<b>Ngữ cảnh</b>	Quản lý cửa hàng hoặc nhân viên kho muốn xuất kho hàng trên hệ thống.	
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Quản lý cửa hàng hoặc nhân kho viên chọn xuất kho hàng trên hệ thống.	
<b>Mô tả</b>	Điều chỉnh lại số lượng hàng hóa cho các trường hợp (chuyển hàng từ kho này qua kho khác, trả hàng, bán hàng).	
<b>Tác nhân</b>	Quản lý cửa hàng, nhân viên kho	
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập	
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Quản lý cửa hàng hoặc nhân viên kho phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng.	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu usecase thành công, dữ liệu hàng hóa trên hệ thống sẽ được thay đổi. Nếu không, hệ thống sẽ thông báo lỗi và dữ liệu trên hệ thống không thay đổi.	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Đăng nhập vào hệ thống.  2. Chọn “Xuất kho hàng”.  3. Chọn vào sản phẩm muốn xuất kho và số lượng	1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản 1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công. 2.1 Hiện thị danh sách sản phẩm cùng với số lượng sản phẩm còn trong hệ thống. 3.1 Hệ thống hiện thị thông báo xác nhận muốn xuất

	muốn điều chỉnh. 4. Chọn “Lưu”.	kho hàng? 4.1 Hệ thống thực hiện lưu lại thông tin cho sản phẩm vừa nhập.
<b>Ngoại lệ</b>	Không.	
<b>Kết quả</b>	Thay đổi số lượng sản phẩm có trên hệ thống.	

Bảng 3.17 Đặc tả use case Xuất kho hàng

### 3.2.18 Use case Cập nhật thông tin nhân viên



Hình 3.19 Use case Cập nhật thông tin nhân viên

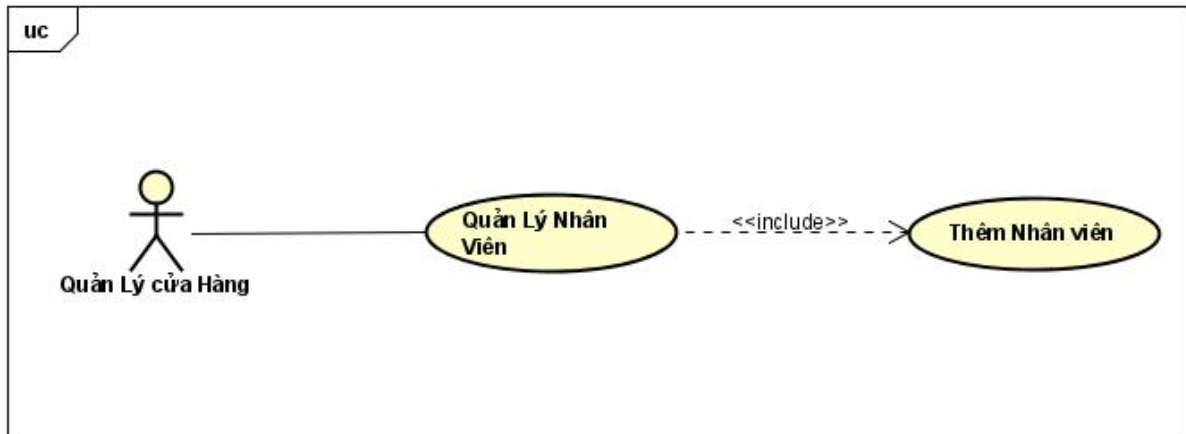
<b>Tên usecase</b>	Cập nhật thông tin nhân viên
<b>Ngữ cảnh</b>	Quản lý cửa hàng muốn cập nhật thông tin nhân viên.
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Quản lý cửa hàng nhấn nút “Cập nhật thông tin nhân viên” trong Quản lý nhân viên
<b>Mô tả</b>	Cập nhật thông tin nhân viên và trả về phân quyền đăng nhập mới
<b>Tác nhân</b>	Quản lý cửa hàng
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập
<b>Bên liên quan</b>	
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Quản lý cửa hàng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu use case thành công, thông tin nhân viên được cập nhật vào



	hệ thống. Ngược lại, trạng thái của hệ thống không thay đổi.	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Đăng nhập vào hệ thống  2. Chọn “Quản lý nhân viên”  3. Nhấn “Cập nhật thông tin”  4. Nhấn “Xác nhận”  5. Chỉnh sửa thông tin cần thiết 6. Nhấn “Lưu”	1.1 Hệ thống kiểm duyệt sự tồn tại trong hệ thống. 1.2 Trả về kết quả và phân quyền đăng nhập. 2.1 Hiện thị danh sách nhân viên và các tùy chọn: “Thêm nhân viên”, “Xóa nhân viên”, “Cập nhật thông tin nhân viên” 3.1 Hiện thị thông tin nhân viên vừa được chọn. 3.2 Hiện thị 2 nút “Xác nhận” và “Hủy” 4.1 Hiện thị bảng để sửa thông tin bao gồm: Họ tên, CMND, Giới tính, Chức vụ, Địa chỉ, Điện thoại, Email, Phân quyền.  6.1 Hệ thống kiểm tra thông tin và thêm vào CSDL. 6.2 Hiện thị danh sách các nhân viên và thông báo sửa thành công.
<b>Ngoại lệ</b>	Nhập thiếu hoặc sai thông tin: Hệ thống thông báo yêu cầu nhập lại trước khi nhấn “Lưu”.	
<b>Kết quả</b>	Sửa thông tin nhân viên thành công.	

Bảng 3.18 Đặc tả use case Cập nhật thông tin nhân viên

**3.2.19 Use case Thêm nhân viên**



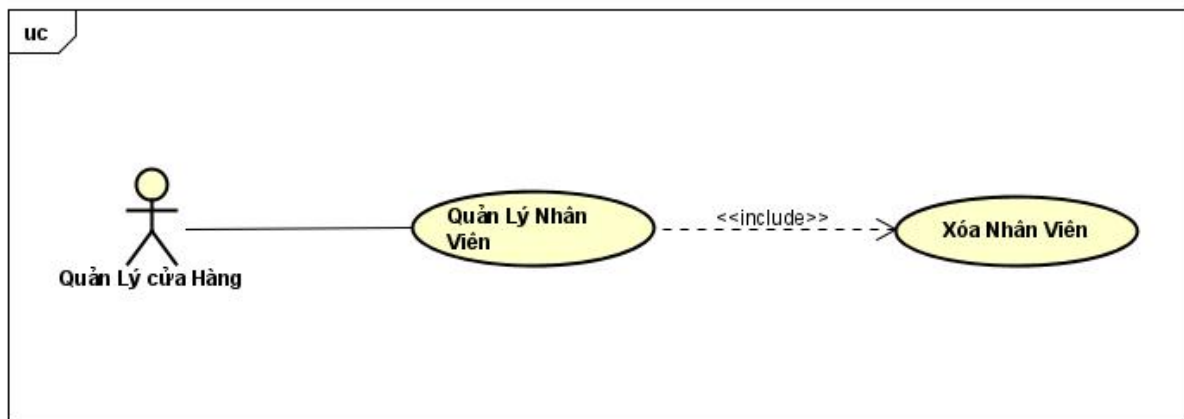
Hình 3.20 Use case Thêm nhân viên

<b>Tên usecase</b>	Thêm nhân viên	
<b>Ngữ cảnh</b>	Quản lý cửa hàng muốn thêm nhân viên mới	
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Quản lý cửa hàng nhấn nút “Thêm nhân viên” trong Quản lý nhân viên	
<b>Mô tả</b>	Thêm thông tin nhân viên mới và phân quyền truy cập cho nhân viên	
<b>Tác nhân</b>	Quản lý cửa hàng	
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập	
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Quản lý cửa hàng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu use case thành công, thông tin nhân viên được thêm vào hệ thống. Ngược lại, trạng thái của hệ thống không thay đổi.	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Đăng nhập vào hệ thống	1.1 Hệ thống kiểm duyệt sự tồn tại trong hệ thống. 1.2 Trả về kết quả và chức vụ nhân viên.
	2. Chọn “Quản lý nhân viên”	2.1 Hiển thị danh sách nhân viên và các tùy chọn: “Thêm nhân viên”, “Xóa nhân viên”, “Cập nhật thông tin nhân viên”
	3. Chọn “Thêm nhân viên”	3.1 Hiển thị giao diện điền

	<p>4. Nhập thông tin của nhân viên</p> <p>5. Nhấn nút “Thêm nhân viên”.</p>	<p>thông tin nhân viên bao gồm: Họ tên, CMND, Giới tính, Chức vụ, Địa chỉ, Điện thoại, Email, Phân quyền.</p> <p>5.1 Hệ thống kiểm tra thông tin và thêm vào CSDL. 5.2 Hiển thị danh sách các nhân viên và thông báo thêm thành công.</p>
<b>Ngoại lệ</b>	Nhập thiếu hoặc sai thông tin: Hệ thống thông báo yêu cầu nhập lại trước khi nhấn “Thêm nhân viên”.	
<b>Kết quả</b>	Thêm nhân viên thành công	

Bảng 3.19 Đặc tả use case Thêm nhân viên

### 3.2.20 Use case Xóa nhân viên



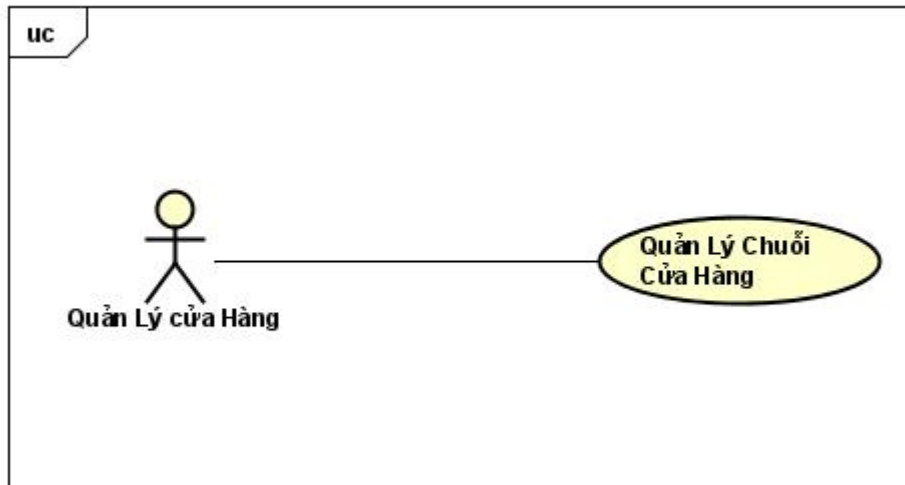
Hình 3.21 Use case Xóa nhân viên

<b>Tên usecase</b>	Xóa nhân viên
<b>Ngữ cảnh</b>	Quản lý cửa hàng muốn xóa nhân viên.
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Quản lý bán hàng nhấn nút “Xóa nhân viên” trong Quản lý nhân viên
<b>Mô tả</b>	Xóa thông tin nhân viên khỏi hệ thống cửa hàng

<b>Tác nhân</b>	Quản lý cửa hàng	
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập	
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Quản lý cửa hàng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu use case thành công, nhân viên được xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, trạng thái của hệ thống không thay đổi.	
<b>Luồng sự kiện</b>	Tác nhân	Hệ thống
	1. Đăng nhập vào hệ thống	1.1 Hệ thống kiểm duyệt sự tồn tại trong hệ thống. 1.2 Trả về kết quả và phân quyền đăng nhập.
	2. Chọn “Quản lý nhân viên”	2.1 Hiện thị danh sách nhân viên và các tùy chọn: “Thêm nhân viên”, “Xóa nhân viên”, “Cập nhật thông tin nhân viên”
	3. Chọn “Xóa nhân viên”	3.1 Hiện danh sách nhân viên 3.2 Hiện thị thông tin nhân viên vừa được chọn 3.3 Hiện thị 2 nút “Xác nhận” và “Hủy”
	4. Nhấn “Xác nhận”	4.1. Hệ thống hiện thị thông báo xác nhận
	5. Nhấn nút ‘Đồng ý xóa’	5.1 Hệ thống cập nhật lại CSDL 5.2 Thông báo xóa thành công
<b>Ngoại lệ</b>	Không có	
<b>Kết quả</b>	Xóa nhân viên thành công.	

Bảng 3.20 Đặc tả use case Xóa nhân viên

### 3.2.21 Use case *Quản lý chuỗi cửa hàng*



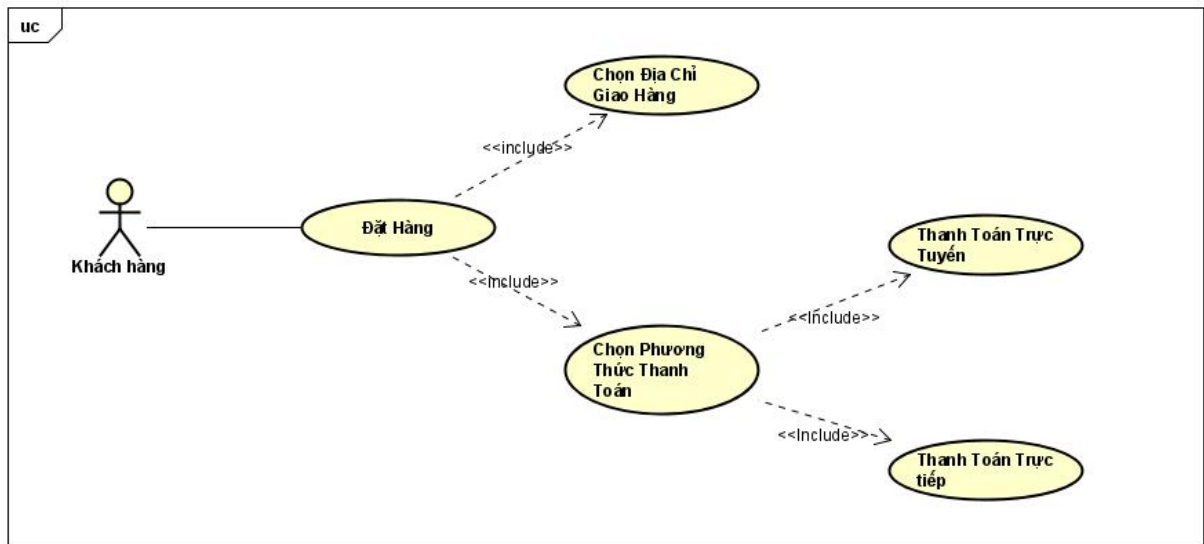
Hình 3.22 Use case Quản lý chuỗi cửa hàng

<b>Tên usecase</b>	Quản lý chuỗi cửa hàng	
<b>Ngữ cảnh</b>	Quản lý cửa hàng muốn xem thông tin về các cửa hàng trong chuỗi cửa hàng	
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Quản lý cửa hàng nhấn nút “Quản lý chuỗi cửa hàng”	
<b>Mô tả</b>	Cung cấp thông tin doanh thu, sản phẩm, nhân viên, khách hàng về các cửa hàng trong chuỗi cửa hàng	
<b>Tác nhân</b>	Quản lý cửa hàng	
<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập, Thống kê doanh thu, Quản lý nhân viên, Quản lý sản phẩm, Quản lý khách hàng	
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Quản lý cửa hàng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu use case thành công, trạng thái của hệ thống không đổi	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Đăng nhập vào hệ thống	1.1 Hệ thống kiểm duyệt sự tồn tại trong hệ thống. 1.2 Trả về kết quả và chức vụ nhân viên.
	2. Chọn chức năng “Quản lý chuỗi cửa hàng”	2.1 Hiện thị danh sách các cửa hàng trong chuỗi cửa hàng và nút “Kết thúc”
	3. Chọn cửa hàng muốn xem	3.1 Hiện thị 4 tùy chọn: “Xem

	<p>4. Chọn một tùy chọn</p> <p>5. Nhấn nút “Quay lại”.</p> <p>6. Nhấn nút “Kết thúc”</p>	<p>doanh thu”, “Xem thông tin nhân viên”, “Xem thông tin sản phẩm”, “Xem thông tin khách hàng” và nút “Quay lại”</p> <p>4.1 Chọn “Xem doanh thu”: Hiển thị doanh thu của cửa hàng theo ngày/ tuần/ tháng/ năm và hiển thị nút “Quay lại” để quay lại bước 3</p> <p>4.2 Chọn “Xem thông tin nhân viên”: Hiển thị tất cả thông tin nhân viên của cửa hàng và hiển thị nút “Quay lại” để quay lại bước 3</p> <p>4.3 Chọn “Xem thông tin sản phẩm”: Hiển thị tất cả thông tin sản phẩm của cửa hàng và hiển thị nút “Quay lại” để quay lại bước 3</p> <p>4.4 Chọn “Xem thông tin khách hàng”: Hiển thị tất cả thông tin khách hàng của cửa hàng và hiển thị nút “Quay lại” để quay lại bước 3</p> <p>4.5 Chọn “Quay lại”: Quay về bước 2</p> <p>5.1 Quay về bước 3</p> <p>6.1 Kết thúc truy cập</p>
<b>Ngoại lệ</b>	Không có	
<b>Kết quả</b>	Xem thông tin của chuỗi cửa hàng thành công	

Bảng 3.21 Đặc tả use case Quản lý chuỗi cửa hàng

### 3.2.22 Use case Đặt hàng



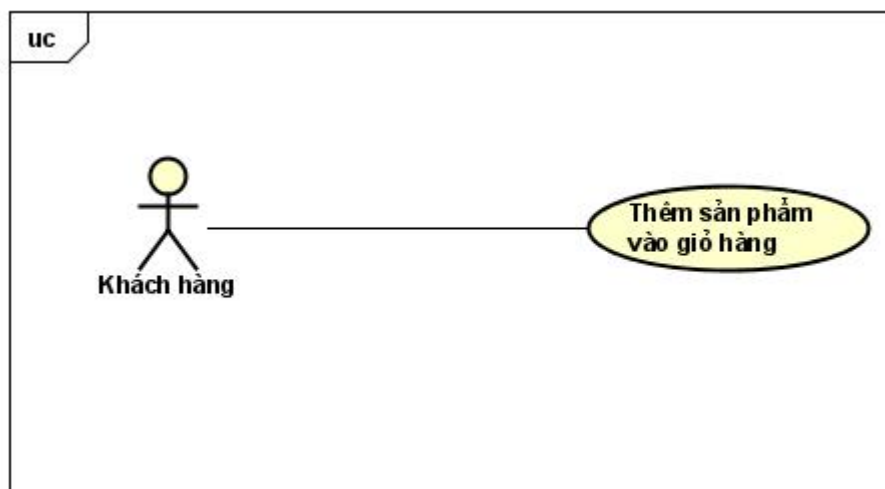
Hình 3.23 Use case Đặt hàng

<b>Tên usecase</b>	Đặt hàng	
<b>Ngữ cảnh</b>	Khách hàng chọn đặt hàng trên hệ thống.	
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Khách hàng chọn đặt hàng trên hệ thống.	
<b>Mô tả</b>	Khách hàng muốn đặt hàng giỏ hàng hiện tại.	
<b>Tác nhân</b>	Khách hàng	
<b>UC liên quan</b>		
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Khách hàng đã đăng nhập vào hệ thống.	
<b>Điều kiện sau</b>		
<b>Lưuồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Khách hàng chọn “Đặt hàng” trên hệ thống.	1.1 Hiển thị tên các mặt hàng đang có trong giỏ, số lượng và tùy chọn . 1.2 Hệ thống hiển thị form địa chỉ giao hàng
	2. Khách hàng điền địa chỉ giao hàng theo form hiển thị	2.1 Hệ thống xác nhận địa chỉ hợp lệ 2.2 Hệ thống hiển thị các phương thức thanh toán để khách hàng chọn
	3. Khách hàng chọn một	3.1 Hệ thống xác nhận phương

	trong các phương thức thanh toán	thức thanh toán hợp lệ 3.2 Hệ thống hiện thông báo “xác nhận” đặt hàng
	4. Chọn “Xác nhận” để đặt hàng.	4. Hiện thị danh sách các mặt hàng đã đặt và thông báo đặt hàng thành công.
<b>Ngoại lệ</b>	Nếu không có hàng trong giỏ: Hệ thống thông báo giỏ hàng hiện tại trống.	
<b>Kết quả</b>	Đặt hàng thành công.	

Bảng 3.22 Đặc tả use case Đặt hàng

### 3.2.23 Use case Thêm sản phẩm vào giỏ hàng



Hình 3.24 Use case Thêm sản phẩm vào giỏ hàng

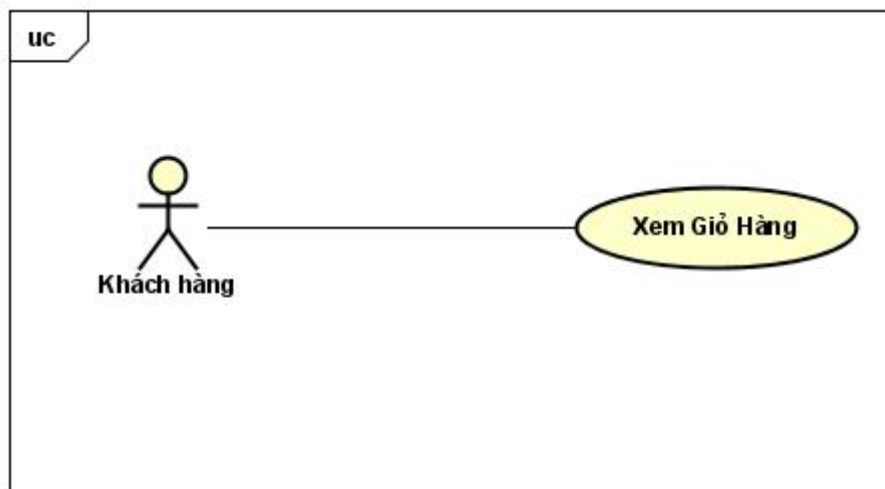
<b>Tên usecase</b>	Thêm sản phẩm vào giỏ
<b>Ngữ cảnh</b>	Khách hàng thêm sản phẩm vào giỏ hàng hiện tại
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Khách hàng chọn thêm sản phẩm vào giỏ với sản phẩm đang được hiển thị.
<b>Mô tả</b>	Khách hàng muốn thêm sản phẩm vào giỏ hàng.
<b>Tác nhân</b>	Khách hàng
<b>UC liên quan</b>	
<b>Bên liên quan</b>	
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Khách hàng đã đăng nhập vào hệ thống.
<b>Điều kiện sau</b>	



<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Khách hàng chọn thêm vào “Thêm sản phẩm vào giỏ hàng” với mặt hàng được chọn.	1. Cập nhật sản phẩm vào giỏ hàng hiện tại của khách hàng.
<b>Ngoại lệ</b>	Nếu không có hàng trong giỏ: Hệ thống thông báo giỏ hàng hiện tại trống.	
<b>Kết quả</b>	Thêm sản phẩm vào giỏ hàng thành công.	

Bảng 3.23 Đặc tả use case Thêm sản phẩm vào giỏ hàng

### 3.2.24 Use case Xem giỏ hàng



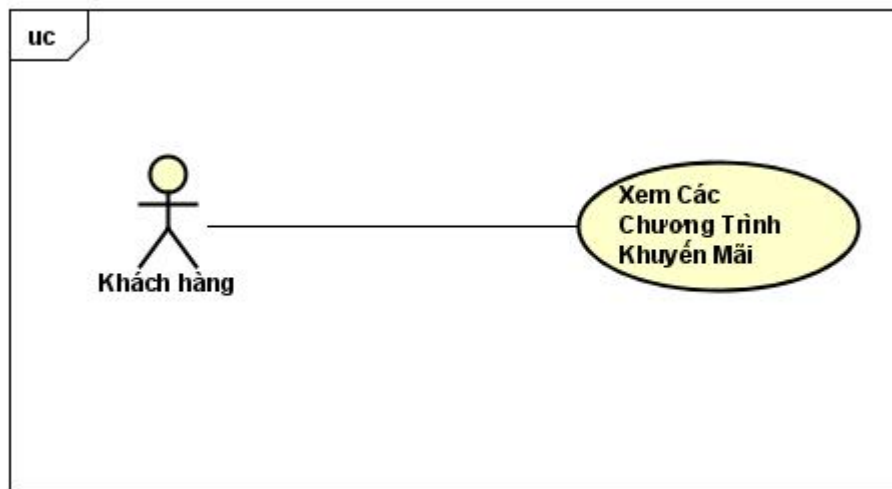
Hình 3.25 Use case Xem giỏ hàng

<b>Tên usecase</b>	Xem giỏ hàng
<b>Ngữ cảnh</b>	Khách hàng chọn xem giỏ hàng trên hệ thống.
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Khách hàng chọn xem giỏ hàng trên hệ thống.
<b>Mô tả</b>	Khách hàng muốn xem giỏ hàng hiện tại.
<b>Tác nhân</b>	Khách hàng
<b>UC liên quan</b>	
<b>Bên liên quan</b>	
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Khách hàng đã đăng nhập vào hệ thống.

<b>Điều kiện sau</b>		
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Khách hàng chọn “Xem giỏ hàng”.	1. Hệ thống hiển thị danh sách hàng hóa có trong giỏ, cùng với số lượng và đơn giá. Hiển thị tùy chọn “Quay lại”.
<b>Ngoại lệ</b>		
<b>Kết quả</b>	Xem giỏ hàng thành công	

Bảng 3.24 Đặc tả use case Xem giỏ hàng

### 3.2.25 Use case Xem các chương trình khuyến mãi



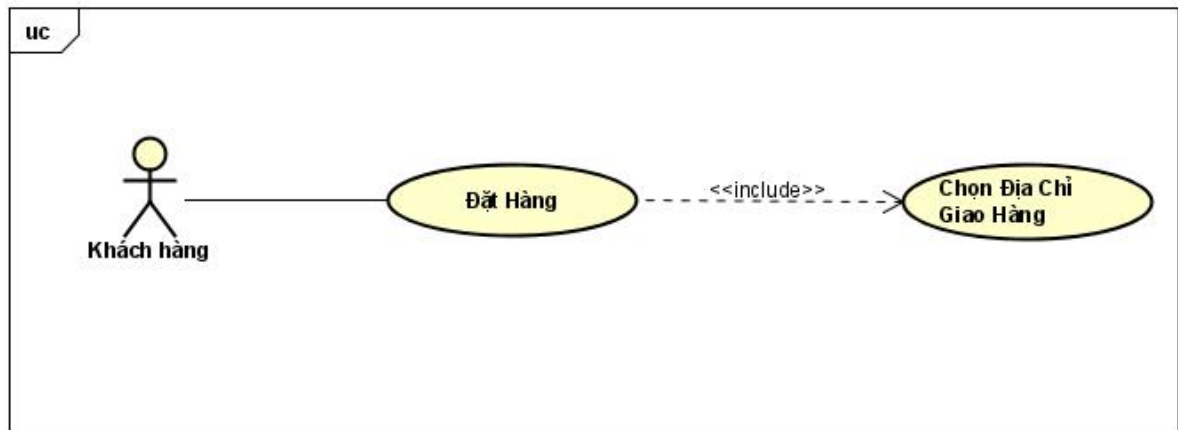
Hình 3.26 Use case Xem các chương trình khuyến mãi

<b>Tên usecase</b>	Xem các chương trình khuyến mãi
<b>Ngữ cảnh</b>	Khách hàng muốn xem các chương trình khuyến mãi của cửa hàng
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Khách hàng chọn “Xem các chương trình khuyến mãi” trên hệ thống
<b>Mô tả</b>	Cập nhật lại hóa đơn bán hàng trong trường hợp có sai sót hoặc khách hàng muốn thêm/bớt sản phẩm trong hóa đơn.
<b>Tác nhân</b>	Khách hàng

<b>UC liên quan</b>		
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Không có	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu usecase thành công, khách hàng có thể xem được khuyến mãi của cửa hàng	
<b>Luồng sự kiện</b>	Tác nhân	Hệ thống
	1. Truy cập vào hệ thống  2. Chọn “Xem thông tin khuyến mãi”.	2.1 Hiển thị thông tin khuyến mãi của cửa hàng.
<b>Ngoại lệ</b>	Không.	
<b>Kết quả</b>	Khách hàng xem được khuyến mãi của cửa hàng	

Bảng 3.25 Đặc tả use case Xem các chương trình khuyến mãi

### 3.2.26 Use case Chọn địa chỉ giao hàng



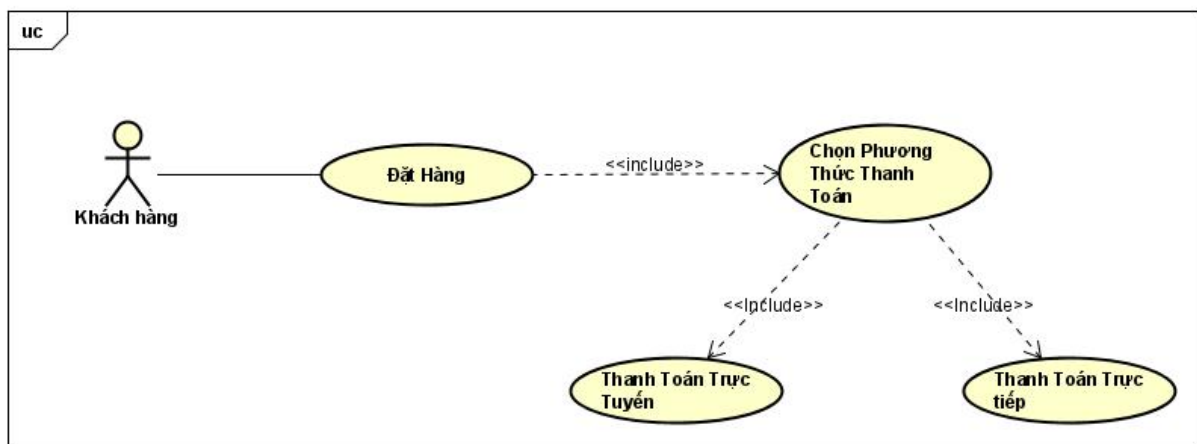
Hình 3.27 Use case Chọn địa chỉ giao hàng

<b>Tên usecase</b>	Chọn địa chỉ giao hàng
<b>Ngữ cảnh</b>	Khách hàng chọn địa chỉ giao hàng
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Khách hàng nhấn vào nút “Chọn địa chỉ giao hàng” trên hệ thống
<b>Mô tả</b>	Khách hàng chọn địa chỉ giao hàng để nhận sản phẩm khi đặt hàng trực tuyến
<b>Tác nhân</b>	Khách hàng

<b>UC liên quan</b>	Đăng nhập, Đặt hàng	
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Khách hàng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng.	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu usecase thành công, khách hàng thành công đăng nhập vào hệ thống	
<b>Luồng sự kiện</b>	Tác nhân	Hệ thống
	1. Đăng nhập vào hệ thống  2. Chọn chức năng “Chọn địa chỉ giao hàng”.  3. Bấm nút “Xác nhận”	1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản 1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công. 2.1 Hệ thống hiển thị bảng để user nhập thông tin. Bao gồm địa chỉ, số điện thoại, họ tên.  3.1 Hệ thống thông báo cập nhật thành công
<b>Ngoại lệ</b>	Không.	
<b>Kết quả</b>	Khách hàng cập nhật địa chỉ thành công	

Bảng 3.26 Đặc tả use case Chọn địa chỉ giao hàng

### 3.2.27 Use case Chọn phương thức thanh toán



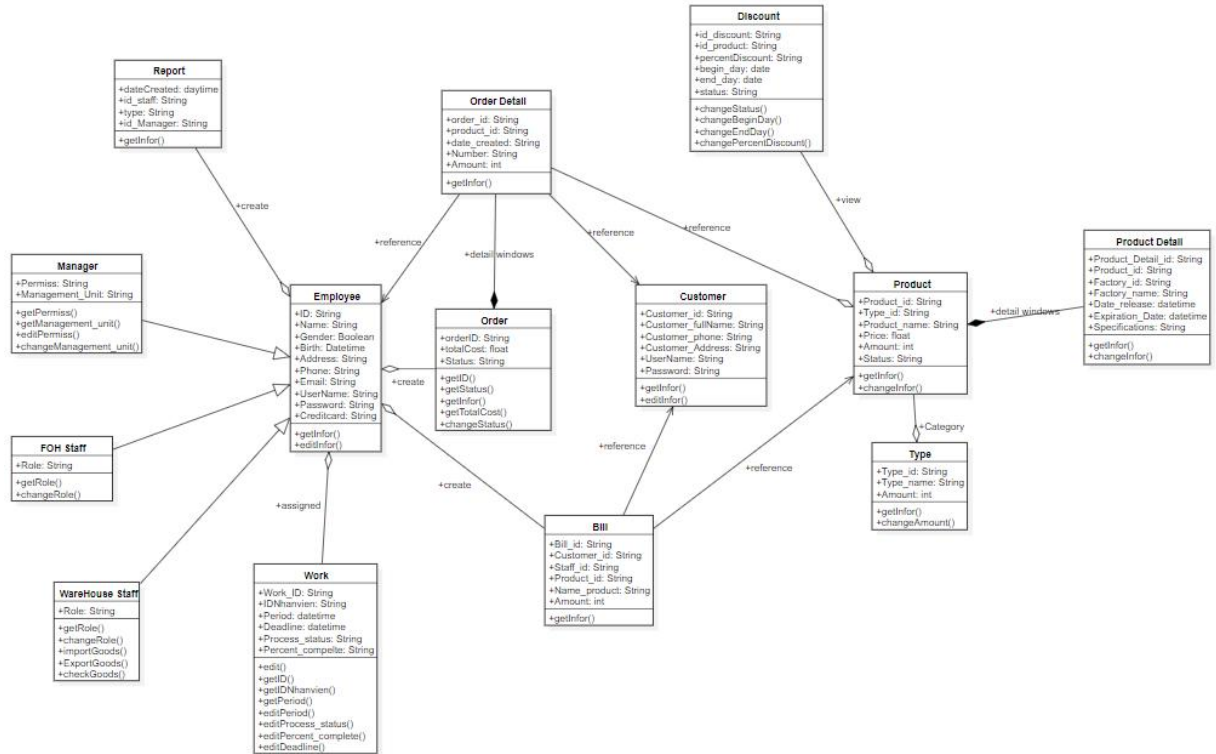
Hình 3.28 Use case Chọn phương thức thanh toán

<b>Tên usecase</b>	Chọn phương thức thanh toán
--------------------	-----------------------------

<b>Ngữ cảnh</b>	Khách hàng chọn phương thức thanh toán trên hệ thống	
<b>Sự kiện kích hoạt</b>	Khách hàng nhấn vào nút “Chọn phương thức thanh toán” trên hệ thống	
<b>Mô tả</b>	Khách hàng chọn phương thức thanh toán trực tiếp hoặc thanh toán trực tuyến	
<b>Tác nhân</b>	Khách hàng	
<b>UC liên quan</b>	Chọn địa chỉ giao hàng	
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Điều kiện tiên quyết</b>	Khách hàng phải đăng nhập vào hệ thống trước khi sử dụng chức năng.	
<b>Điều kiện sau</b>	Nếu usecase thành công, khách hàng thành công đăng nhập vào hệ thống	
<b>Luồng sự kiện</b>	<b>Tác nhân</b>	<b>Hệ thống</b>
	1. Đăng nhập vào hệ thống  2. Chọn “Chọn phương thức thanh toán”.  3. Khách hàng chọn phương thức thanh toán  4. Khách hàng bấm nút “Xác nhận”	1.1 Hệ thống kiểm tra tài khoản 1.2 Hệ thống thông báo đã đăng nhập thành công. 2.1 Hệ thống hiển thị 2 lựa chọn thanh toán trực tuyến và thanh toán trực tiếp. 3.1 Khách hàng chọn thanh toán trực tiếp: 3.1.1 Hệ thống hiển thị thông báo thành công và hiển thị thời gian khách hàng có thể đến để lấy đơn hàng 3.2 Khách hàng chọn thanh toán trực tuyến 3.2.1 Hệ thống kiểm tra địa chỉ giao hàng. Nếu không có địa chỉ giao hàng thì bắt buộc khách hàng nhập. Hệ thống hiển thị ngày giao hàng và cách thanh toán trực tuyến.  4.1 Hệ thống thông báo thành công và lưu dữ liệu vào database
<b>Ngoại lệ</b>	Không.	
<b>Kết quả</b>	Khách hàng cập nhật phương thức thanh toán thành công	

Bảng 3.27 Đặc tả use case Chọn phương thức thanh toán

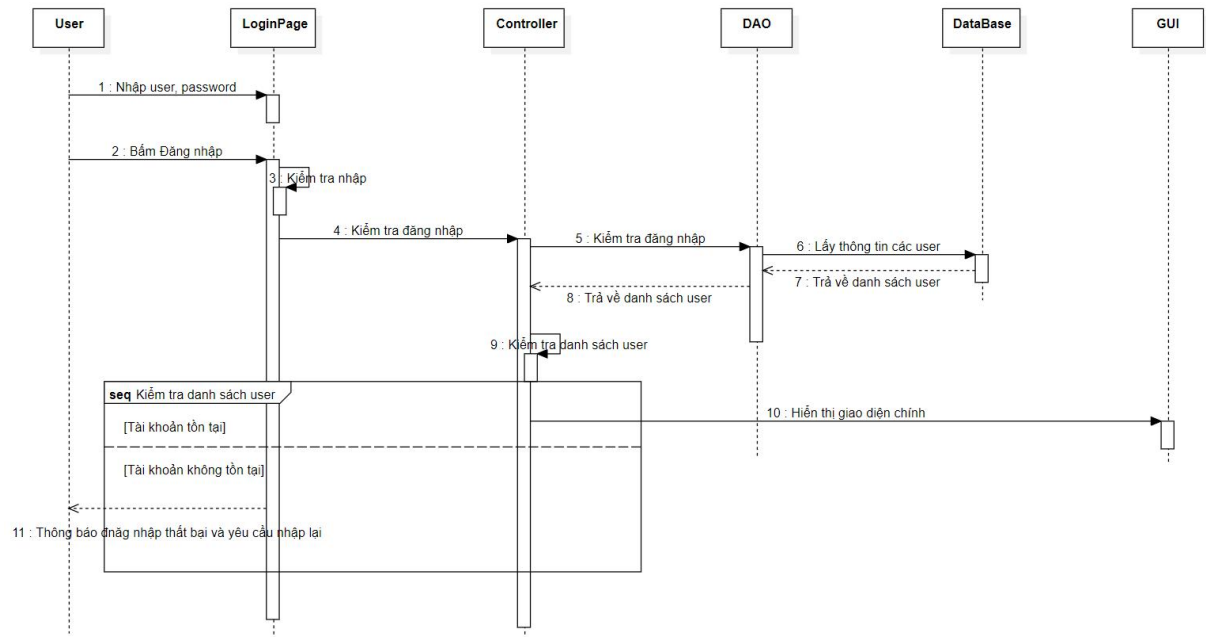
### 3.3 Sơ Đồ Class (Class Diagram)



Hình 3.29 Sơ đồ Class

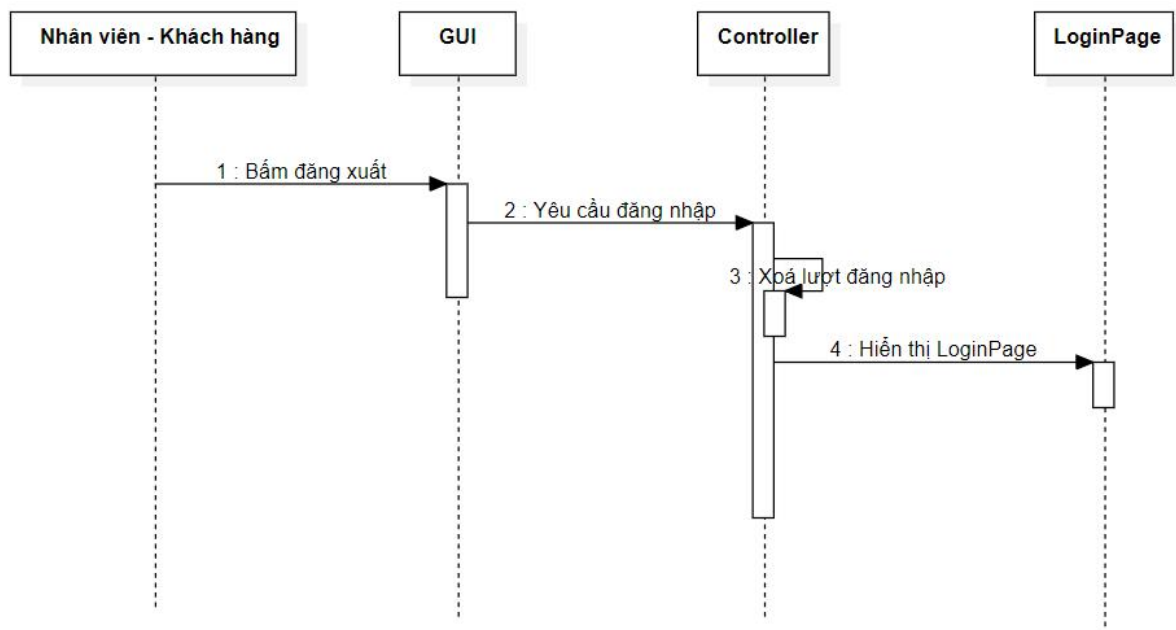
### 3.4 Sơ Đồ Trình tự ( Sequence Diagram)

### 3.4.1 Đăng nhập



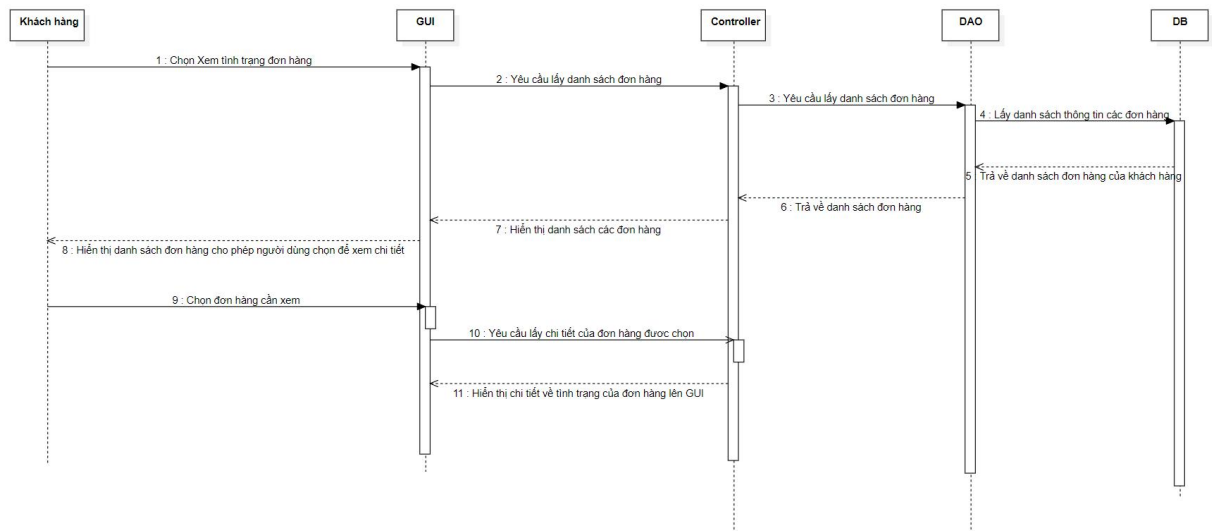
Hình 3.30 sequence Đăng nhập

### 3.4.2 Đăng xuất



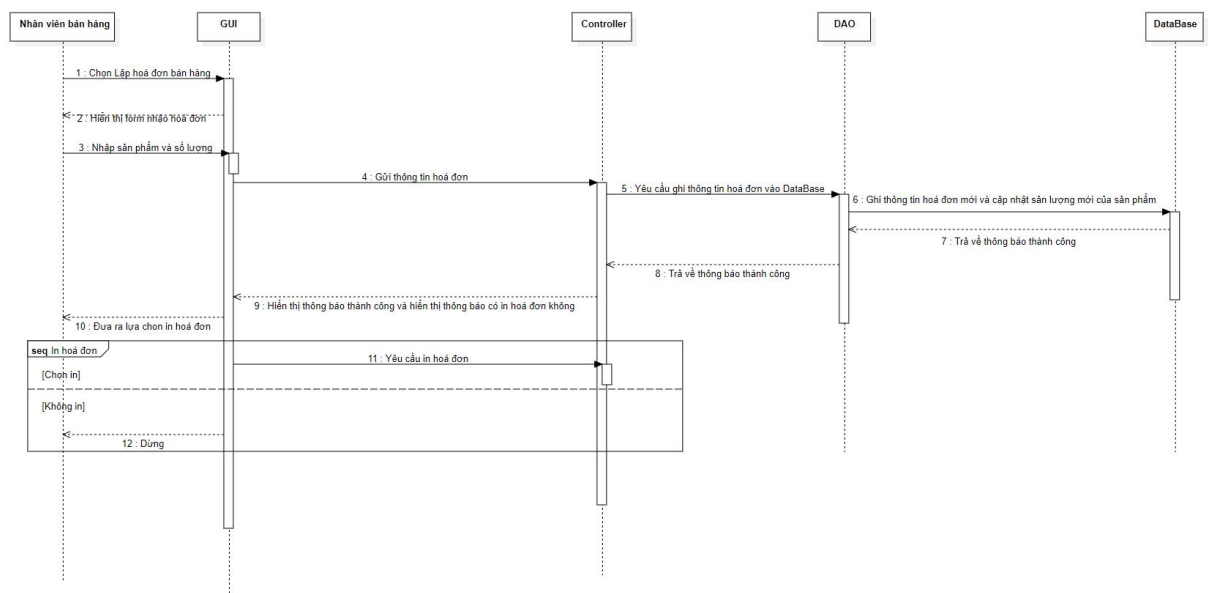
Hình 3.31 sequence Đăng xuất

### 3.4.3 Xem tình trạng đơn hàng



Hình 3.32 sequence Xem tình trạng đơn hàng

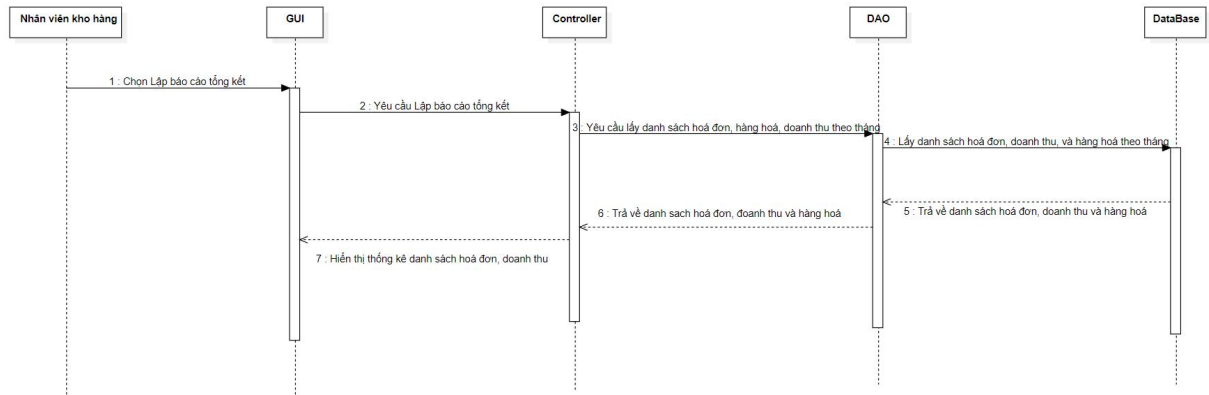
### 3.4.4 Lập hóa đơn bán hàng



Hình 3.33 sequence Lập hóa đơn bán hàng

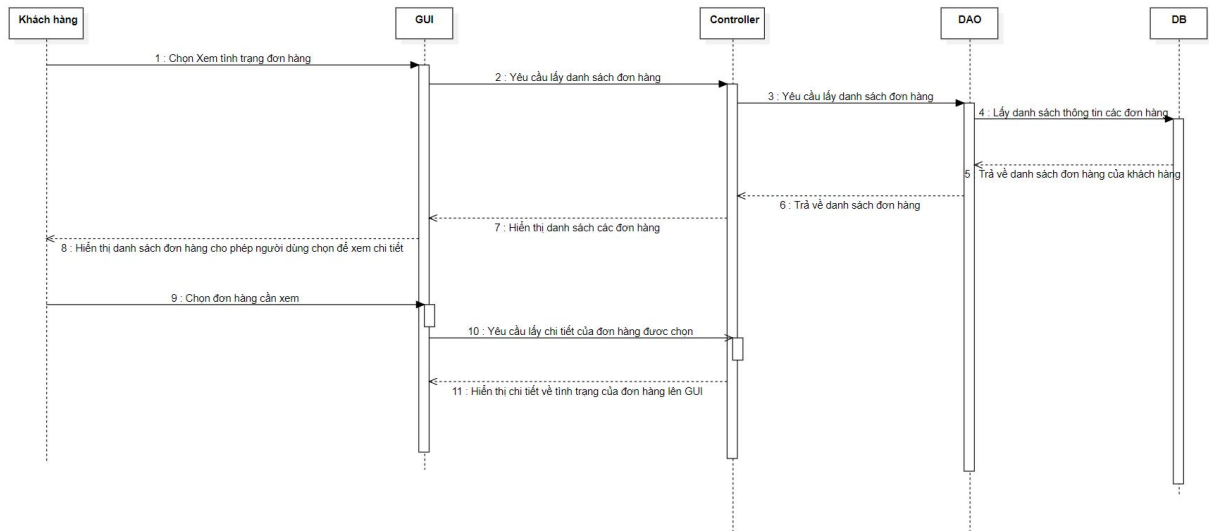


### 3.4.5 Lập báo cáo tổng kết



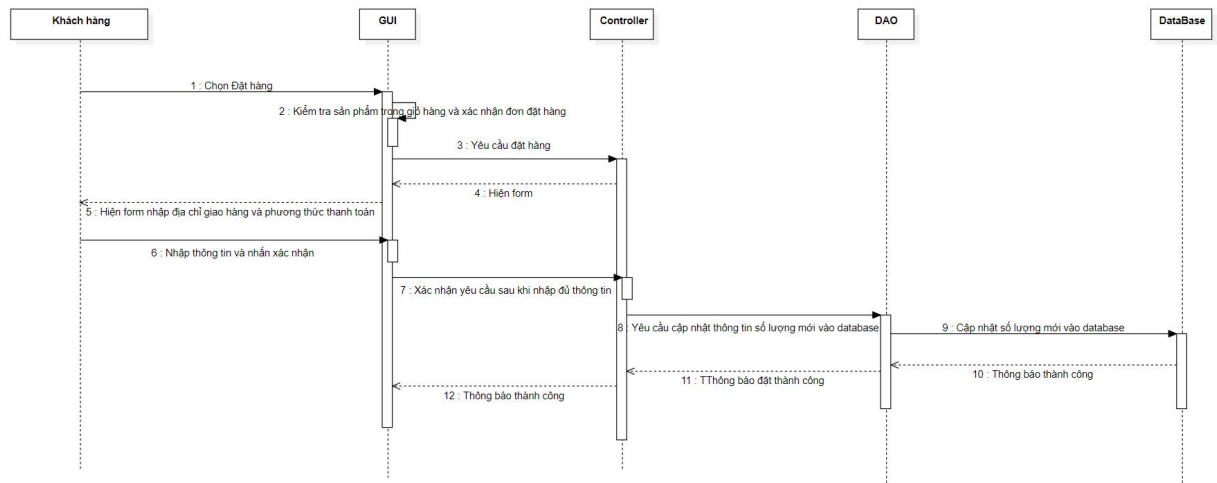
Hình 3.34 sequence Lập báo cáo tổng kết

### 3.4.6 Kiểm tra kho hàng



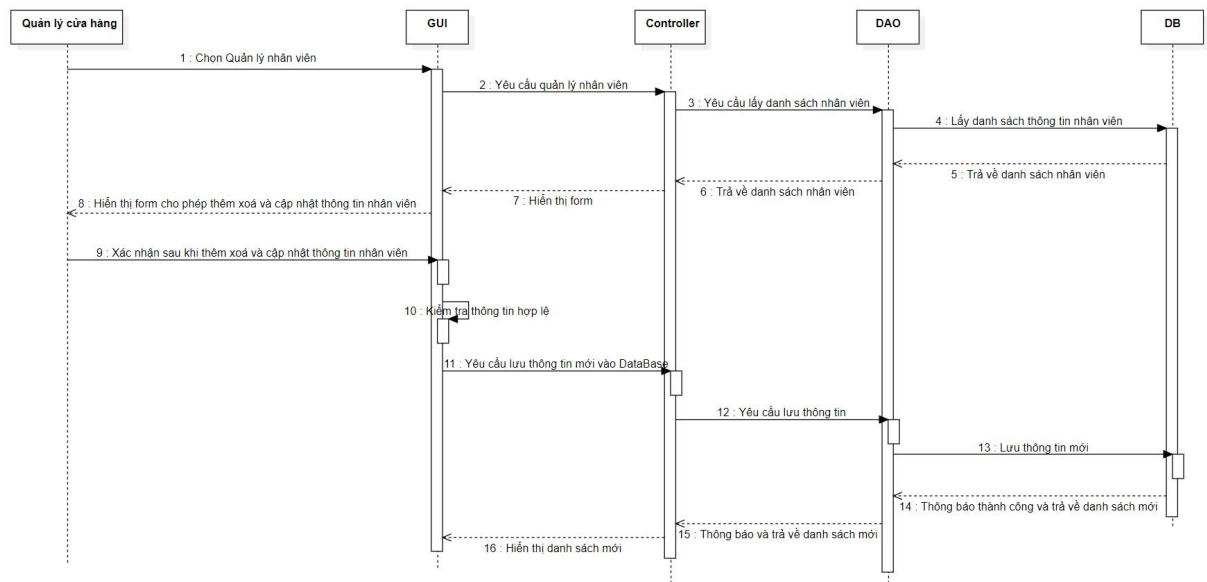
Hình 3.35 sequence Kiểm tra kho hàng

### 3.4.7 Đặt hàng



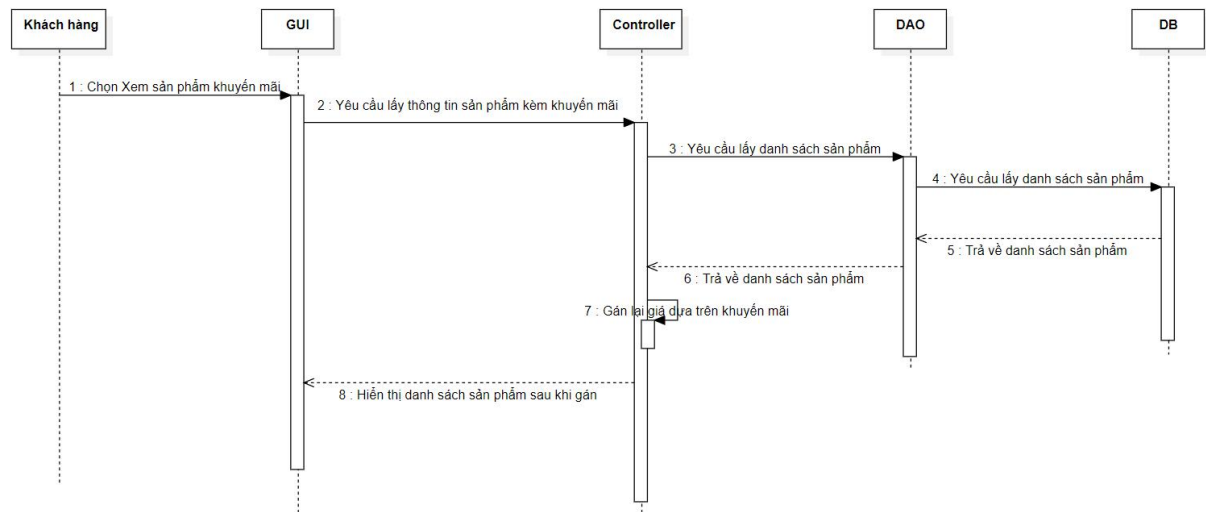
Hình 3.36 sequence Đặt hàng

### 3.4.8 Quản lý nhân viên



Hình 3.37sequence Quản lý nhân viên

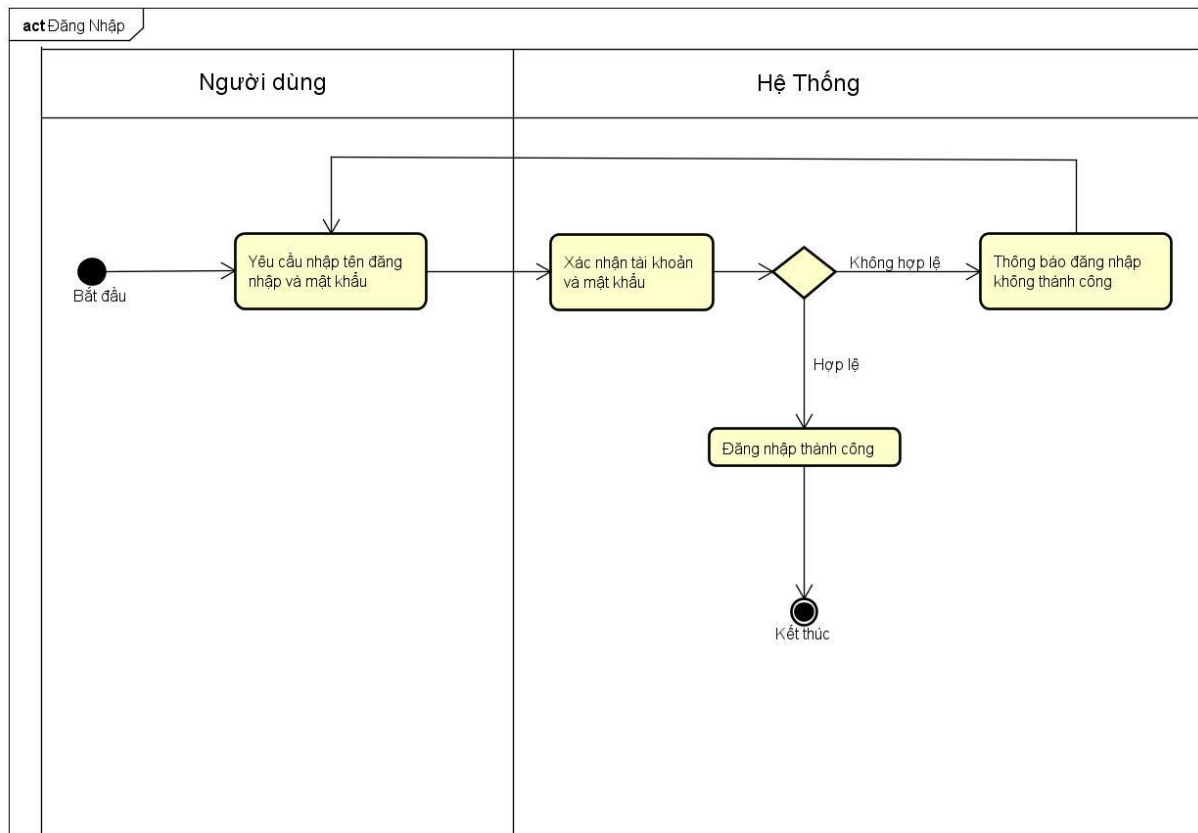
### 3.4.9 Xem chương trình khuyến mãi



Hình 3.38 sequence Xem chương trình khuyến mãi

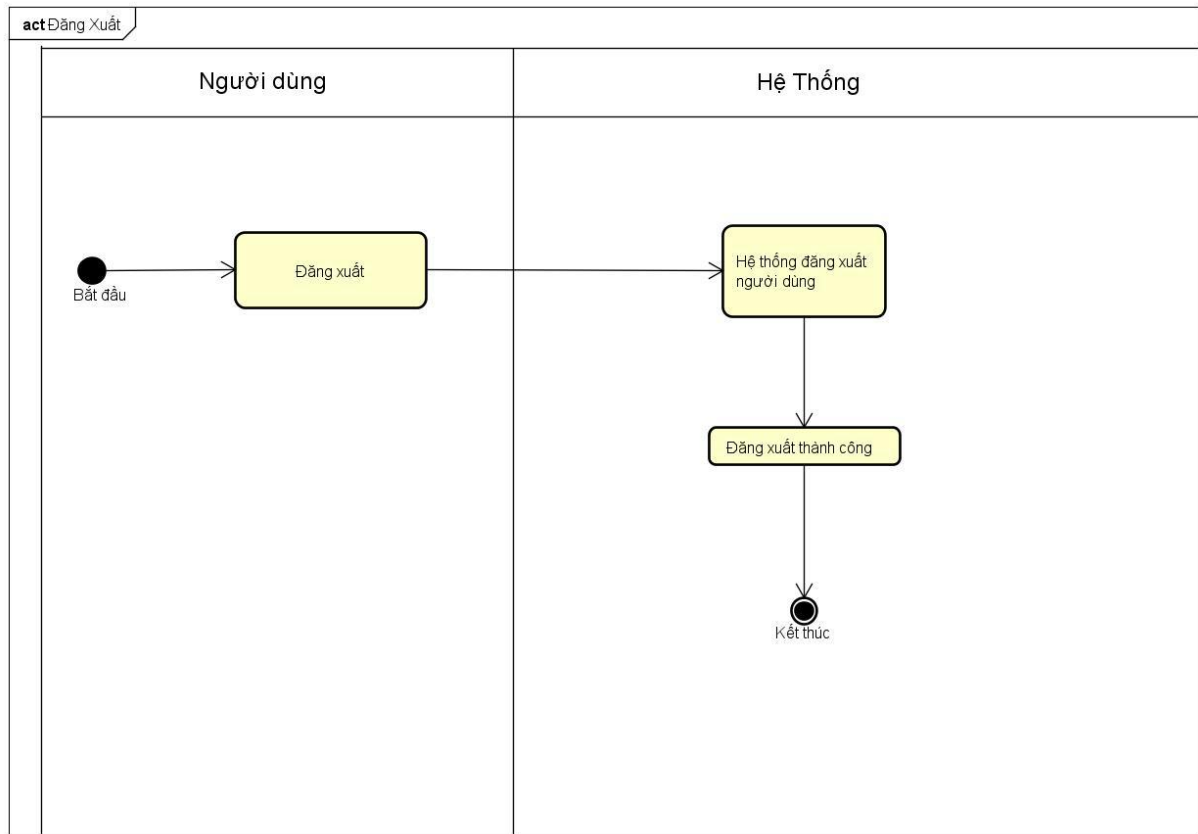
### 3.5 Sơ Đồ Hoạt động (Activity Diagram)

#### 3.5.1 Đăng nhập



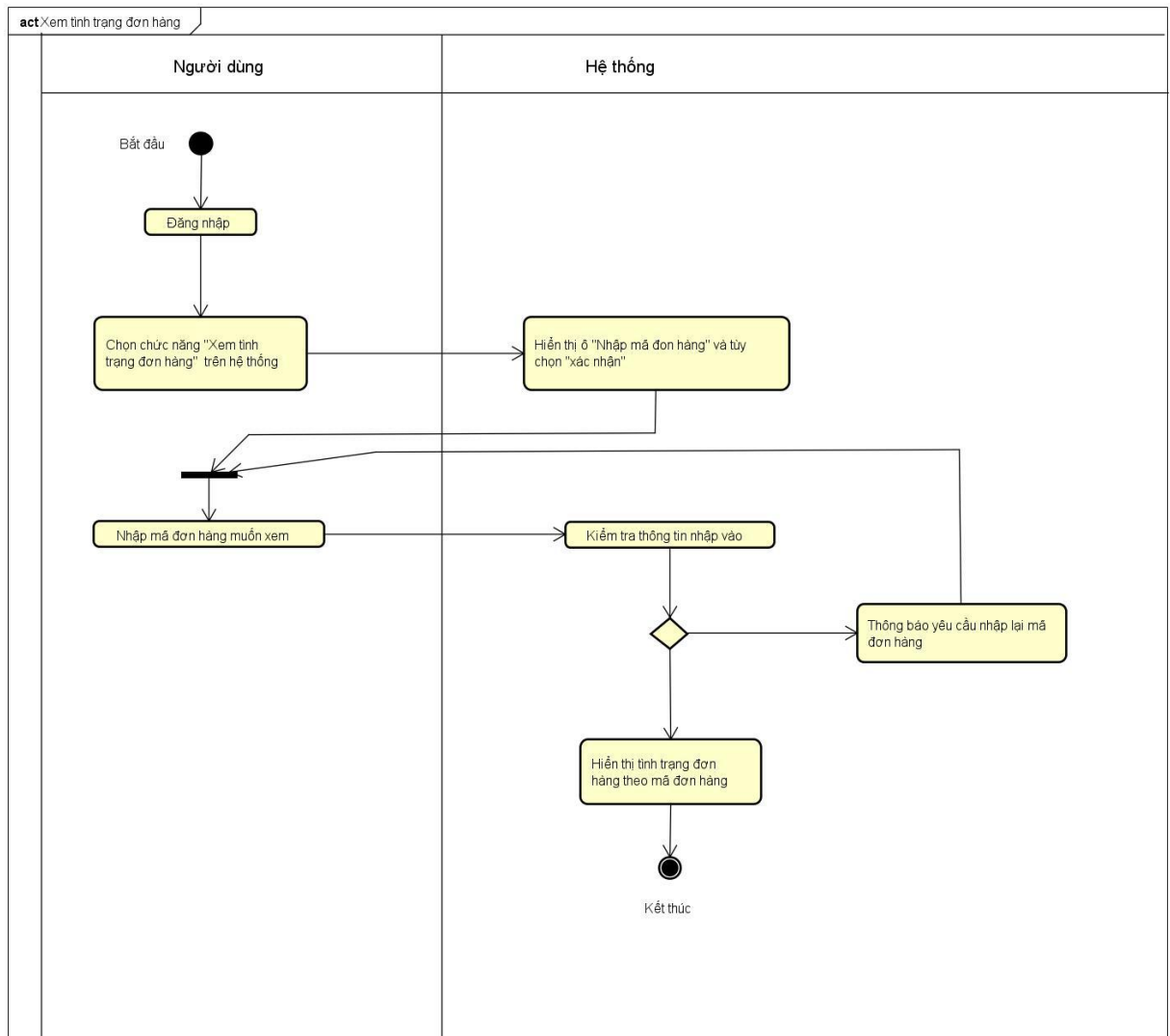
Hình 3.39 Đăng nhập

### 3.5.2 Đăng xuất



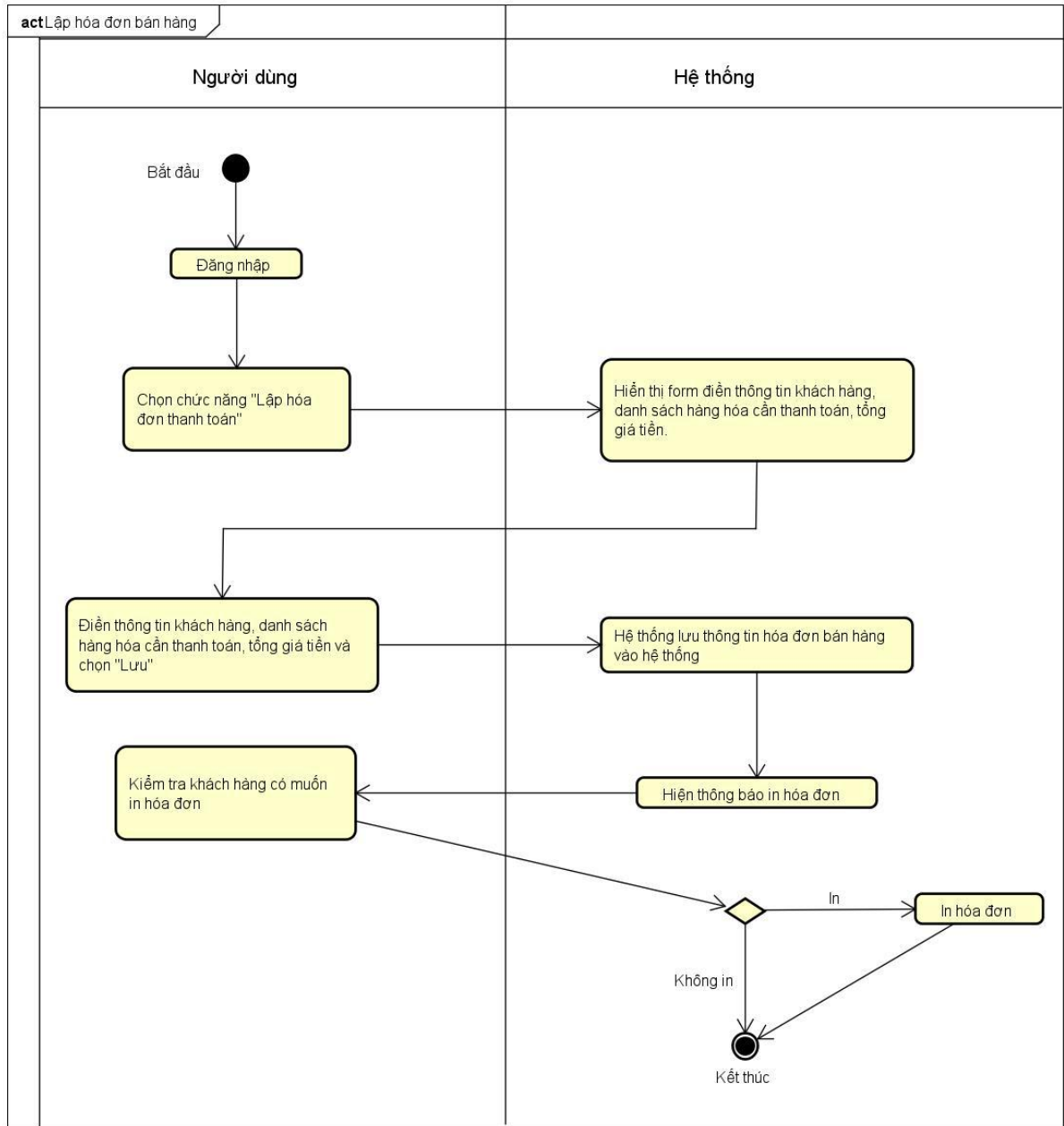
Hình 3.40 Đăng xuất

### 3.5.3 Xem tình trạng đơn hàng



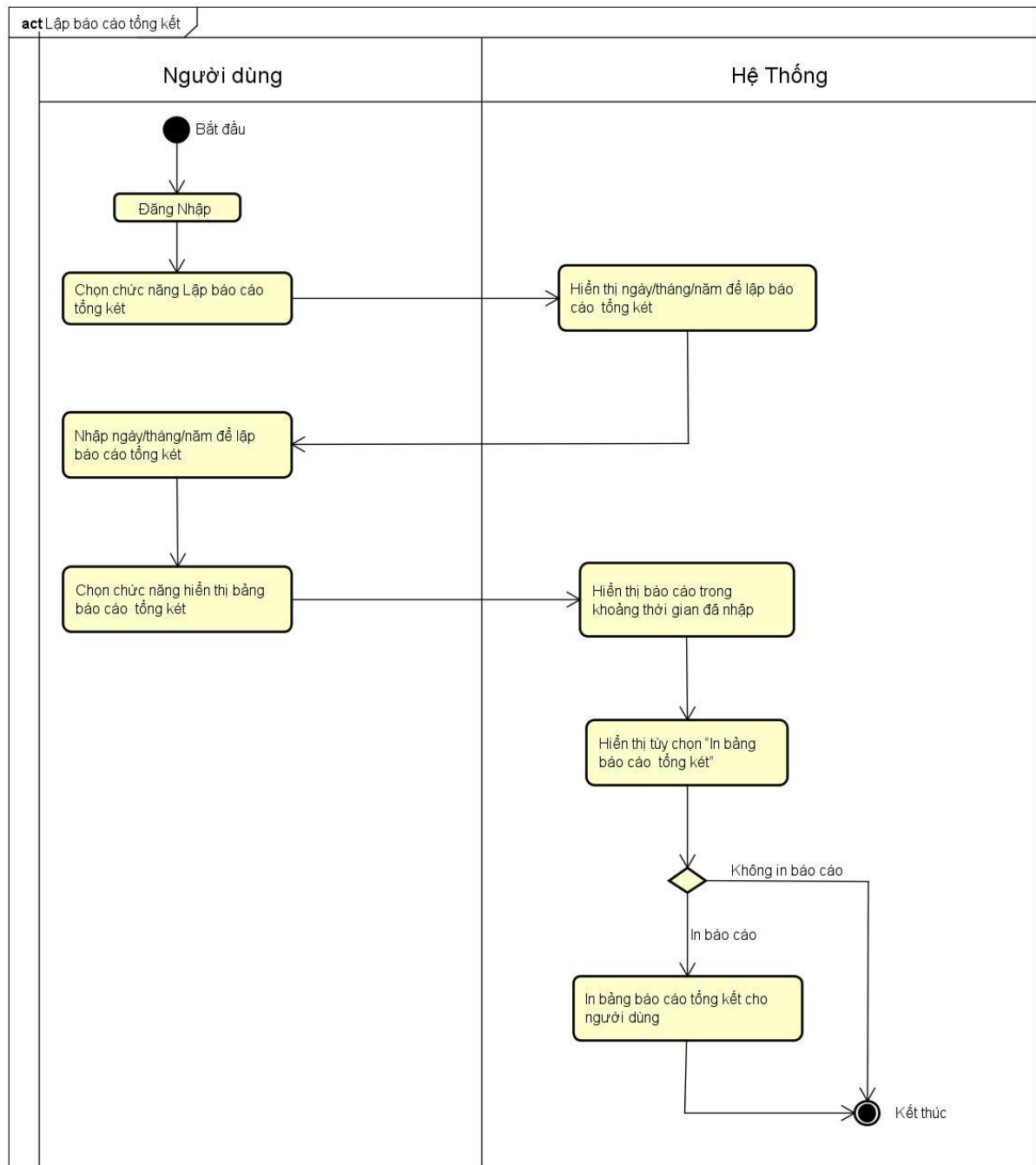
Hình 3.41 Xem tình trạng đơn hàng

### 3.5.4 Lập hóa đơn bán hàng



Hình 3.42 Lập hóa đơn bán hàng

### 3.5.5 Lập báo cáo tổng kết

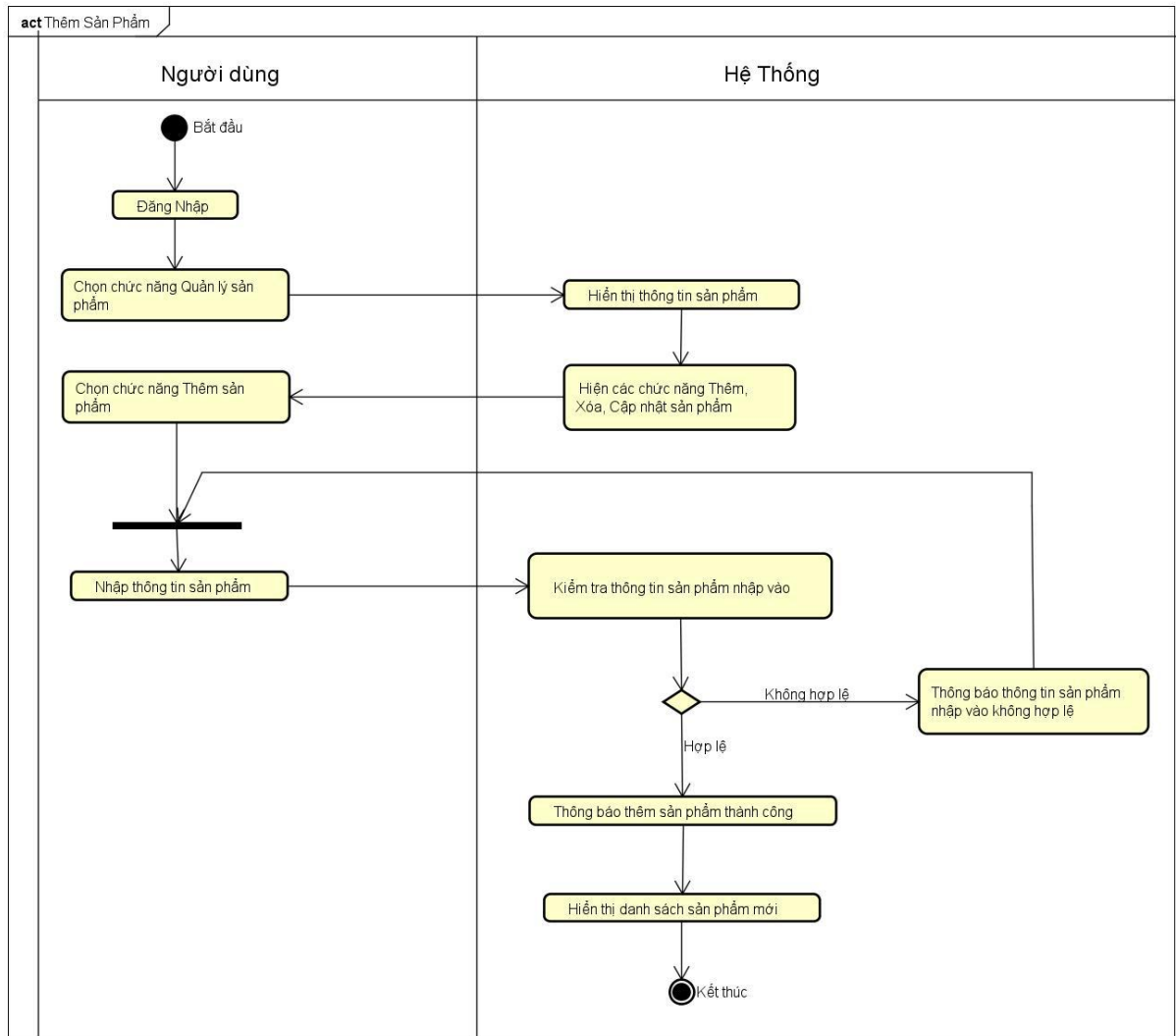


Hình 3.43 Lập báo cáo tổng kết



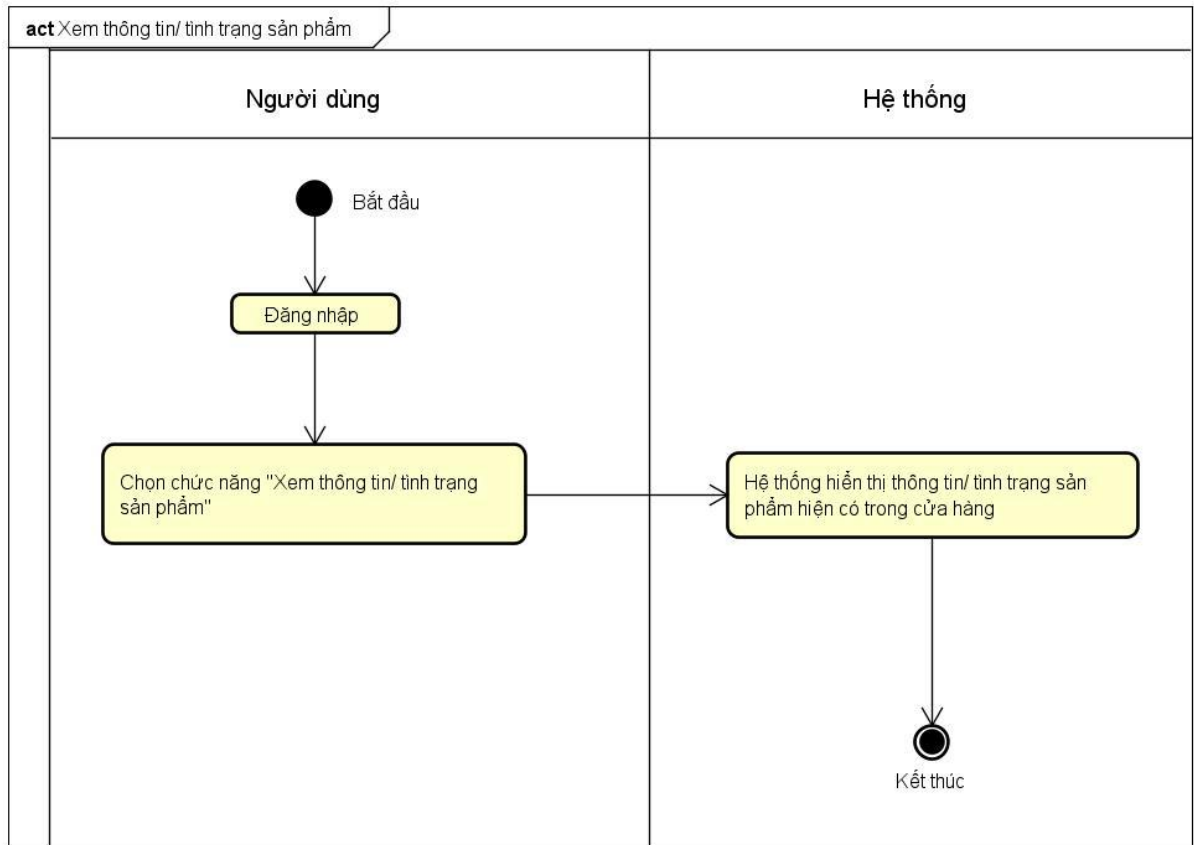


### 3.5.7 Thêm sản phẩm



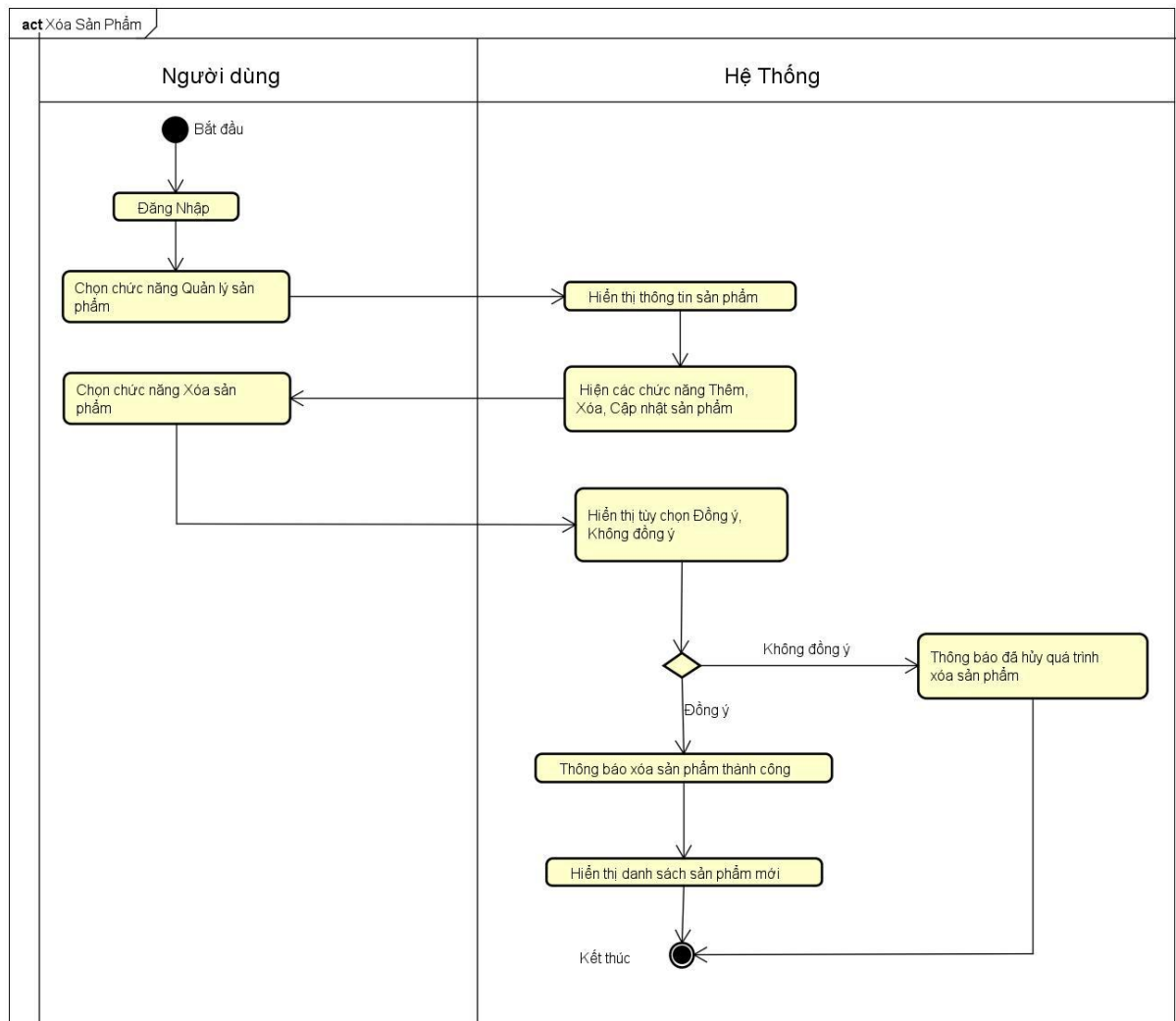
Hình 3.45 Thêm sản phẩm

### 3.5.8 Xem thông tin/ tình trạng sản phẩm



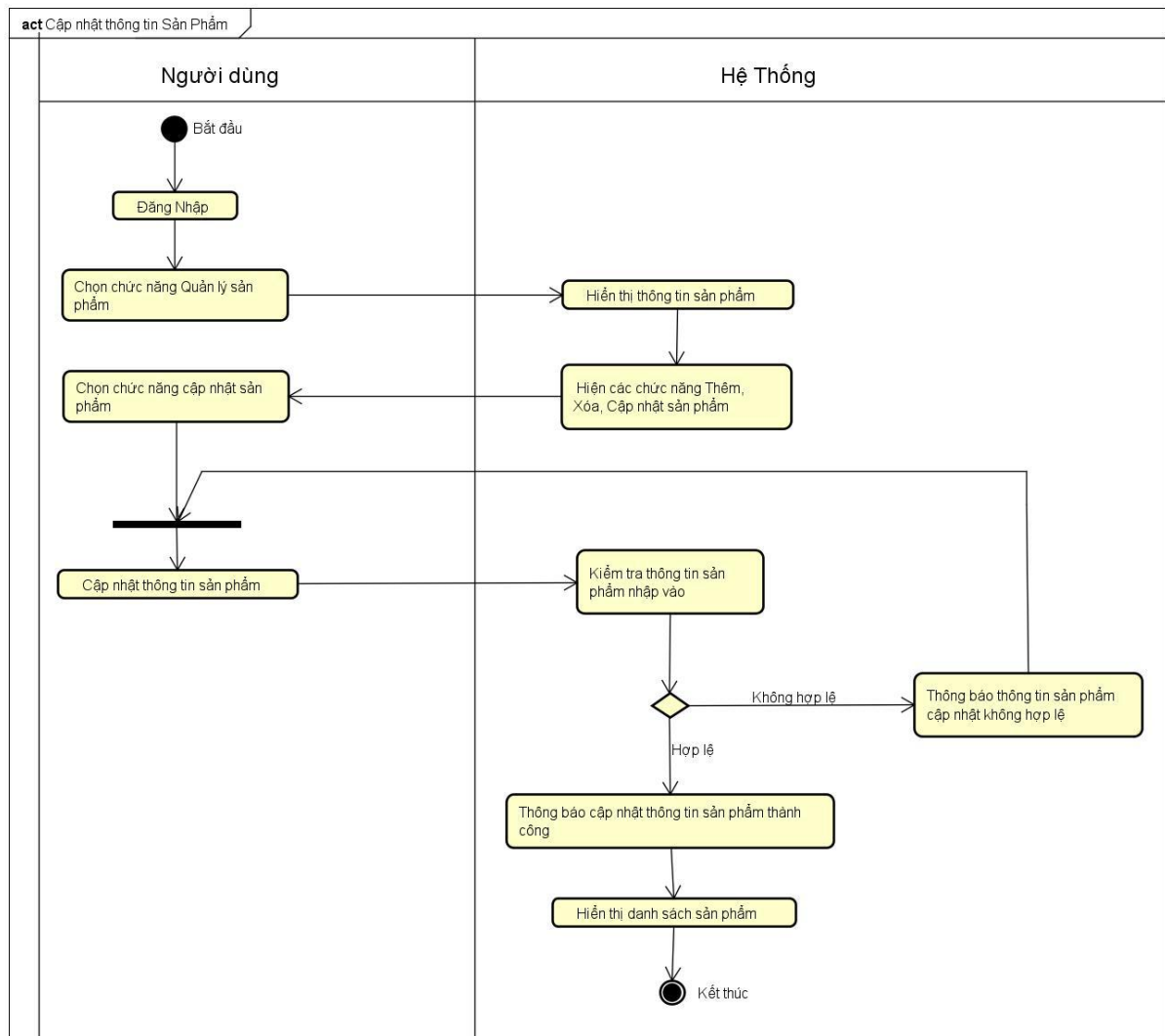
Hình 3.46 Xem thông tin/ tình trạng sản phẩm

### 3.5.9 Xóa sản phẩm



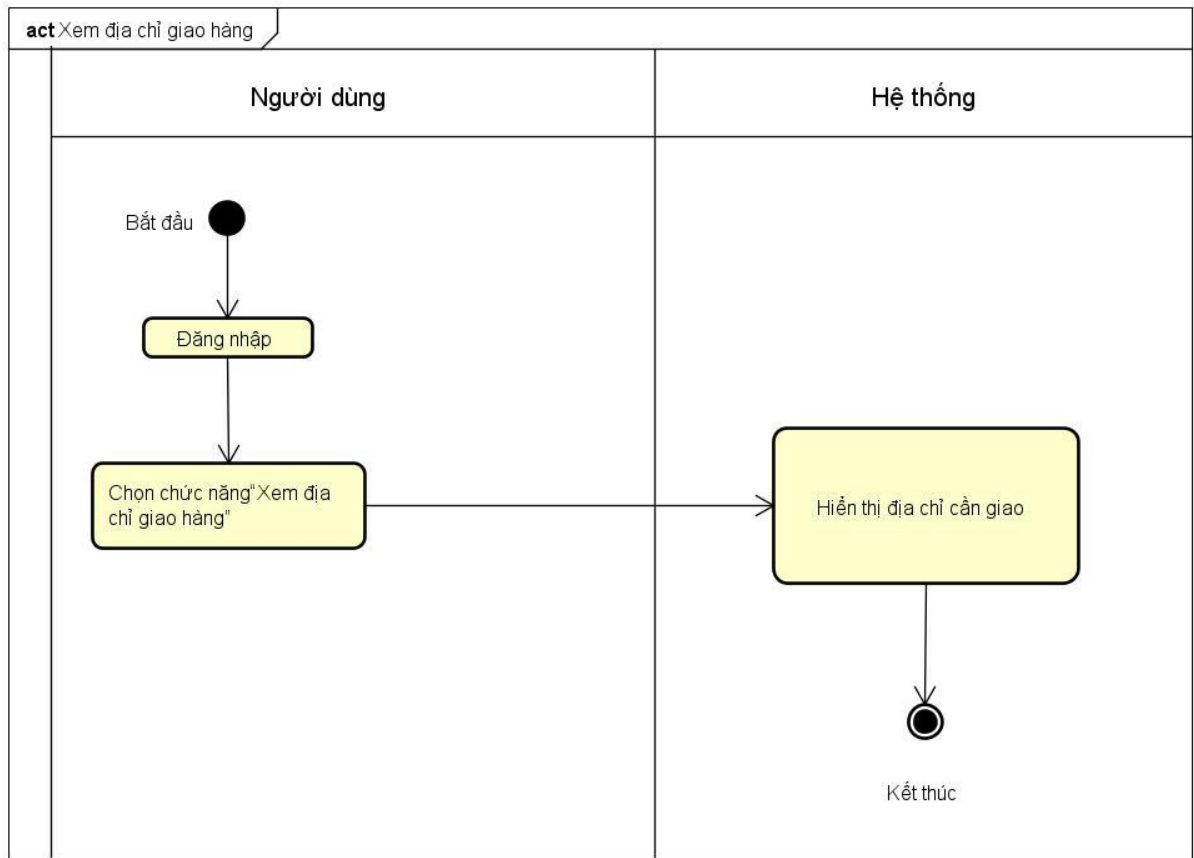
Hình 3.47 Xóa sản phẩm

### 3.5.10 Cập nhật thông tin/ tình trạng sản phẩm



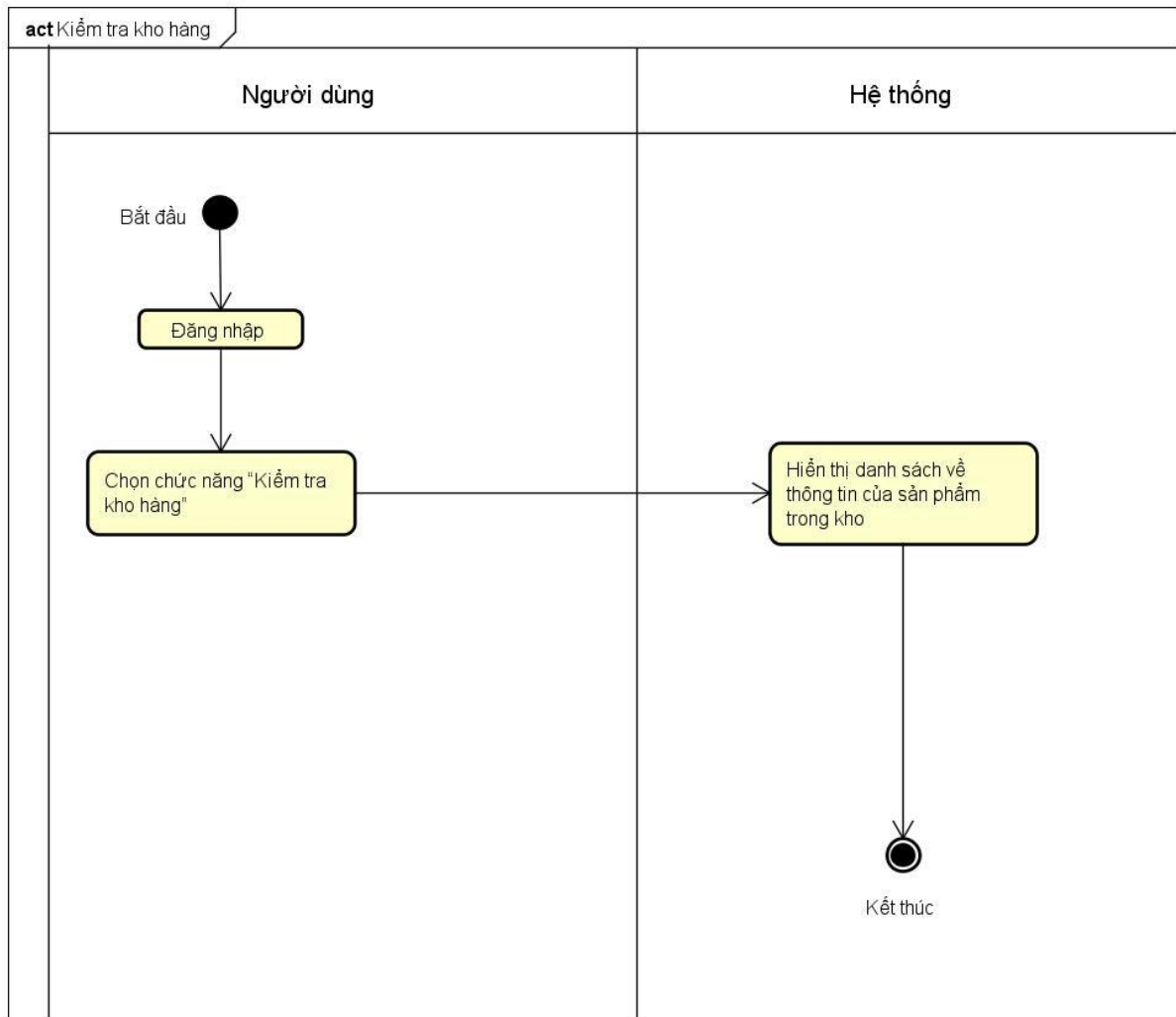
Hình 3.48 Cập nhật thông tin/ tình trạng sản phẩm

### 3.5.11 Xem địa chỉ giao hàng



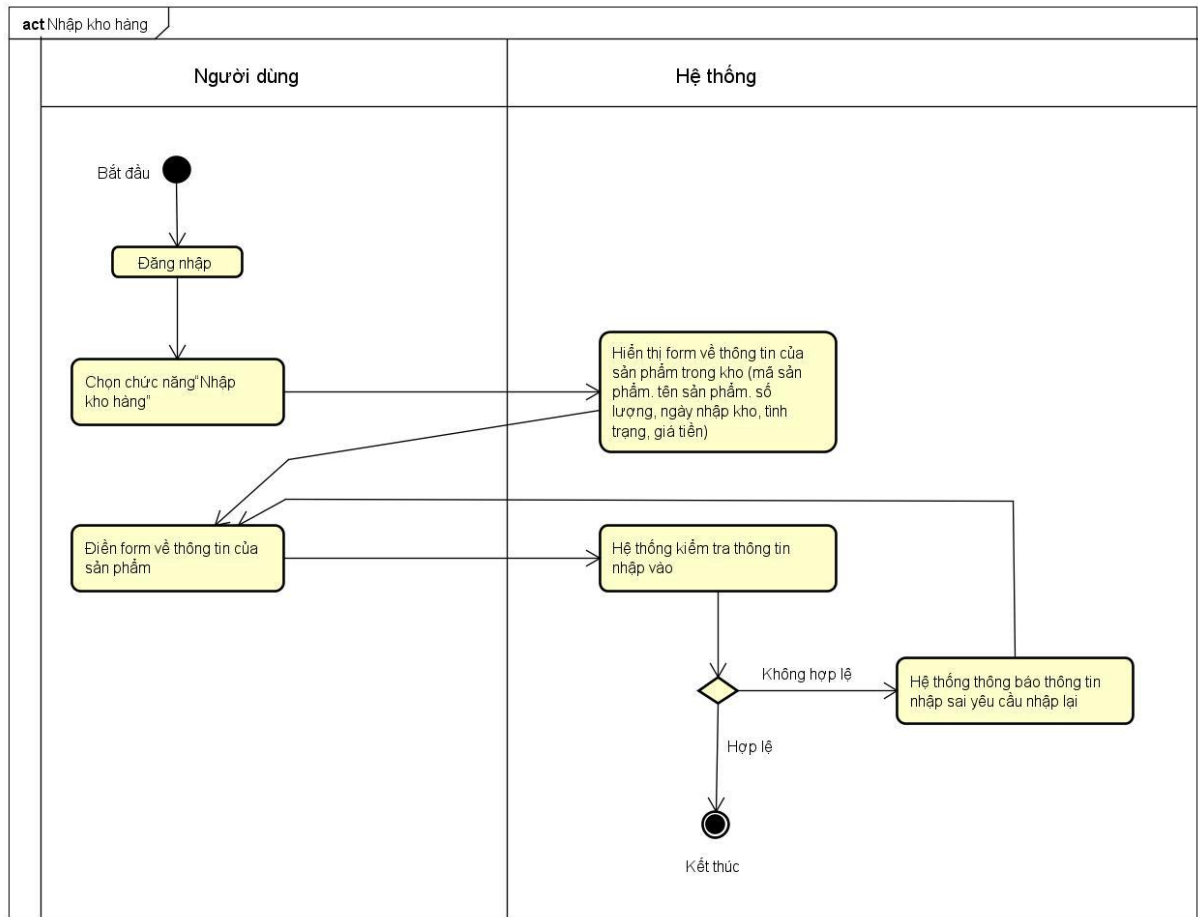
Hình 3.49 Xem địa chỉ giao hàng

### 3.5.12 Kiểm tra kho hàng



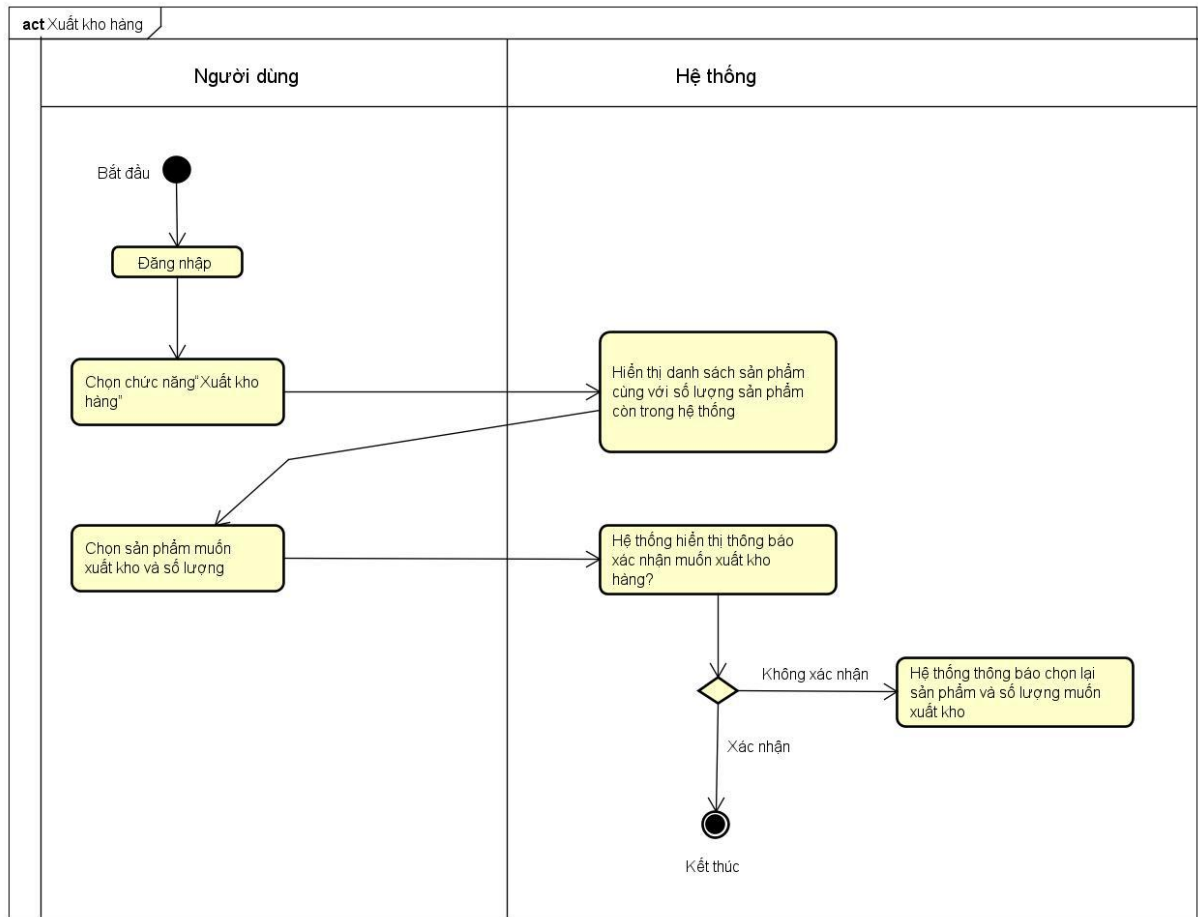
Hình 3.50 Kiểm tra kho hàng

### 3.5.13 Nhập kho hàng



Hình 3.51 Nhập kho hàng

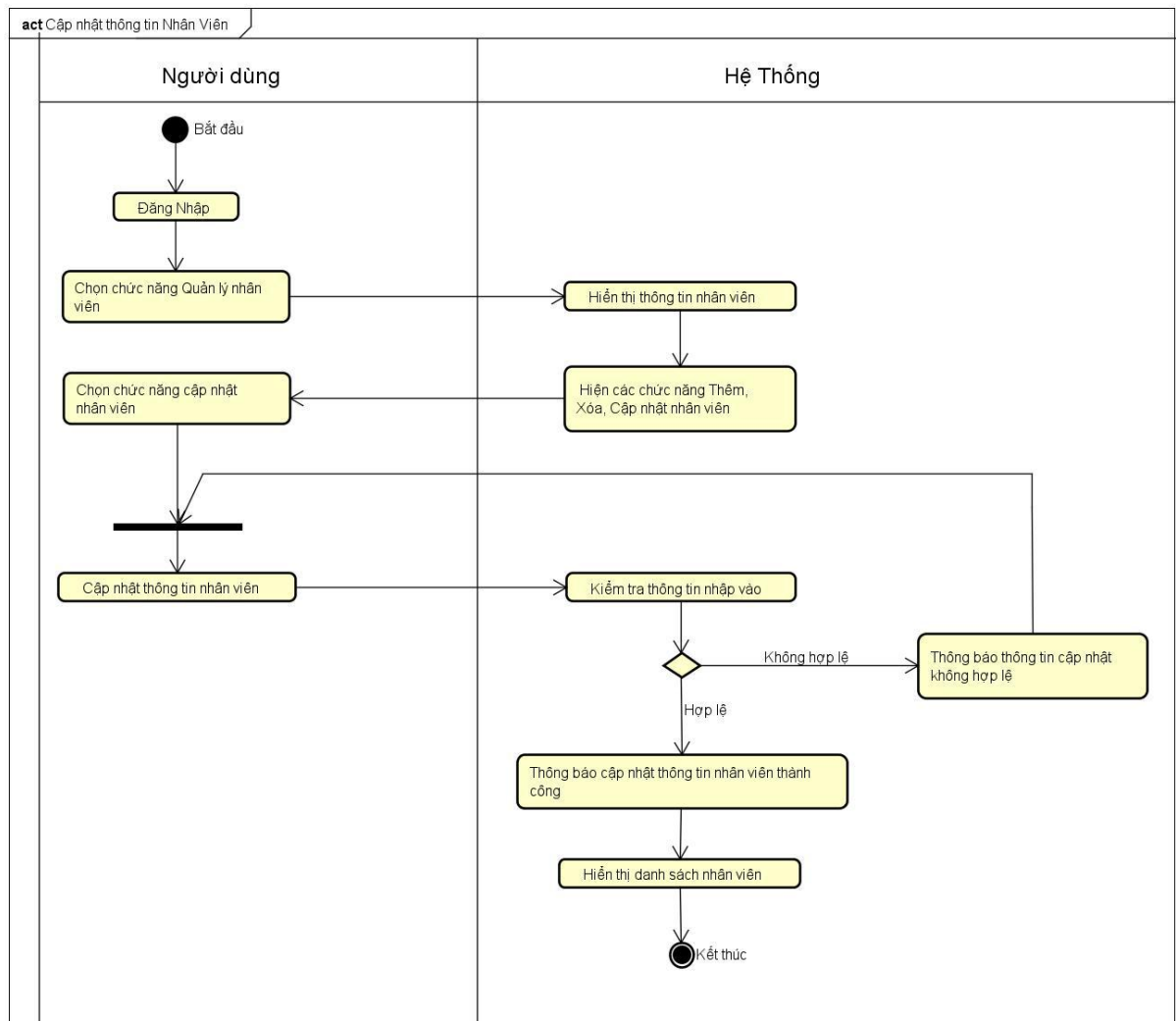
### 3.5.14 Xuất kho hàng



Hình 3.52 Xuất kho hàng

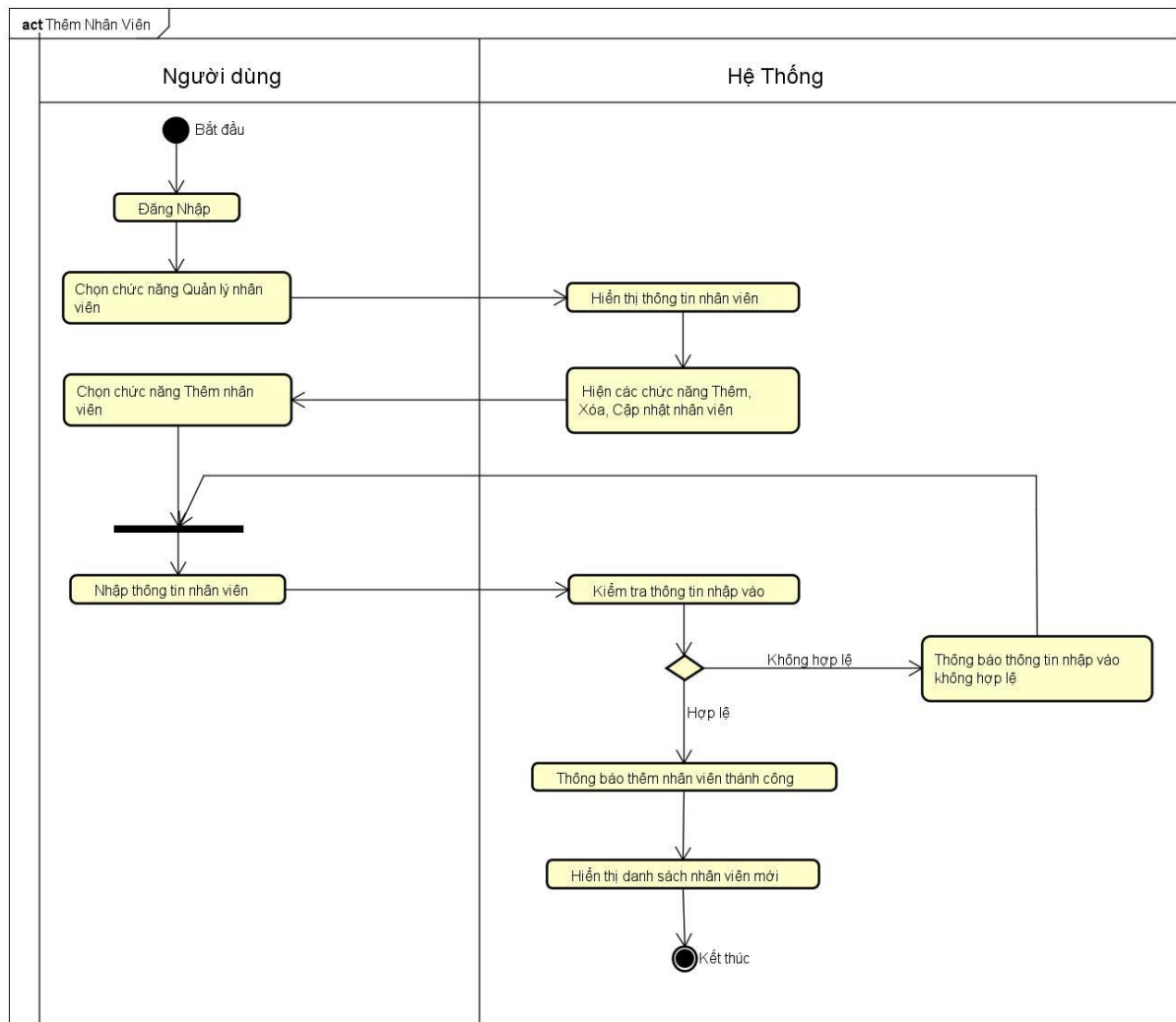


### 3.5.15 Cập nhật thông tin nhân viên



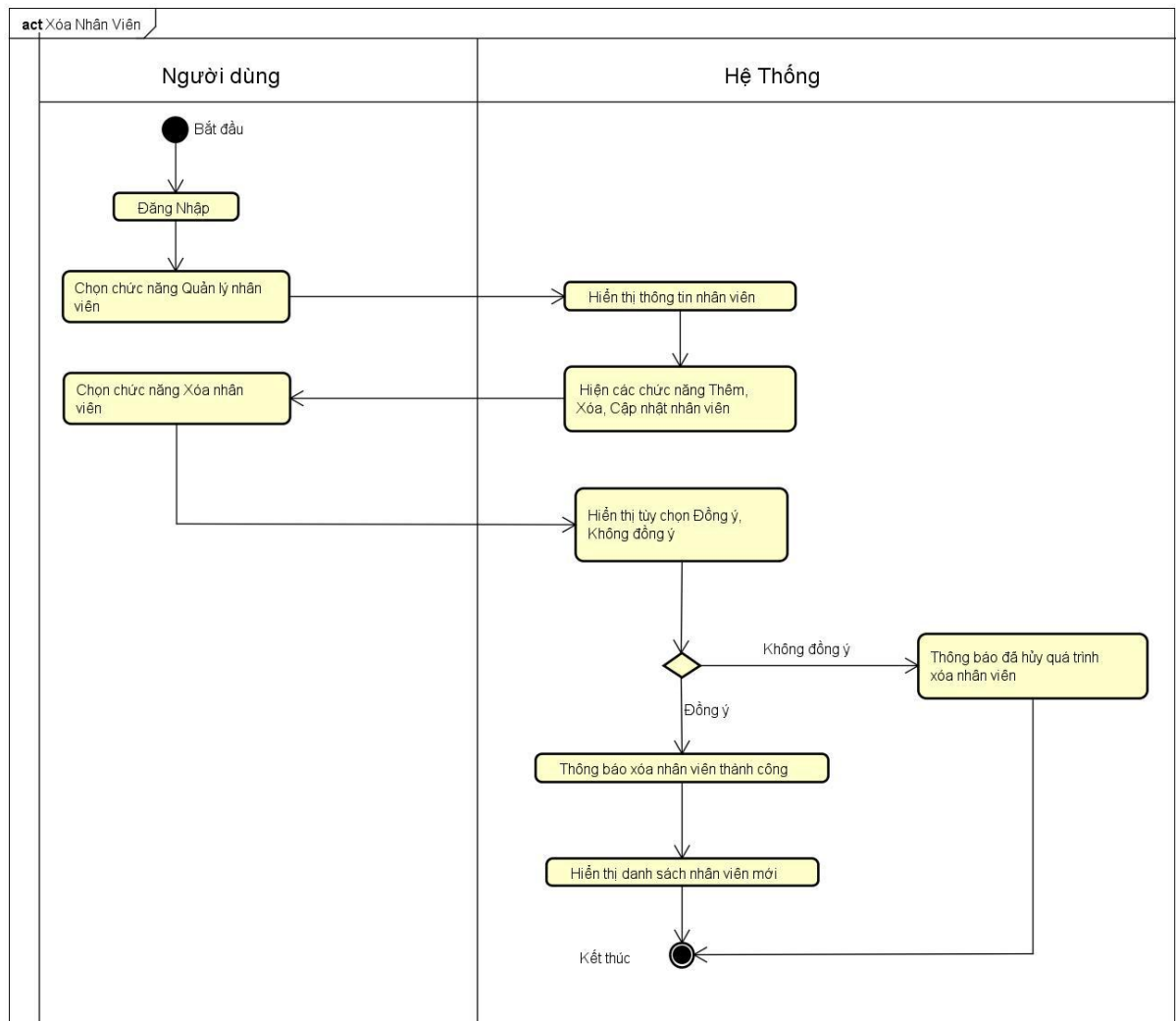
Hình 3.53 Cập nhật thông tin nhân viên

### 3.5.16 Thêm nhân viên



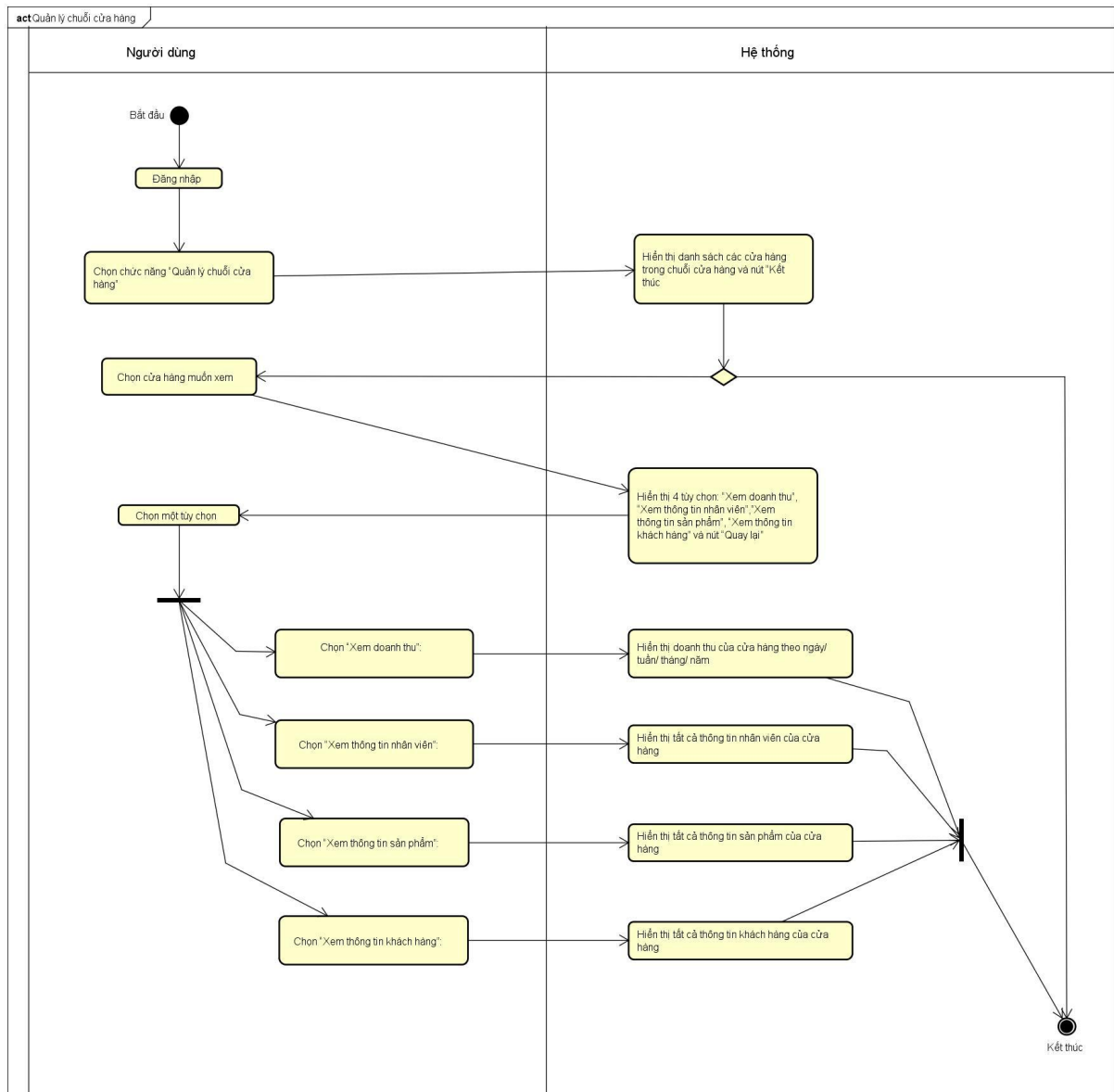
Hình 3.54 Thêm nhân viên

### 3.5.17 Xóa nhân viên



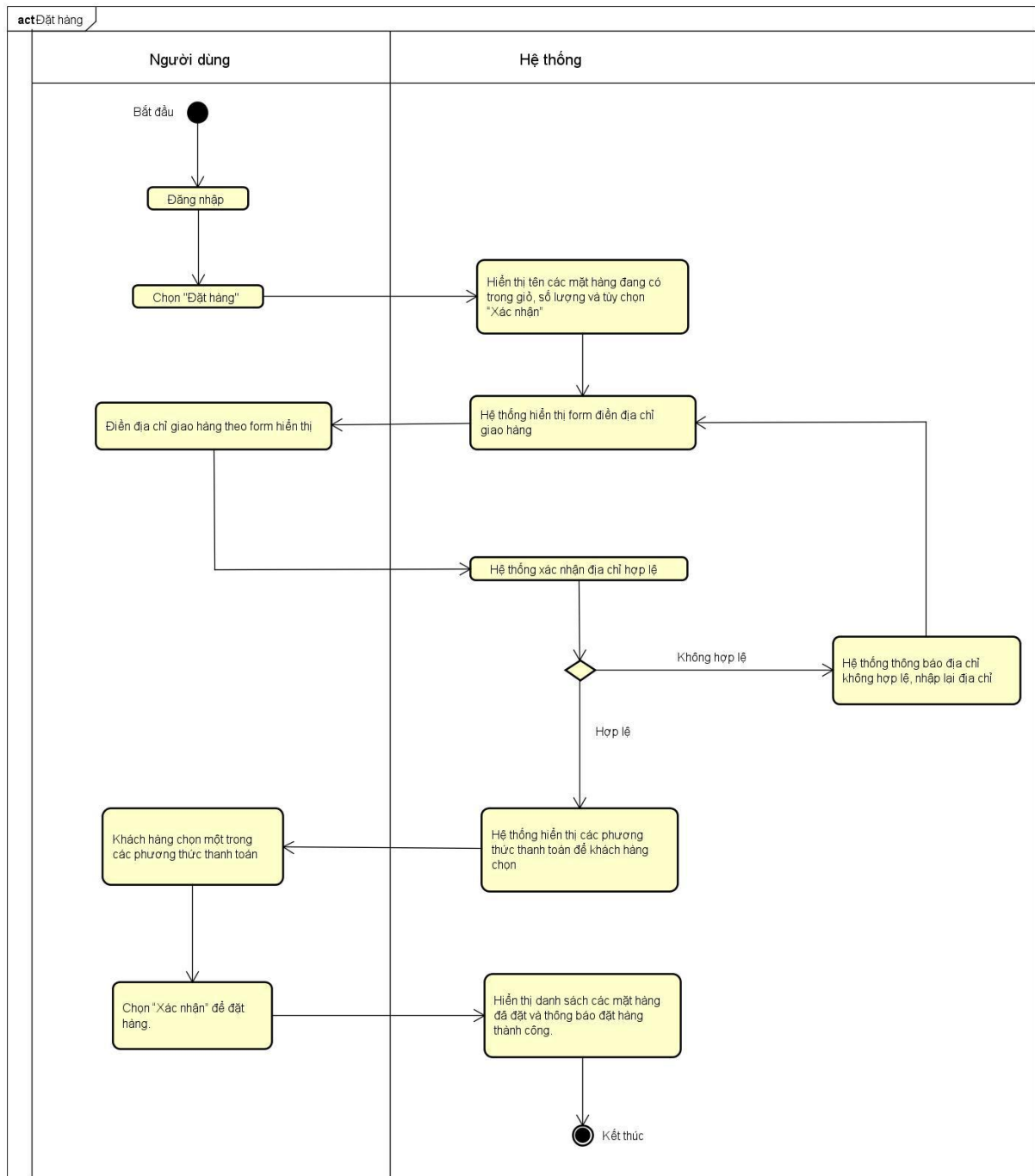
Hình 3.55 Xóa nhân viên

### 3.5.18 Quản lý chuỗi cửa hàng



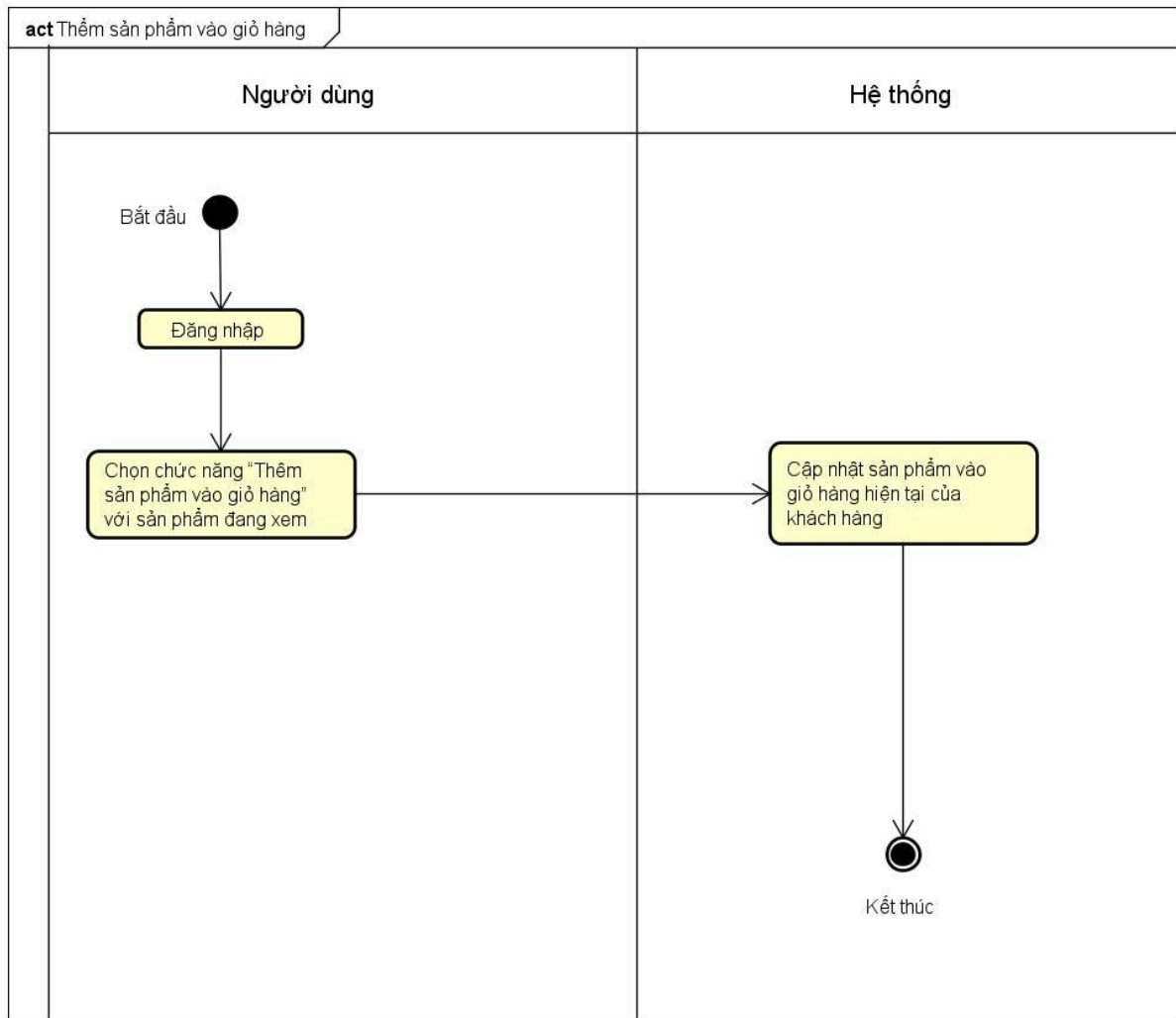
Hình 3.56 Quản lý chuỗi cửa hàng

### 3.5.19 Đặt hàng



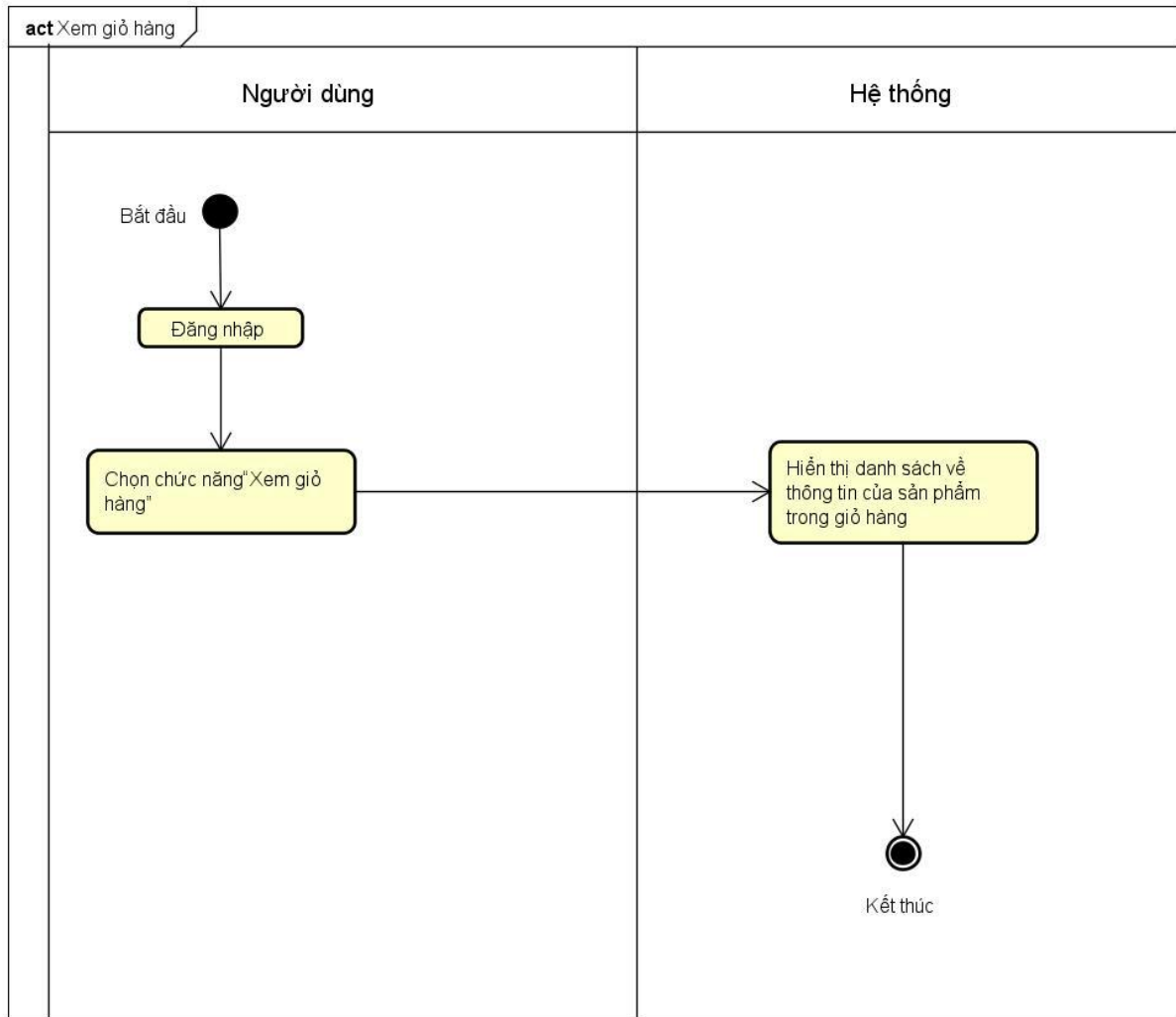
Hình 3.57 Đặt hàng

### 3.5.20 Thêm sản phẩm vào giỏ hàng



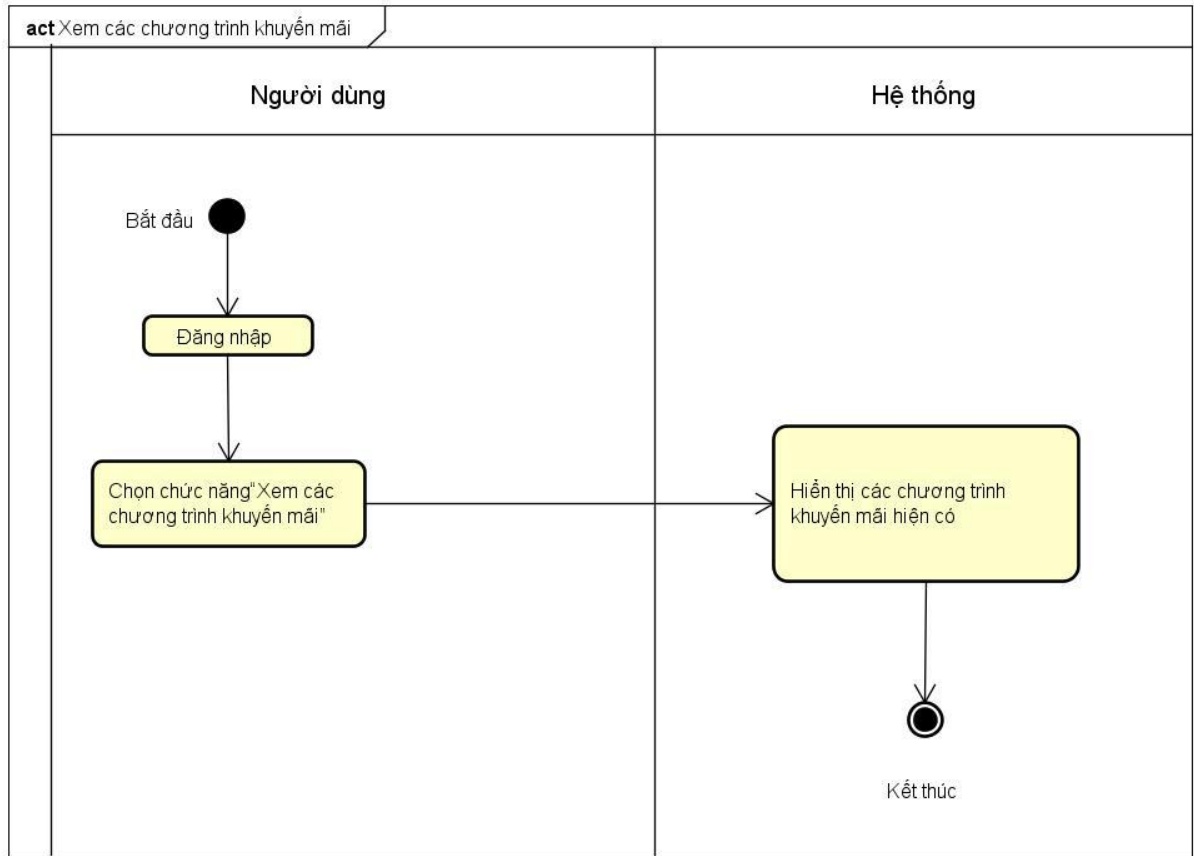
Hình 3.58 Thêm sản phẩm vào giỏ hàng

### 3.5.21 Xem giỏ hàng



Hình 3.59 Xem giỏ hàng

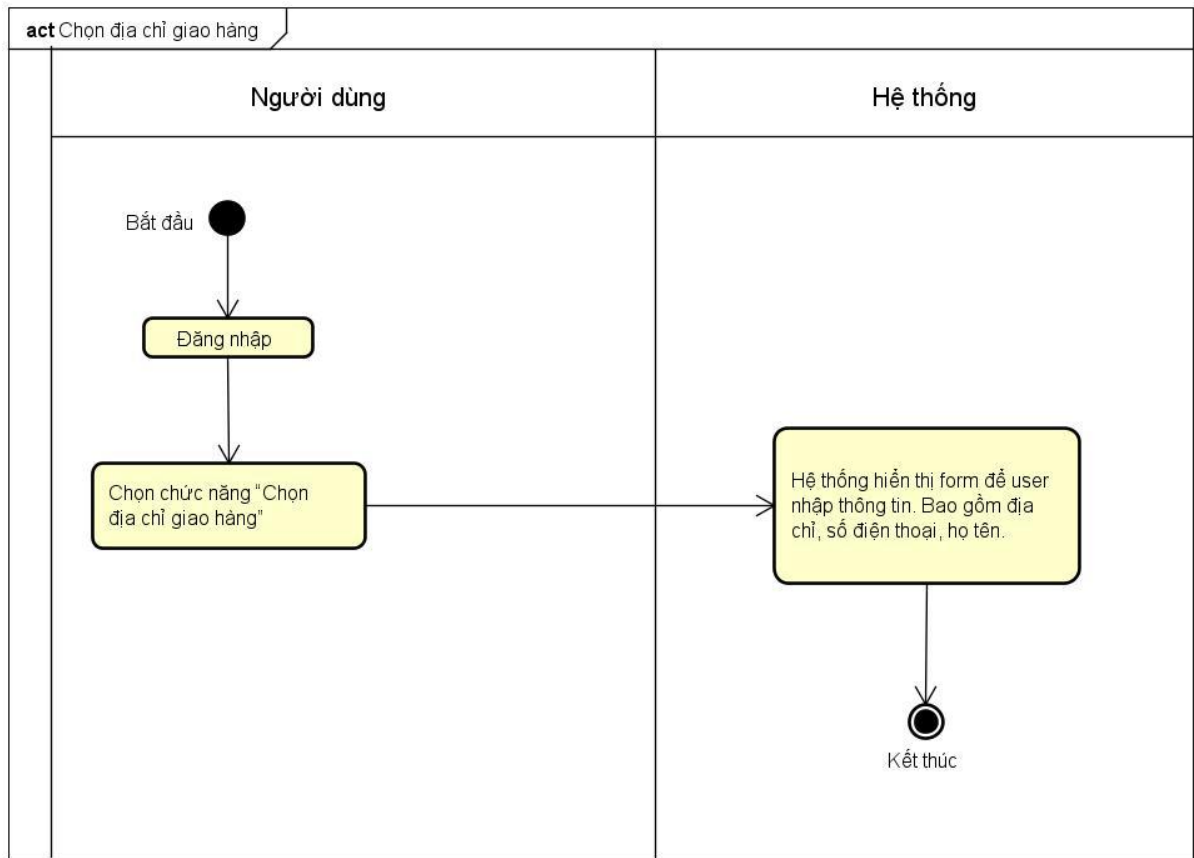
### 3.5.22 Xem các chương trình khuyến mãi



Hình 3.60 Xem các chương trình khuyến mãi

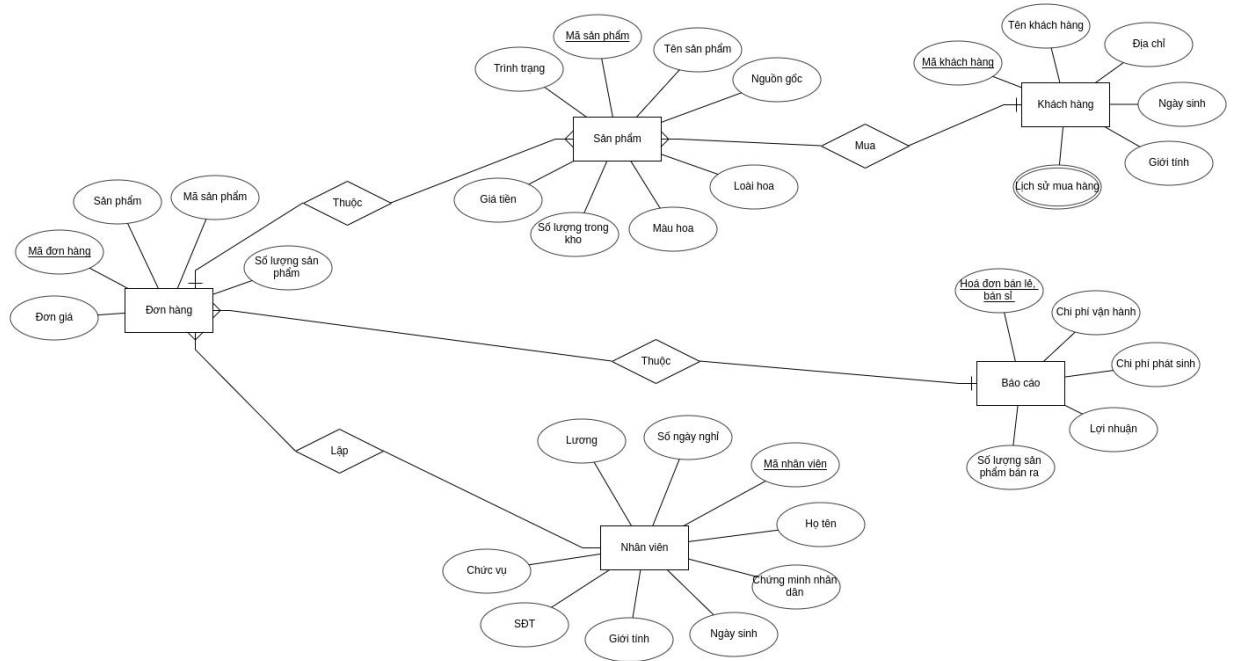


### 3.5.23 Chọn địa chỉ giao hàng



Hình 3.61 Chọn địa chỉ giao hàng

### 3.6 Sơ Đồ ERD



Hình 3.62 Sơ đồ ERD

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**Tiếng Việt**

**Tiếng Anh**